

VĂN ĐỀ

077

531

05

MAI THẢO

ghi nhận hàng tháng

TÙY ANH

thăng trầm với lịch sử

VŨ ĐÌNH LƯU

sinh khí sáng tạo và

thử thách lịch sử

NGUYỄN NGŨ

thơ

MƯỜNG MÁN

hạnh phúc buồn

VIÊN LINH

viễn mộng

chủ trương : vũ khắc khoan • mai thảo

SỐ 47 • THÁNG 6-1971 • GIÁ 50đ.

VẤN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 47

Tháng 6-1971

mai thảo	1	ghi nhận hàng tháng
nguyễn mai	6	cục tẩy
tùy anh	17	thăng trầm với lịch sử
vũ đình lưu	28	sinh khi sáng tạo và thử thách lịch sử
mang viên long	36	đi tìm kẻ mất tích
nguy ngữ	45	thơ
nguyệt nhật	48	thơ
mường mán	50	hạnh phúc buồn
trần hoài thư	61	ngày tháng xa
du tử lệ	70	chiếc bóng treo cành
viên linh	82	viễn mộng
vĩnh lộc	88	tàn cơn gió loạn
vấn đề	95	thư đến từ bạn đọc

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **Bà BUI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

MAI THẢO

ghi nhận trong tháng

● Tháng sáu. Tháng của những tuổi Song Nam an nhàn, bình lặng, nhưng vương mắc trong cái lưới hệ lụy tình cảm nhỏ nhặt, hiển hiện rõ rệt trên những chỉ tay tan nát, nhìn thấy trong một lòng bàn tay Song Nam mở rộng. Tháng sáu. Đang giữa vụ hè. Chủ nhật dài cho sách. Chặt đứt năm thành hai phiên đều đặn, là cái dấu đứt, cái dấu mở cho hai khóa học, bằng cảnh tượng những trường sở im lìm, bằng đèn ngủ thiếp, tháng sáu gọi nhớ, trong cái nắng choáng váng, ngây ngất tâm thần, những lang thang, những phiêu lưu và những mộng tưởng đầu đời. Nhớ nắng. Nhớ trời. Nhớ một con đường đời cần cỗi, nghi ngút dưới cái nắng trung du ngà ngà như men rượu, lối đi vào huyện Thạch Thất, Sơn Tây. Và cái bạc đà ướt đầm mồ hôi đường trường những ngày tấn cù, kháng chiến. Tháng sáu có cái chất thơ riêng của nó. Một con đường thơm, giữa làng. Những cánh bướm là tả. Tiếng cu gáy. Buổi trưa ca dao. Đó là tháng sáu, mắc võng mùa trong thơ Huy Cận. Một con đường khác. Biển nắng ngút mắt. Nắng ngập trời trong tiếng gà thất lạc. Đó là cái đẹp của tháng sáu, trong một bài thơ Hồ Dzếnh. Tôi xưa trước, từng là cái gã học trò «mộng ra ngoài cửa lớp» ngó nắng và nhớ trời trong Vàng Sao của Chế Lan Viên.

Đầy trí nhớ đi xa hơn trên ngược chiều địa hình, ghi nhận của tình cảm tháng này là một vĩ tuyến vô thừa nhận với những khẩu trọng pháo 155 ly đặt ngằm và sâu hút trong lòng đá núi. Qua đó, tới nữa, tới Hà-nội. Hồi tưởng sống lại, khoảng khắc, một khoảng khắc lung linh hoang đường, với một ánh trăng tháng sáu xanh biếc của Hồ Tây. Thuyền. Tâm hồn người là một ảnh hình thuyền. Lênh đênh. Chập chờn. Bền bờ. Sóng đập. Những đêm tháng sáu xưa nhể nhại của một Hà-nội thiếu gió. Phố Huế, Cầu Rền, Bạch mai, đều lữ lượt tìm lên thăm cỏ Cỏ Ngưu. Hà nội nằm, những đêm tháng sáu hóng mát, đầu gối lên Trúc Bạch, lưng tựa vào Yên Phụ, ôm ngang mình Quảng Bá. Và tiếng rao khàn khàn của người Tàu già bán chè chế mà phũ. Đêm khuya trở về. Trấn Quốc tịch mịch. Những cái bóng đồ dài trên những thước nhựa vòng cung của con đường Quan Thánh.

● Tháng sáu ở miền Nam là những trận mưa ngập lụt phố đường, Mưa trưa, chạy không kịp. Mưa chiều, tối trời đất. Nhạc mưa tháng sáu ròn tan, những diện tích phẳng nào cũng là những tang trống căng thẳng. Nhịp mưa tháng sáu thốc tháo, quấy đảo. Mưa. Nằm nhà Đắp một cái chăn mỏng lên ngang tầm ngực, nghe mưa thét gào trên mái, suốt ba buổi chiều mưa lớn, tôi đọc vừa xong một cuốn truyện giết người. Cuốn De Sang Froid. Của Truman Capote Bản dịch Pháp văn 421 trang khổ lớn, của nhà Gallimard. Capote kể lại một vụ án mạng. Một thẩm sát. Lấy từ một tin vật. Những cái tin vật của xã hội và thời đại bây giờ là những hiện tượng đáng lưu ý nhất. Chữ sao. Đồng ý với Capote. Những việc lớn rộng tuế h, hàm hồ, vô nghĩa. Sách kể lại một hành động thủ tiêu đồng loại lạnh lùng, thề loại thủ tiêu thiếu vắng đến những mảnh vụn nhỏ nhất của nhân tính và lương tri. Như kiểu thủ tiêu cô đào ciné Sharon Tate. Hoa Kỳ bây giờ đầy đặc những hình thái bạo động kinh dị như vậy. Sách trình bày hai gã thanh niên Hoa Kỳ xấu. Và ác. Xấu rất hồn nhiên. Ác rất tươi cười. Ác và xấu từ cấu thành từ sợ sinh. Tội ác

mang hình thù nào? Mảnh hạt và gốc gác ẩn tàng trong những khe đất ung thối nào? Xã hội đã làm được gì trong cải hóa cái ác, xấu thành cái thánh thiện? Có câu trả lời trong truyện. Giữa những hàng chữ. Cũng là không có. Sợi dây tử hình treo cổ như hình phạt đích đáng, hữu lý nhất cuối cùng cũng là tội ác. Vì vấn đề không giải quyết. Thảm kịch vẫn nguyên vẹn.

De Sang Froid được viết như một tường thuật dài. Thứ tự. Mạch lạc. Rất văn chương trong cái dụng tâm không làm văn chương. Vai trò nhà văn được quy định trong một giới hạn thật minh bạch. Không hề ở một trang, một giòng nào, Capote cho người đọc cái cảm tưởng ông vượt khỏi giới hạn đó. Nhà văn chỉ là một kẻ thuật lại. Chấm và hết. Tuyệt nhiên không phê phán, không thêm bớt. Hơn bốn trăm trang sách dày đặc những chi tiết về ngày, giờ, nơi chốn, cây sào, khách sạn, quán nước vv... đều lấy ra từ những hồ sơ tư pháp, những tờ cung khai, biên bản những phiên tòa. Toàn là sự thật, không một chỗ đứng nhỏ cho giả thuyết, cho tưởng tượng. Nghệ thuật Truman Capote là bằng cái này, làm cho thấy hết những cái khác. Ở đây là từ một vụ thẩm sát, thấy hết « như một toàn cảnh sinh động, vĩ đại », lối sống, sắc thái, tập tục, ý niệm về con người xã hội và mối liên hệ giữa người và người của xã hội Hoa Kỳ hiện tại. Tati, nhà thực hiện điện ảnh Pháp: « Tài năng là làm việc mười hai tiếng một ngày. Thiên tài là làm việc gấp đôi. Hai mươi bốn tiếng ». Đọc De Sang Froid, thấy câu nói đùa trên thật đúng cho trường hợp Truman Capote. Tài năng chỉ là công khó và sự thông minh.

● Nhân nói về thông minh, vài giòng ghi nhận có ý nghĩa tưởng niệm dành cho một người vừa nằm xuống giữa tháng mưa này: Quách Đàm. Đàm quê ở Sơn Tây. Một ca sỹ lữ. Một tiếng ngâm thơ hàng đầu trên làn sóng điện. Đàm sống thất thế, thu mình vào kiêu hãnh là phản ứng tự vệ thường thấy ở những người mặc cảm thua thiệt đầy mình. Mấy năm trước, thời kỳ Đài chưa bị phá hủy vì biến cố Mậu Thân, trong mấy ban bình thơ, đọc sách ở Đài, tôi có Quách Đàm như một diễn viên kiêu

ngạc cách biệt, giữa những diễn viên bình dị khác. Chỉ có sự thông minh là đáng kể, theo một câu nói tiếng Pháp luôn luôn được sử dụng của Quách Đàm. Ngàn thơ, tự phụ ở sự thông minh thấu triệt được hiệu năng của những cội ngôn ngữ xuất chúng nhất, không kém gì thi sỹ, Đàm nghiêm nhiên sửa đổi và thơ Xuân Diệu, Huy Cận và thơ Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng. Yêu cầu cách mấy cũng mặc. Tôi sửa lại là hay hơn. Sửa thế này mới được. Những lần tôi đòi Đàm đọc lại cho đúng như nguyên bản, người ngâm thơ kiên hãnh đành làm theo, nhưng hậm hực, tức giận. Một thái độ tự phụ kỳ lạ, buồn cười nhưng cũng đáng yêu khác: Đàm tự coi là người diễn viên phát thanh hàng đầu hiện được cái đẹp thanh lịch, đài các, tế nhị của đời sống và con người Hà-nội. Chương trình có một bài văn, một đoạn thơ nào liên quan đến Hà-nội, dù chỉ là một danh từ Hà-nội, Đàm tranh đọc bằng được, ngáy ngất, xúc động thành thực với tiếng nói, lối đọc của mình.

Cái tiếng ngâm thơ trầm thấp, làm buồn những đoạn thơ sáng nhất, làm tối những đoạn văn tươi nhất, đã tắt. Trong túng quần, thất thế. Những mảnh vụn kiêu hãnh cuối cùng hết là tấm áo giáp phòng vệ cho một người đọc thơ buồn phiền. Tin báo ngày: Đàm được truy tặng bội tinh tằm lý chiến. Vì công lao đóng góp không nhỏ cho trình diễn và nghệ thuật suốt hai mươi năm. Một tấm bội tinh. Cho một tiếng ngâm thơ. Một tấm bội tinh, cho một nghệ sỹ. Cũng hay. Tại sao không.

● Ghi nhận tiếp về huy chương và bội tinh. Tham dự đại hội điện ảnh Á Châu tháng này tại Đài Bắc, Việt nam đoạt bốn giải. Cho Chân Trời Tim, vì ý tưởng nghệ thuật. Cho Người Tinh Không Chân Dung vì chủ đề phim (không phải cốt truyện). Nàng được tuyên dương như phim đen trắng có hình ảnh rõ, đẹp. Và Kiều Chinh là nữ diễn viên được yêu thích nhất ở Đại Hội. Nếu không có sự từ khước để phản đối cách thức chấm giải, của phái đoàn Nhật Bản và Trung Hoa Quốc Gia, khiến tinh thần vô tư của đại hội bị ngờ vực, có thể tạm coi đây là một tin vui cho phim ảnh Việt nan mà giá trị được tuyên dương ở nước ngoài à!

một vang vọng và đo lường cần thiết. Trong tương lai, nếu muốn có những phim tham dự những đại hội thế giới khác xuất sắc hơn những phim tham dự lần này, điện ảnh ta phải thực hiện được cho nó, trong năm 1971, một chuyển hướng mới. Cái được, đồng thời cũng là cái hỏng của ta là những hãng sản xuất hiện đang mọc ra như nấm. Phần lớn các hãng làm xong được phim nào biết phim ấy mà thôi. Làm xong. Nghỉ. Thu tiền về, lỗ lãi thế nào mới giám tính tới chuyện làm tiếp. Không liên tục, cũng không có chương trình dài hạn. Ngoài một vài công ty có căn bản, tổ chức, đã tạm duy trì được một nhịp sản xuất lâu dài, những hãng nhỏ phải được tập trung lại. Thành một vài. Tập trung hết. Từ chuyên viên, đạo diễn. Đến dụng cụ, khả năng tài chính. Những tổ chức riêng lẻ, gắng gượng biến thành những cơ sở có bề thế, đầy đủ phương tiện để, làm được phim vừa đều, nhiều lại hay, đó là phương thức sinh tồn là lối thoát duy nhất. Những cái nhỏ tập hợp lại thành một cái lớn. Nhiều cá nhân hợp thành một liên hiệp, một công ty. Hình thái đi từ tản mạn, tới tập trung trong kỹ nghệ là một quy luật. Không thể kéo dài điện ảnh mãi mãi trong tinh thần thủ công nghiệp khởi đầu. Phải kỹ nghệ hóa. Vì điện ảnh là một kỹ nghệ. Hollywood đã như thế. Âu châu cũng vậy. Tập trung lại, để cạnh tranh, đương đầu và sinh tồn. Với điện ảnh Việt nam, hình thái tập trung càng thực hiện sớm chừng nào càng tốt chừng nấy. Tốt, hay và có lợi cho tất cả mọi người. Hình thái tập trung chắc chắn sẽ chấm dứt được tình cảnh tranh rập chiếu, tranh phòng rửa, ống kính scope, đua nhau làm phim thương mại, tiêu diệt lẫn nhau bằng những thủ đoạn bất chính là cái hiện tượng bi thảm và thiếu tư cách nhất của điện ảnh Sài-gòn hiện giờ.

mai thảo

NGUYỄN MAI

cục tẩy

Tôi tin chắc rằng mình đã hư hỏng. Đã ngủ được với hai người đàn ông là lúc đã bắt đầu có thể ngủ với nhiều người khác nữa. Tất cả chỉ khó khăn là lúc đầu. Cái lúc đầu ấy đã xảy ra với tôi đêm qua, trong căn cứ của Thúc. Ở đó tôi đã biết đến cung cách của một người có vợ, có hai con. Thành thật mà nói Thúc chẳng ra gì so với An. Nhưng tôi đã đến đó, trong căn phòng của Thúc, vì Thúc đã từ nhiều năm nay, không một lúc nào bỏ cái công việc theo đuổi tôi. Thúc là một thứ lẳng mạn. Tôi cũng thế. Có lẽ giờ này An đang chờ tôi ở nhà. Tôi cảm thấy mình bần thủ, từ da thịt đến quần áo.

Nhưng chuyện đã xảy ra rồi. Và bây giờ, tôi muốn bỏ ngay lối vào căn nhà chúng tôi sống với nhau, nơi An đang chờ tôi? Nhưng chân tôi vẫn bước, lòng thì hồi hộp lo sợ lúc trở về này. Lo sợ vì An yêu tôi, say đắm tôi nhưng An rất nghiêm khắc. Anh sẽ không tha thứ đâu, tôi biết. Chỉ còn cách tôi dấu đi tất cả, tôi cố coi như không có gì xảy ra. Chuyện đêm qua chỉ là một giấc mơ.

Đúng như tôi nghĩ, từ đầu ngõ tôi nhìn thấy An đứng ở khung cửa nhìn ra, làm tôi bước không muốn vững. An với vẻ mặt nghiêm lạnh, giận dữ, hỏi tôi:

— Cô ở đâu về đây?

— Ở đâu? Sao mặt mày cô hốc hác thế này?

— Diệu Nhung cứ níu kéo em. Cả năm, vô tình gặp lại, nó cứ bắt em ở lại.

— Diệu Nhung nào?

Diệu Nhung, tôi nói dối Thúc đó. Có Diệu Nhung nào đâu. Thúc, một năm vô tình gặp lại và anh đã nắm ni nít kéo tôi. Tôi lại nói dối:

— Diệu Nhung bạn hồi nhỏ của em.

Sau câu nói của tôi An im lặng. Tôi nghĩ An đã có vẻ tin, vì tôi chưa làm mất lòng tin của An bao giờ.

— Nhưng sao cô hốc hác thế này?

— Nó bắt em nói chuyện, nó hỏi hết chuyện này sang chuyện khác.

— Cả đêm sao.

— Không, gần sáng, em không biết mấy giờ lúc thiếp đi. Tôi nói, không ngờ mình nói dối nhanh, va trơn tru đến thế. An hỏi tiếp.

Những câu hỏi của An là những lời tra vấn, có lúc tôi tưởng anh đã biết mọi chuyện, bởi tôi chỉ để tôi phải nhìn nhận mọi chuyện, nhận đề sau đó anh có thái độ với tôi.

Nhưng trong mắt An tôi nhìn thấy lúc bình tĩnh, là anh còn trong tình trạng nghi ngờ mà thôi. Tôi cố nhìn vào mắt anh trong khi anh nhìn tôi với cái nhìn làm tôi khổ sở: anh vừa có vẻ nghi ngờ, đồng thời khinh miệt. Tôi cố nhìn vào mắt An và cố nói:

— Anh không tin em sao, bây giờ anh đi với em đến nhà Diệu Nhung đi. Tôi làm ra vẻ bức tức, vai trò đã đặt ra thì phải đóng tiếp. Tôi phải liều lĩnh. Hơn nữa tôi tin An sẽ không làm như tôi nói, là anh sẽ bắt tôi phải dẫn anh đến một chỗ để gặp một người chỉ có trong tưởng tượng, trong những lời bịa đặt của tôi.

An im lặng, anh lại nhìn tôi, tôi run lên với cái hi vọng anh đã tin những lời tôi nói. Với sự lo sợ An biết sự thật, lúc này tới giờ, tôi nói dối An mà tôi tưởng như tôi nói thật. Có lẽ vì thế mà tôi tưởng như tôi nói thật. Có lẽ vì thế mà An đã im ắng. Tôi cảm thấy tôi khốn khổ, hèn mọn, đã lỡ.

Tôi nói thêm với An.

— Anh đừng nghĩ em. Anh nóng tính lắm, để lúc nào em sẽ nói hết với anh. Anh nghĩ em có chuyện gì được sao.

An không nói gì.

— Em đi pha cà phê cho anh nghe ?

An nói :

— Tôi uống rồi.

— Anh pha lấy ? Anh chưa luộc mà.

— Lúc đó tôi nghĩ đến cô. Tôi phải làm cái công việc của cô. Cũng thích thú.

An đã dịu bớt cơn nóng giận, ít nhất là như thế.

Nhưng đột nhiên An làm tôi hoảng sợ.

An nói :

— Tôi có việc phải đi, tối nay tôi mới về.

Có bao giờ An đi đâu đâu trong những ngày này. An đi đâu, làm gì, anh ra sao đây ?

Tôi hỏi An, tôi cầm lấy tay anh :

— Anh đi đâu. Anh bỏ em ở nhà một mình sao ?

— Như đêm qua cô bỏ tôi, An cười.

Nụ cười của anh làm tôi yên tâm.

An bước thêm một bước đến gần tôi, An nói tiếp :

— Anh vừa được tin anh Nam tử trận. Anh đi đưa đám. Tối anh về.

— Sao anh không cho em theo ?

— Em có vẻ mệt. Đám ma đi đường dài, lúc này lại mùa nắng, buổi trưa...

Mùa nắng, buổi trưa, tôi sẽ lại khó ở, chừng nhức đầu của tôi. Tôi muốn khóc trước những lo xa trước đây và cả trong hoàn cảnh này của An cho tôi.

Tôi nói :

— Không sao đâu anh. Trong khi nói tôi chợt thấy tôi đã quá mệt mỏi, cần được nằm nghỉ. Nên khi nghe An nói : « Để anh đi một mình » thì tôi chỉ còn đùa với anh :

— Cho dễ phải không ?

— Bây nào.

— Anh nghĩ gì đó ?

— Anh không bao giờ bậy bạ, An nói như nói lớn lên và rất tin ở lời nói của anh, ở ý nghĩa của câu nói.

Điều vừa kể làm tôi thấy mình như con thú trong vụ đêm qua. Đây là một đứa con gái khôn nạn, Hương ạ, tôi nghĩ thầm và muốn nói với mình như vậy.

— Em đưa anh ra bốn xe ? Tôi hỏi.

— Ở nhà đi. Đóng cửa chờ anh về. Lúc mặt trời lặn thì anh về. An ngẩng lên nhìn tôi. Đi lấy cho anh đôi giày, An nhìn tôi dịu dàng. Tôi bỏ cái giầy cầm ở tay đi lấy cho An đôi giày. Tôi đến chỗ An ngồi, tôi ngồi xuống rồi quỳ một bên chân trước anh, xỏ giày cho anh. Công việc này trước đây tôi thường làm với ba tôi những dịp ông đi dự lễ hay dự tiệc. Đột nhiên tôi thần thờ, bỏ dở việc xiết lại cái gút. An hỏi làm tôi giật mình :

— Em làm sao vậy ?

— Không, em vừa nghĩ đến ba. An im lặng.

Tất cả những lần tôi nhắc đến ba tôi An đều im lặng. Vì hoàn cảnh của chúng tôi hiện thời là một hoàn cảnh hoàn toàn có tội với bà tôi. Cả tôi và An đều biết như thế, biết rõ ràng.

— Anh đừng nghĩ gì, em chỉ nhớ ba thôi.

Tôi ngửa mặt lên, An cười, anh nói :

— Anh đi đừng nằm ở nhà khóc một mình nghe không, hứa đi.

— Em hứa.

An hôn tôi, xóa bỏ những cái hôn của Thúc.

Khi An đi rồi tôi như thoát ra khỏi một nơi ngột thở, dù nơi đó vẫn là căn nhà này. Tôi thay bỏ áo dài, không mặc áo ngắn, tôi lấy thuốc lá dẩu trong va ly quần áo ra nằm hút. Hút hết điếu thuốc tôi đem quần áo đi vào phòng tắm.

Tôi phải giặt đồ rũ bỏ cũng như tắm cho trôi đi những gì đêm qua mới được. Tôi muốn quên hết chuyện đêm qua.

Bây giờ tôi nhớ đến những buổi tắm chung với An trong phòng tắm này, những lần đùa nghịch trước tấm gương này. An thoa xà bông lên da thịt tôi, xà bông và nước làm bàn tay anh trơn trượt trên da thịt tôi. An thường nghịch ngợm làm tôi phải kêu lên. Bây giờ không có An, chỉ có một mình tôi.

Trong tấm gương bám dính những giọt nước nhỏ, khuôn mặt tôi thiếu ngủ, hai mắt thâm quầng. Lát nữa phải vào ngủ bù thôi, tôi

tự nhủ. Nước rửa trôi lớp phấn đánh hồi sáng, khuôn mặt tôi xanh tái, chứng đau tim lúc này như đã càng trầm trọng hơn. Phải uống một viên thuốc rồi ngủ lấy sức để chiều đón An trở về, tôi nghĩ. Nhưng tấm xong tôi còn phải ngồi giặt những thứ quần áo vừa được thay ra. Hai cách tay tôi muốn rũ, ngồi trên ghế nhỏ, tôi dựa lưng vào bức tường phía sau, có lúc mắt chợt hoa lên, tôi tưởng đã phải bỏ dở cái quần lót còn lại. Chính lúc mắt hoa lên, cái mùi khai của nhà tắm đã làm tôi tỉnh lại. Tôi múc nước vào chậu quần áo còn đầy xà phòng rồi rửa ba lần. Tôi đem cái chậu nhỏ, màu xanh, đựng quần áo sạch ra sân phơi. Tôi rũ các thứ ra rồi vắt lên sợi giây thép. Nắng buổi sáng râm rạn da thịt. Giờ này An đang trên đường đến hậu cứ. Thúc đã bắt đầu công việc huấn luyện của anh. Ba tôi đang ở sở, nhưng người con trai theo đuổi tôi đang ở trường học hay các đơn vị, mặt trận, bọn lớn tuổi hơn đang ở các tiệm buôn, đang chỉ huy, đang bị vợ hành (?-!)

Tôi đem cái chậu vào nhà, đóng cửa, rửa sạch chân tay và vào giường nằm. Tôi lại lấy một điếu thuốc đốt hút. Bên cạnh tôi không có An, tôi hút những hơi thuốc một cách thỏa thích. Hôm trước khi phát giác ra những đầu thuốc tôi giấu bỏ dưới góc giường, An đã nói tôi, anh nói dù sao em cũng đừng nên có thói quen này, nó sẽ làm cho chính em khó chịu trong nhiều trường hợp.

— Nghĩa là anh không cấm em.

— Đó là điều dĩ nhiên, nhưng em nên bỏ hẳn thì hay hơn.

— Anh ác lắm.

Sau lần đó, tôi đã không dám hút thuốc trước mặt An. Tôi phải hút trộm, một điếu thuốc nhiều khi phải dụi tắt nhiều lần. Hút trong những lúc làm bếp, những lúc ở những chỗ một mình. Và có lẽ chính vì phải hút trộm, tôi đã thêm muốn nhiều hơn. Ngoài những lúc phải hút trộm cũng có những lúc tôi được chính An cho hút, được chính An cầm cho tôi hút. Đó là lúc sau những giây phút chết đi ngấn ngủ, chúng tôi buông nhau ra. An nằm xuống bên cạnh, với tay lấy bao thuốc, châm hút và cầm cho tôi hút. Những hơi thuốc lúc ấy làm lưỡi bớt đi sự nhát nháo, cảm

giác bớt đi sự bất ổn, mãn nguyện. Lấy lại sự tỉnh thức. Để bằng lòng với sự lặp lại ngay sau đó, khi điếu thuốc chúng tôi hút chung tàn đi. Việc ấy lặp lại một cách hạnh phúc, không thất bại và nhợt nhạt như với Thúc đêm qua.

Tôi tỉnh dậy sau khi mơ hồ như có tiếng ai gọi tên mình. Tôi thức hẳn và nhận ra tiếng An. Tôi trở dậy hai chân buông quờ quạng tìm dép, bước ra mở cửa. An đứng ngoài khung cửa, quần áo và người anh đầy bụi bặm, chẳng khác một người làm việc từ hầm mỏ trở về.

Tôi hỏi An về đám ma.

Anh nói lúc đứng trước quan tài người bạn đã từng ăn chung, ngủ chung, đã từng chia sẻ những ý nghĩ, đã từng nguyện rửa cuộc chiến tranh, anh thấy trắng xóa mọi ý nghĩ hiện đến. Thân thể, chân tay cử động của người chết lúc còn sống cho dục vọng đã im bật. Phút hạ huyệt chợt anh thấy lại cái ý tưởng hồi nhỏ: Làm sao chịu được sự ngột ngạt trong cái quan tài chật kín và giữa 4 bề đều cát đất.

Tôi hỏi An:

— Anh muốn tắm nước ấm không?

An gạt đầu.

Như vậy tôi phải đi đốt bếp. Đến lúc này, nghĩa là đến lúc biết mình thật sự phải làm việc tôi mới cảm thấy ra khỏi giấc ngủ.

Tôi đánh diêm châm vào bắc bếp nấu. Sau cùng, ngọn lửa vươn lên màu xanh biếc.

Buổi tối xuống An bảo tôi mình đi lang thang ra phố đi em.

Con phố về đêm biến đổi hẳn. An nói với tôi về người bạn tử trận. Về vợ và hai đứa con nhỏ của người chết. Hai đứa nhỏ sẽ lớn lên với những ngày sắp tới khác hẳn với những ngày sắp tới mà chúng đang lý được sống. Từ buổi chiều đến giờ. An nói với tôi rất nhiều về trường hợp Nam. An cũng nói anh đã bị ám ảnh bởi rất nhiều cái chết trong đơn vị của anh. An nói với tôi chính vì thế mà anh yêu em như em đã thấy. Sao lạ vậy. Tại vì anh gần kề cái chết.

— Vì anh ở bên cạnh cái chết, tôi hỏi.

An gật đầu :

— Cả vì em nữa.

— Em sao.

— Em tuyệt diệu.

An cười, anh nhìn tôi, chờ tôi trả đũa.

Tôi nói :

— Hương cảm ơn anh An nhiều lắm.

An lại nói về người chết.

Nam vừa đúng 30. May mà người vợ là một giáo sư. Hai đứa con rất dễ thương, không biết rồi người mẹ của chúng, bà ta sẽ sống như thế nào. Những thắc mắc của An là những thắc mắc chẳng thể trả lời được.

An uống trà vắt chanh. Tôi uống một ly cam tươi. Những thứ này đối với chúng tôi là những thứ xa xỉ. Lương của An không thể nào đáp đủ cho các nhu cầu một tháng của chính anh huống chi cộng thêm tôi. Nhưng sự thiếu thốn phải chịu đựng đã là điều tôi nghĩ, tôi thành thực yêu An. Nhiều khi tôi phải tìm ra những dấu hiệu như thế để kết luận về tình yêu. Chẳng hạn sự bỏ tất cả để đi sống với An, hơn cả yêu chính bản thân mình, tôi đã phụ lòng ba tôi, về những người khác trong gia đình tôi thì không đáng kể. Buổi tối trong quán những ngọn đèn rất mờ. Bài hát của người còn lại đang nói về chuyện « Nghìn trùng xa cách ».

Người ta đang làm công việc phủ lên đời sống những tình cảm lãng mạn để đời sống bớt khốn khổ như thực tế. Như buổi sáng chúng tôi phải ăn cháo với đường hoặc chiên cơm còn lại từ tối hôm qua. Chẳng bù với những ngày ở với ba tôi vừa qua ; mỗi buổi sáng là ngấy lên vì trứng, vì sữa.

Những ngày vừa qua, trong ngôi nhà của ba tôi, tôi khác nào một tiểu thư như đọc thấy trong sách sử về một thời đã mất. Và người tiểu thư ấy đã lãng mạn bỏ đi, mịt mù tăm tích cho những

người ở lại, bây giờ ngồi đây, trước mặt người yêu dấu, sống cuộc sống chồng vợ, đang thời kỳ mặn nồng, và phải kể thêm vừa phản bội, một điểm nhục cho lòng tin của người tình ấy. Tôi ngược lên nhìn An. Trong ánh đèn, khuôn mặt anh thu phục hoàn toàn tâm hồn tôi. Như lần đầu tiên, phút thứ nhất khi tôi nhìn thấy anh trước đây. Về cái giây phút ấy, An vẫn thường chọc tôi, cũng như hỏi thật tôi vì sao mà mất hẳn bình tĩnh khi anh — lúc đó là người khách lạ — tiến vào hỏi thăm. Tại khuôn mặt anh rực rỡ, tôi vẫn nói đùa như thế. Tại hôm đó trời nhiều gió, tôi nói tiếp.

Và như thế, khuôn mặt An đã mở đầu cho hoàn cảnh tiến đến như hiện nay của tôi và An.

An đánh diêm châm thuốc, ánh lửa soi rõ hơn khuôn mặt anh với những góc cạnh rất đặc biệt, hoàn toàn thanh tú, hay là tinh cảm tôi nhìn thấy thế. Nhìn An hút thuốc, tôi nói có chủ ý với An :

— Anh dám cho Hương hút ở đây không ?

Hút ở đây, nghĩa là trước những người khác. Việc này trong xã hội Việt Nam là một việc chưa quen.

Nhưng An đã không « mắc bẫy » tôi, anh cười cười :

— Thuốc này nặng lắm.

Tôi cảm thấy thất vọng thật sự.

An nói tiếp, có lẽ vì vẻ mặt tôi :

— Đề lát về nhà anh cho Hương hút, anh mua cho Hương một gói, thứ của Hương.

Thứ của tôi, bao thuốc màu xanh, có đầu lọc, tôi vẫn thường dấu trong những góc va ly, nhiều khi dấu trong đồ lót vì sợ An tình cờ bắt gặp. Những bao thuốc loại đó và những cục xà bông mềm trắng bao giờ cũng được bỏ trong va ly như tôi là một người luôn luôn di chuyển, một người có đời sống bất định.

Khi không còn có chuyện gì để nói, An hỏi tôi về người bạn mà tôi lựa đặt ra hồi sáng, về Diệu Nhung.

Tôi lại phải nói dối để trả lời An.

Trong lúc bịa đặt, tôi tưởng tượng ra một người, và nghĩ rằng người đó có thật. Có lẽ chính vì thế mà tôi đã làm An tin tưởng là có thật. Phải tin là có thật anh mới hỏi lại như thế này. An nhắc đến Diệu Nhung làm tôi nghĩ đến Thúc. Thúc theo đuổi tôi từ năm tôi mười sáu. Trước đó, Thúc là bạn của chị tôi, khi biết

Thúc theo đuổi tôi, chị Nữ đã rất quyết liệt. Có lẽ chị có lý. Ch có lý khi răn dạy tôi phải lập tức cắt đứt sự « vớ vẩn » với Thúc. Nó có vợ rồi, có con rồi, mày phải coi chừng, chị Nữ nói thế.

An dụ dỗ thuốc, nói tôi :

— Minh về, Hương.

Tôi nhìn lại An, gật đầu.

An gọi tình tiền. Chúng tôi ra khỏi quán. Chúng tôi đi trên hè phố, cuối đường là căn nhà. Đêm tối có sao trên nền trời đường ít xe, hè phố không vướng người. Nhưng không bao giờ An đi với tôi bằng những dấu hiệu mà tôi thường thấy ở những cặp tình nhân khác. An không bao giờ tỏ lộ những gì thân mật với tôi giữa những người khác, trước cái nhìn của những người khác. Trái ngược những lúc chỉ có riêng chúng tôi, An đã luôn luôn đánh thức và làm chìm ngất tôi. Như lát nữa đây. Như đêm nào chẳng thế. Mấy tháng nay đêm nào chẳng thế, sau lần thứ ba thì cả hai thiếp đi. An đã nói với tôi những lúc đó nếu có ai vào khiêng chúng tôi bỏ ra đường chúng tôi cũng chẳng biết gì. Quả có thể, vì đó là những thời khác chúng tôi chết đi để sáng mai sống lại. Lập lại một ngày khác.

Qua hết khúc phố có nhiều ánh đèn, chúng tôi rẽ vào một khúc phố tối hơn, khúc phố có hai cây ngọc lan nở ra thơm ngát vào mỗi mùa mưa, An cho tôi biết. An quay ra khúc phố tối làm tôi không nhìn rõ mặt anh, tôi chỉ nghe tiếng nói của anh.

An mở cửa, anh loay hoay với chiếc khóa. Chia anh làm mất, mới thuê thợ khóa làm cái khác thành thử nhiều khi nó không dễ dàng như cái đã mất đi. Nhưng cuối cùng, bao giờ cái khóa cũng phải bật lên. An đẩy cánh cửa bước vào, đánh diêm tiến tới chỗ cây nến cháy dở được cắm đứng ở bàn làm việc của anh. Chúng tôi hoàn toàn im lặng.

Chúng tôi thay bỏ quần áo trong bóng tối.

Trong bóng tối tôi thấy ghê gai về thân thể mình. Trong bóng tối tôi cảm thấy đỡ lúng túng vì không bị An nhìn thấy tôi đang

ghê gai về cái thân thể vừa chung chạ của mình. Trong bóng tối tôi lên giường nằm. An nói em đi tắm đi đã chứ. Tôi nói em lười quá rồi anh. Nhưng An mò mẫm tới lõi tôi dậy, lõi tôi ra phòng tắm.

An bật đèn điện, nhìn khắp thân tôi, An nói em lạ quá, em sao vậy. Tôi chối có gì lạ đâu anh. Anh thấy em lạ lắm. Đầu có gì anh, nằm với em đi. An không nhích động, anh hỏi tôi : em làm sao vậy, em đã có tội với anh rồi phải không. Đầu có gì mình. Minh, tôi gọi An như thế. Tại em nhớ ba, tôi nói tiếp. Và tôi ngồi dậy tránh thể nằm phơi dưới đôi mắt nghi ngờ của An. Tôi ngồi dậy, tôi kéo An lại hôn anh. Tội nghiệp cho tôi, tôi đang tự tố cáo mình mà tôi chẳng biết. Tôi lại cãi cho mình. Tại hôm nay em nhớ ba quá. Anh đừng bỏ em nghe. Rồi ôm An, tôi nam xuống, kéo An theo. Chúng tôi sa đọa quá, An nói thế cách đây hai ngày. An ngã theo nhưng anh bèo nhèo, tôi không biết phải làm sao. Tôi lại nói : anh đừng bỏ em nghe, ở hẳn với anh như thể này em đã mất ba rồi nên mỗi lần nghĩ đến ba, em buồn lắm. An không nói gì. Tôi tìm cách cho mục đích của mình, tôi kéo An nằm lên tôi.

Cuối cùng, có lẽ tôi thành công. Nhưng An rất khác lạ với những ngày vừa qua. Anh thần nhiên trong xác thịt tôi, anh dai dẳng và hờ hững.

Tôi muốn khóc vì An, trên mình tôi như thế.

Cuối cùng tôi cũng thần nhiên. Tôi thần nhiên khi nghĩ An đang tin đêm qua tôi ở với Diệu Nhung. An đang tin Diệu Nhung là có thật. Diệu Nhung có thật, vậy thì chuyện Thúc dối với tôi, tôi nghĩ, tôi đang muốn xoá đi, nó cũng chỉ là một việc không có. Quan trọng là ý nghĩ của mình, tôi nghĩ thế, tôi nghĩ thế để chuộc tội với An.

Cuối cùng, khi nghĩ có thật Diệu Nhung và chẳng có Thúc bao giờ (dù là đêm qua) trên thân thể tôi, tôi ôm lấy đầu An, tôi có những cử động xin anh yêu tôi. Và một lúc điên cuồng nhất tôi đẩy An ngồi dậy. Tôi đẩy An nằm xuống, tôi điên cuồng xin lỗi anh bằng cách cúi xuống nằm với anh một hạnh động tôi thuộc hết về anh

Thúc rình rập tôi, nhưng nhìn thấy Thúc tôi lảng tránh ngay, đôi giây của tôi đã lấm một chút bùn, nhưng tôi nhất định quay lại. Tôi nhìn người bạn của Thúc đến tìm tôi để nói những lời Thúc nhắn, là Thúc nên quên tôi, nên trở về với những đứa con của anh. Còn An, anh không hay biết gì cả, tôi cũng muốn được như An, nghĩa là không biết có gì quan trọng đã xảy ra giữa tôi và anh cả. Tôi mong được như thế. Tôi mong có cục tẩy khi biết đáp số của mình đã sai. Như trong những ngày trước khi tôi bỏ về đây sống với An, những ngày tôi còn học ở ngôi trường lấm đất ở Ba-mê-thuột.

nguyễn mai

TÙY ANH

thăng trầm với lịch sử...

Bằng cuộc vận động quy mô mùa hạ 1963, người Phật tử VN tự chứng tỏ là đã không chỉ nhìn hiện tại và tương lai của xứ sở như một vấn đề cấp thiết của lương tâm tín ngưỡng. Với cuộc vận động đó, Phật giáo VN đã tự thực chứng như một thế lực tôn chính muốn góp công sức để cùng những thành phần tiến bộ khác gánh lấy cộng nghiệp lịch sử đang đè nặng thân phận dân tộc.

Cùng với lịch sử VN, thế lực tôn chính này đã thăng trầm. Nhiều lúc vươn lên đạt tới cao điểm của thành công. Nhưng có khi cũng lấm ê chề. Điều đáng nói là ngay trong những lúc gặp phải hoàn cảnh bế tắc và lụn bại, PGVN vẫn không hề bị xem như một tập đoàn hay một thế lực phản động. Dòng thăng trầm của PGVN đã minh chứng điều đó.

Ở VN cũng như Trung Hoa thời trước, chế độ quân chủ được xem như một thứ tôn giáo. Vua là quốc trưởng vừa là thiên tử. Thế quyền là thiên mệnh. Thế nhưng vai trò lãnh đạo quốc gia đích thực lại không ở trong tay vua mà ở trong tay giới sĩ phu, nghĩa là những người có học và tự thấy có bổn phận đem sở học của mình ra để mà

* Cầm chính đạo tịch tà cự bỉ,

Hồi cường lan nhi chương bách xuyên »

(Nguyễn Công Trứ)

Giai tầng lãnh đạo trung gian cốt cán này đã được đào tạo và thấm nhuần chủ thuyết đạo đức của Khổng tử. Nhưng về điểm này, giới sĩ phu VN đã là một trường hợp ngoại lệ, ít nữa là cho đến cuối đời Trần. Bởi lý, nói chung thời tranh đấu tự chủ Tiền Lý, Ngô, Đinh, Tiền Lê cũng như thời củng cố tự chủ Lý, Trần... Giai tầng sĩ phu lãnh đạo quốc gia phần lớn đều do Phật giáo trực tiếp cung cấp. Đó là chưa kể đến sự kiện chính các nhân vật thiền môn đã trực tiếp góp sức xây dựng cả một triều đại như Tiền Lê, Lý.

PGVN đã giữ một vai trò quan trọng trong những quyết định về nhân sự lãnh đạo và chính sách quốc gia như vậy chẳng phải vì triều đình thời đó muốn lợi dụng PG như một thế lực hậu thuẫn riêng tư nhưng là vì thiền môn thời đó vốn là những trung tâm hội đủ điều kiện đào tạo giới sĩ phu, thứ nữa vì PGVN có những chủ trương hoạt động thể trị phù hợp với quyền lợi quần chúng và nhu cầu quốc gia, đồng thời PGVN đã không quan niệm quyền hành thế tục như cứu cánh hoạt động thể trị hoặc như những phương tiện truyền đạo mà chỉ như là những phương tiện hành thiện và tu tập giữa lòng nhân gian.

Suốt trong thời gian dài giữ địa vị một thế lực tôn chính gần như độc tôn đó, PGVN đã không hề chủ trương độc quyền lãnh đạo, cũng không đề xướng một sự tranh chấp tôn chính nào vì tư lợi. Cũng vì thế, dù PGVN đã được mặc nhiên thừa nhận như quốc giáo nhưng Lão giáo vẫn tự do hoạt động và Nho giáo vẫn được hỗ trợ để phát triển. Nho giáo số dĩ có được một thế đứng vững vàng tại VN từ nhà Trần trở đi đó là nhờ có các khoa thi (thực ra đã được bắt đầu tổ chức tự triều Lý) nhưng chính các nhân vật thiền môn và Phật tử đã xúc tiến và đảm trách công việc đó.

Vì thái độ cởi mở về mặt tín ngưỡng, thực tiễn vô vụ lợi về mặt hành động như vậy cho nên PGVN mới có thể trở thành chủ lực và là mẫu số chung của Tam giáo VN.

Trung Hoa là nguồn của Nho, Lão và đã giữ một vai trò hệ trọng trong quá trình phát triển PG ở VN nhưng Trung Hoa đã

không thực hiện được sự dung hợp Tam giáo, sự dung hợp vốn chỉ có lợi cho quốc gia ngay cả về phương diện xã hội và chính trị. Bởi lý, xét cho cùng Tam giáo là một hiện tượng tương kính và đoàn kết về phương diện xã hội giữa cấp lãnh đạo và tín đồ các tôn giáo hơn là một hợp đề tín lý hoặc một hỗn hợp các phương thức hành đạo. Yếu tố xúc tác của hiện tượng đoàn kết thực tiễn này là triều đình. Có thể nói nền tảng « ý thức hệ » của hai triều đại Lý, Trần, nhất là nhà Trần, là Tam Giáo. Nền tảng ý thức hệ này đã giữ một vai trò hệ trọng trong công trình thực hiện nền tự chủ vàng son và lâu bền cho dân tộc của hai triều đại này.

Từ thời nhà Trần trở đi thì PGVN bắt đầu lụn bại và trở thành gần như bất động vì nhiều nguyên nhân.

Từ cuối thời Lý, PG đã đề hiện những mầm sa đọa không phải vì những chủ trương độc tôn hoặc vì những phương cách hành đạo bất chánh nhưng là vì sự mềm yếu của một số Phật tử và nhân vật thiền môn có ảnh hưởng. Sự sa đọa này càng trở nên trầm trọng trong khi PG một đảng đang bị Lão giáo núp bóng lợi dụng, đảng khác lại bị các Nho sĩ ráo riết tấn công để tranh đoạt ảnh hưởng trong triều đình.

Nho quan Đàm Dĩ Mông từng phúc trình với Lý Cao Tông rằng : « ... Bây giờ, tăng đồ gần bằng số dịch phu. Chúng tự kết bè, bầu chủ họp nhau thành từng bầy Chúng làm nhiều việc bần thiêu. Hoặc ở nơi giới trường, tỉnh xá mà công nhiên rượu thịt ; hoặc ở trai phòng tỉnh viện mà ăn thắm gian dâm. Ngày ăn tối ra thật như đàn cáo chuột. Chúng làm bại tục, thương giáo ; dần dần thành thói quen. Nếu mà không cấm thì lâu thành quá lắm... » Kết quả của lời phê phán không hẳn đã phản ảnh trung thực thực tế thiền môn đó là vua ra lệnh tập trung tất cả « tăng đồ trong xứ lại ở các nơi cốc xá, chọn chừng mười người có tiếng lưu lại làm tăng. Còn dư thì đánh dấu vào tay mà bắt hoàn tục. » (Hoàng Xuân Hãn — Lý thường Kiệt.)

Nho giáo thực sự có được thế lực là nhờ việc học và các kỳ thi bắt đầu được xúc tiến, Thế lực đó đã được chính thực

phù hợp với quyết định dựng nhà Văn Miếu của triều đình. Nhưng vừa có đất dựng thì Nho giáo đã vội tranh chấp với PG. Quá trình vận động chống ảnh hưởng của PG đối với triều đình có thể nói đã hoàn thành với cố gắng của Nguyễn Trãi sau khi Lê Lợi giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của nhà Minh. Chu văn An là biểu tượng thành công rạng rỡ nhất của Nho Giáo VN nhưng chính Nguyễn Trãi mới là người đã muốn gây dựng một thế lực vững vàng cho Nho Giáo trong sinh hoạt quốc gia. Công trạng và tài năng của Nguyễn Trãi là những yếu tố khả dĩ giúp ông thực hiện ước vọng đó nhưng thời gian và hoàn cảnh đã không cho phép ông quy tụ đủ nhân sự để đẩy mạnh chủ trương « Đạo thầy thứ nhất là Nho » (Gia Huấn Ca) của ông. Và bởi vì không có đủ điều kiện để bảo vệ cái thế lực độc quyền của Nho Giáo trong triều đình cho nên cuối cùng Nguyễn Trãi đã bị, không phải các Phật tử nhưng là phe hoàng thân quốc thích và hoạn quan lấn áp phải về tri sĩ để rồi bị loại trừ hẳn nhân vụ án Thị Lộ.

Nhìn tổng quát lịch sử Việt nam, từ Lê Lợi thắng Minh, đến Gia Long thống nhất quốc gia, xur sở cũng có những lúc ổn định khá dài mà Phật giáo vẫn không có điều kiện chấn hưng. Như vậy chỉ vì trong suốt thời gian đó, Nho giáo đã trở thành độc tôn với giai tầng sĩ phu đã củng cố địa vị vững vàng (Ngoại trừ một khoảng thời gian ngắn ngủi của triều đại Tây Sơn, vua Quang Trung đã có cố gắng bắt tay trực tiếp vào việc chấn hưng Phật giáo. Theo Việt Nam sử lược của Trần trọng Kim, thì: «vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ mỗi huyện một cái chùa rất to rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn.» Kế hoạch thanh lọc hàng ngũ và thống nhất Phật giáo

thể hiện qua đoạn sử trên quả là một liều thuốc công hiệu tuy rất đắng, khả dĩ giúp Phật giáo hồi sinh. Nhưng tiếc thay, người cho thuốc đã ra đi trước khi cơn bệnh ngấm thuốc.)

Vì những nguyên nhân vừa nói mà Phật Giáo Việt Nam càng ngày càng bị suy tàn. Và dù không vội vàng thiết định một tương quan nhân quả nhưng ít ra thì ai cũng thấy rằng sự suy tàn của Phật Giáo Việt Nam, nếu không đồng nhất, thì cũng đã song hành với sự suy tàn của chính quốc gia Việt Nam, mà hậu quả cuối cùng là nền đô hộ của Pháp.

Nhưng cũng chính trong sự suy tàn chung đó mà người ta sẽ có dịp thấy rõ tiềm năng và ảnh hưởng tuy bàng bạc nhưng lâu bền của Phật Giáo khi so sánh Phật Giáo với các tôn giáo khác đã có một thế đứng và ảnh hưởng trong dân tộc trước hoặc đồng thời với Phật Giáo là Nho giáo và Lão Giáo.

Địa bàn tồn tại và phát triển của Nho Giáo là triều đình và các khoa thi. Do đó, một khi mà triều đình lụn bại, khi mà các khoa thi bị bãi bỏ thì Nho Giáo cũng mất chân đứng và dần dần sa sút. Lão Giáo cũng đã gặp chung một số phận như Nho Giáo. Trước những đợt tấn công ồ ạt của tinh thần duy lý siêu hình của Nho giáo trước kia và của Tây phương sau này, cũng như trước trào lưu khoa học thực tiễn, Lão Giáo về phương diện sinh hoạt đã trở thành những hình thái tín ngưỡng thoái hóa, rời rạc và thường phải núp bóng Thiên môn để tồn tại và về phương diện tư tưởng thì trở thành những hững hờ, những quan điểm có tính cách nghệ thuật.

Nhưng nếu Nho Giáo và Lão Giáo đã dễ dàng tan rã và không bao giờ có thể gượng dậy nổi thì Phật Giáo Việt Nam trái lại dù không bao giờ được hồi phục suốt thời cận đại và dù bị trăm ngàn nghiệt ngã từ khi Pháp đô hộ nhưng vẫn còn ảnh hưởng, vẫn duy trì được những tiềm lực tâm linh và xã hội. Cũng vì vậy, xét về phương diện tiêu cực, Phật Giáo Việt Nam đã là môi trường dung thân của những kẻ bất bằng đối với những sai lầm của chính quyền cũng như những kẻ thất vọng vì thời cuộc. Lại nữa Phật Giáo Việt Nam không phải chỉ là nơi nghỉ bước của những «anh hùng mặt trận» buông xuôi, nhưng về phương diện này, cũng còn là khởi điểm của những

đối kháng tích cực có những âm vang lớn lao đối với lịch sử dân tộc: Đinh Bộ Lĩnh, Lý Phật Tử, Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn... hoặc những tăng sĩ. Phật tử kháng chiến chống Pháp là những bằng chứng. Phong trào phục hưng Phật Giáo Việt Nam hiện đại cũng như những hậu quả xã hội của phong trào đó cũng là những bằng chứng khác về mối liên hệ lịch sử giữa Phật Giáo Việt Nam với dân tộc Việt Nam cũng như về ý chí phục vụ dân tộc của những người Phật tử Việt Nam.

Sau khi Đồng Khánh lên ngôi với sự trợ lực của Pháp và nhất là sau khi Pháp thành công trong việc buộc triều đình Huế để cử một Kinh Lược Sứ ở Bắc Kỳ thì nền đô hộ của Pháp có thể coi là hoàn tất. Nhưng những cuộc kháng chiến chống Pháp vẫn tiếp diễn khắp nơi. Một lý do nữa là người Pháp thấy rằng đạo quân «thứ năm» của họ ở Việt Nam, gồm một số người Việt chịu ảnh hưởng của những thừa sai ngoại quốc và tầng lớp thư lại mới do Pháp đào tạo vẫn không đủ điều kiện giúp Pháp thiết định một nền đô hộ vững vàng. Do đó, chính người Pháp cũng như người Trung Hoa trong mười thế kỷ đô hộ trước đây đã phải ngần ngại trước việc lựa chọn một chính sách độ hộ thích hợp. Vấn đề đô hộ bằng «liên kết» hay đô hộ bằng «đồng hóa» được đặt ra.

Đồng hóa là chính sách nhằm triệt hạ dần mọi cơ cấu và căn bản chính trị, xã hội, tâm linh của thuộc địa để thay thế vào đó những căn bản và cơ cấu của người đô hộ. Liên kết trái lại làm nhằm duy trì và canh tân những cơ cấu hiện hữu của thuộc địa và cố gắng giữ gìn bản sắc địa phương của những cơ cấu đó.

Chủ trương cai trị bằng «liên kết» một thời đã thắng thế ở Việt Nam. Đại diện của chủ trương đó là Paul Bert, công sứ Bắc Kỳ năm 1887 và De Lanessan, toàn quyền năm 1891. Chính sách liên kết này không thể không nghĩ đến thái độ về văn những thế lực đang có ảnh hưởng đối với quần chúng. Paul Bert nhằm về văn các sĩ phu; De Lanessan chú trọng đến Phật Giáo.

Có thể nói hoàn cảnh đó nếu không đem lại cho Phật Giáo Việt Nam những duyên khởi tiêu cực để vươn lên thì ít ra cũng để tránh những áp lực nặng nề độc hại. Nhưng chủ trương liên kết của Paul Bert và De Lanessan vừa không thành công vì dụng ý giả tạo, vừa gặp phải sự nghi ngờ của những viên chức cai trị khác, và nhất là gặp sự chống đối của Công giáo Việt Nam đang do các giáo phẩm ngoại quốc lãnh đạo. Cuối cùng De Lanessan phải từ chức năm 1894.

Phải mấy mươi năm sau, Phật Giáo Việt Nam mới gặp được một cơ duyên khác để chuyển mình phục hưng. Nhưng đến lúc đó thì hoàn cảnh thế giới cũng như riêng Việt Nam đã bước vào một giai đoạn khác.

Thế kỷ 20 đã mở đầu cho những biến chuyển quan trọng khiến cho, một đảng địa vị ưu thắng của Tây Âu bị lung lay, đảng khác các khuynh hướng nhược tiểu bị trị nổi lên dành độc lập được kích động mãnh liệt. Những biến cố đó là chiến tranh Nga-Nhật, cuộc cách mạng Trung Hoa, Chiến tranh 1914-1918 và sự sụp đổ của chế độ Nga Hoàng.

Theo đà đó, và hừng khởi trước những chuyển biến đó các phong trào ái quốc Việt Nam cũng đã vùng lên. Thoạt tiên là phong trào Duy Tân, Đông Du muốn dùng phương thức tranh đấu bằng giáo dục xã hội và kinh tế để phục quốc. Phong trào ôn hòa đó thất bại. Sự thất bại đó đã khiến cho khuynh hướng «lấy mất đền mất, lấy răng đền răng» trỗi lên. Do đó, những chủ trương vũ trang bạo động đã lịm đi từ sau sự thất bại của Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám lại được dịp tái hiện. Tột đỉnh của chủ trương đấu tranh vũ trang này là cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học, một tổ hợp giữa lý thuyết cách mạng của Trung Hoa và kỹ thuật bạo động của Tây phương.

Ôn hòa đã thất bại và bạo động cũng thất bại. Sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái bất thành, hiển nhiên những người ái quốc tâm huyết không thể không suy nghĩ, nhất là khi thấy rằng người Pháp tuy đã kiệt quệ ở chính quốc sau chiến tranh 14-18

nhưng vẫn còn đủ điều kiện để duy trì sự có mặt ở Việt Nam cũng như khi thấy sự thất bại quá nhanh chóng của phong trào Yên Bái và những biện pháp đàn áp khốc liệt của Pháp tiếp theo.

Phần người Pháp chính họ cũng phải xét lại phương thức cai trị. Sự cộng tác đặc lực của tầng lớp thư lại mới và của một số cộng tác viên địa phương chỉ giúp họ thực hiện một nền cai trị cứng rắn chứ không thể nào giúp họ thuyết phục nổi đa số quần chúng Việt Nam tự ý chấp nhận sự đô hộ của họ; chỉ giúp họ biết rõ những cá nhân, những phong trào đối kháng và tiếp tay với họ để đàn áp, triệt hạ những cá nhân, những phong trào đó chứ không thể nào loại trừ được ý chí đối kháng của dân chúng Việt Nam. Do đó, điều thiết yếu là phải ngăn chặn ý thức quật khởi một mặt bằng khủng bố, một mặt bằng vuốt ve và tạo những điều kiện giải ân để vừa xoa dịu ý hướng đối kháng vừa làm lệch lạc bớt chiều hướng đối kháng. Cũng vì vậy mà ta đã thấy xuất hiện những phong trào thanh niên thể thao; những cơ quan ngôn luận; những hội đoàn văn hóa, tôn giáo hoạt động trong vòng tự do hữu hạn.

Chính trong hoàn cảnh đó mà phong trào chấn hưng Phật Giáo Việt Nam hiện đại bắt đầu từ những năm 1930. Nhưng động lực của phong trào này không chỉ bắt nguồn từ ý chí phát triển tín ngưỡng và phục vụ dân tộc của người Phật Tử mà còn bắt nguồn từ chủ thuyết vận động phục hưng Phật Giáo Trung Hoa của Thái Hư đại sư.

Nhờ phong trào chấn hưng vừa kể mà một số tổ chức tiên khởi đã thành hình. Ở Trung, có đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục, Gia Đình Phật Hóa Phổ là tiền thân của Gia Đình Phật Tử ngày nay. Ở Nam có Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học Hội, Lương Xuyên Phật Học Hội, đến năm 1950 lại có Hội Phật Học Nam Việt. Ở Bắc có Hội Việt Nam Phật Giáo. Đặc biệt ở Trung Phần lại xuất hiện An Nam Phật Học Hội rồi Việt Nam Phật Học Hội và sau đổi thành Hội Việt Nam Phật giáo Trung Phần gọi tắt là Hội Phật giáo Trung Phần. Cũng ở Trung phần, công việc đoàn ngũ hóa Phật Tử

được tiến hành mạnh. Cơ sở hạ tầng là các khuôn hội đã được tổ chức sâu rộng từ thành thị đến thôn quê.

Qua quá trình thành hình của những cơ sở tiên khởi đó, và nhất là ở Trung Phần, người ta có thể thấy rõ cái ý đồ về một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đang dần dà thành hình qua việc đổi thay danh hiệu từ *Phật học* sang *Phật Giáo*. (Hội VN Phật Giáo Trung Phần)

Có lẽ cũng vì ý đồ đó nên song hành với những tổ chức vừa tăng vừa cư sĩ như trên đã còn có những tổ chức thuần túy tăng sĩ như Sơn Môn Tăng Già ở Trung, sau đổi thành Giáo Hội Tăng Già Trung Phần; Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt và Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

Triết lý dẫn thân hành thiện của Phật Giáo Việt Nam được khởi xướng hiệu quả trong thời đại tự chủ đã bị đình đốn và suy bại suốt bao nhiêu thế kỷ nay như đang tái hoạt qua phong trào phục hưng hiện đại. Nhưng một lần nữa dân tộc lại chuyển mình để dẫn thân vào một khúc quanh lịch sử rất ngặt: cách mạng mùa Thu năm 1945 và chiến tranh Pháp-Việt mùa Đông năm 1946. Công cuộc chấn hưng Phật Giáo lại bị đình đốn và Phật Giáo Việt Nam mới hồi phục lại phải đối đầu với những thử thách suốt một thời gian dài đầy biến cố nữa.

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội hay Việt Minh, cuộc cách mạng mùa Thu thành công. Toàn dân nô nức vùng lên. Phật Tử cũng đã hòa mình vào cao trào dân tộc đó: tổ chức Phật Giáo Cứu Quốc ra đời. Những người Phật Tử bao giờ cũng phục vụ quốc gia theo tinh thần tín ngưỡng cho nên tạp chí Giải Thoát, tiếng nói của Phật Giáo Cứu Quốc đã có tiêu đề: « Cơ quan nghiên cứu và áp dụng đạo Phật vào đời sống mới » và đồng thời thể hiện « niềm thao thức của những người Phật tử muốn biến đạo Phật thành một đường lối sinh hoạt của một xã hội đang muốn vươn tới cách mệnh ». (Theo Nhất Hạnh — Hoa Sen Trong Biển Lửa.)

Người Phật Tử trong giai đoạn đó đã thực sự muốn phục vụ Đạo bằng cách phục vụ đời, một sự phục vụ vị tha, bất vụ lợi. Cũng vì vậy cho nên khi Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội bị phân hóa vì những dị biệt chính kiến và những tranh chấp thế

lực giữa lúc nền độc lập quốc gia mới được khai sinh non nớt thì tiếng nói của tờ Giải Thoát đã không dấu nổi niềm xao xuyến, thất vọng của người Phật Tử nhập cuộc trước «trạng huống bất đồng chính kiến, chia rẽ và thanh toán nhau giữa những chính đảng đã từng góp sức vào cách mệnh»

Ý nghĩa của những xao xuyến, băn khoăn đó không những đã nói lên sự thất vọng của những người thành tâm phục vụ quốc gia nhưng đã gặp những điều kiện bất lợi, nhưng điều quan trọng là niềm xao xuyến và băn khoăn đó đã chứng tỏ người Phật Tử Việt Nam, nhất là những người nhiều ưu tư trước thời cuộc đã bắt đầu ý thức được vai trò và vị thế của một tôn giáo dân tộc trong giai đoạn lịch sử mới được khai sinh nhưng cũng đã cho thấy nhiều tinh tiết rối rắm, phức tạp.

Tháng 12 năm 1946, chiến tranh Pháp-Việt bùng nổ. Đảng Dương Cộng Sản đảng dù đã chính thức giải tán và chỉ còn đảng Lao Động Việt Nam nhưng mặt trận Việt Minh của cách mạng mùa thu và Việt Minh của chiến tranh Pháp-Việt đã khác hẳn nhau: công lao kháng chiến vẫn là một thành công tổ hợp quốc-cộng nhưng uy quyền đích thực đều nằm trong tay những người Cộng Sản Việt Nam. Các đảng phái «quốc gia» một phần bị loại trừ, một phần tự rút lui. Trong hàng ngũ Việt Minh chỉ còn những người Cộng sản và những người ái quốc không Cộng Sản vì lẽ thất phu hữu trách mà kháng chiến và chịu sự lãnh đạo của Cộng Sản.

Dần dần cuộc chiến Pháp-Việt đã lồng thêm cuộc chiến quốc-cộng: người Việt Nam vừa chống Pháp vừa hại nhau. Việt Minh trở thành Việt Minh Cộng Sản; Quốc gia trở thành hoặc quốc gia chống Pháp, hoặc quốc gia thân Pháp, làm tay sai cho Pháp. Khó nhất vẫn là những người không theo Cộng Sản mà cũng không theo Pháp. Phần đông những người Phật tử có tâm huyết đều nằm trong trường hợp đó: không chấp nhận ý thức hệ Cộng Sản mà cũng không chấp nhận thực dân Pháp. Cũng bởi sự phủ nhận nhị diện đó mà Phật Giáo Việt Nam đã bị trừng phạt: tháng 8 năm 1950, Dự số 10 được ban hành!

Những áp lực nặng nề về cả hai phương diện xã hội và tín ngưỡng đó đã là kích tố khiến cho các tập thể Phật Giáo đã được thành hình trong giai đoạn đầu của phong trào chấn hưng Phật Giáo đang đình đốn rồi rạc phải tìm cách kết hợp lại.

Do đó, sau một thời gian vận động lâu dài, ngày 6-5-1951, một đại hội PGVN được triệu tập tại Huế quy tụ sáu đoàn thể đại diện tăng già và cư sĩ Nam, Trung, Bắc.

Kết quả của đại hội lịch sử đó là các tổ chức PG rời rạc được thống nhất lại dưới danh nghĩa Tổng Hội Phật Giáo VN với cơ cấu lãnh đạo lâm thời là Ủy Ban Quản Trị Trung Ương có nhiệm vụ điều hợp mọi hoạt động của PG để thực hiện các điểm chính yếu là đoàn kết nội bộ, phát triển cơ sở và tổ chức, phát huy ý thức phục vụ, đối phó với áp lực của Dự số 10.

Công việc đang tiến hành thì xảy ra việc đình chiến, đất nước bị chia cắt. Dù một phần cơ cấu lãnh đạo PG ở miền Bắc đã chuyển vào Nam, nhưng xét chung thì thực lực quân chủng của PGVN đã mất đi một phần quan trọng.

Rời chế độ Ngô đình Diệm được thành lập. Và từ năm 1956 trở đi, càng lúc PGVN càng bị dồn vào tình trạng khẩn trương. Biện pháp có ý nghĩa đầu tiên của chính quyền đối với PG là phủ nhận ngày lễ Phật Đản bằng cách không ghi ngày này vào danh sách các ngày nghỉ lễ chánh thức.

Và PGVN đã phải báo động, trước tiên là đề tự vệ.

tùy ảnh

Bạc-Liêu, vào mùa Phật-Đản

VŨ ĐÌNH LƯU

sinh khí sáng tạo và thử thách lịch sử

Huyền thoại chậm tiến kỹ thuật

Kinh nghiệm cho biết rằng: lịch sử thế giới từ thế kỷ thế XIX đến nay có một nét chung là các nước đều rập theo nếp sống và kỹ thuật xuất hiện ở Âu Châu vào thế kỷ XVIII. Trong 50 năm gần đây, kỹ thuật đã cho phép tạo ra một lực lượng sản xuất tương đương với sức lao động của 50 tỷ người. Nếu chúng ta nghĩ rằng dân số thế giới chỉ có 3 tỷ thì quả là thành tích của kỹ thuật đáng thối miên nhân loại. Chấp nhận kỹ thuật và nếp sống Âu Châu, các dân tộc khác chấp nhận cả những nguyên lý chỉ đạo Âu Châu và cả những thâm kịch của Âu Châu. Khả năng sáng tạo của các dân tộc khác hầu như không có, mà chỉ có khả năng bắt chước. Sự phát triển của các dân tộc khác chỉ dựa vào sự diễn dịch nguyên tắc, sự diễn dịch ấy phần nhiều đi quá mức và đưa đến những hậu quả phi lý. Họ không phải qua những dao động và thăng trầm khi thai nghén định chế, định chế đến với họ đã hình thành và chỉ có bộ mặt quyền rũ đặc trưng. Sự bắt chước sâu rộng và cấp tốc như vậy có thể đưa lại hậu quả tương đương với một sự đột biến cơ cấu xã hội như đã xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản. Có những chi tiết khác đáng chú ý trong sự bắt chước, nhưng người

bắt chước thường tỏ ra mình tiến mạnh hơn mẫu để bắt chước thí dụ về giải phóng phụ nữ, nhiều nước mới thu hồi độc lập trao cho phụ nữ những chức vụ hay tự do mà các nước Âu Châu chưa từng có. Bouthoul đưa ra nhận xét sau đây: sự bắt chước không bao giờ đúng y, bao giờ người bắt chước cũng làm khác đi đôi chút, với tháng ngày qua, dần dần tác phẩm bắt chước khác hẳn tác phẩm mẫu. Chính việc làm sai lệch tác phẩm mẫu đó biểu lộ cá tính, sắc thái của một dân tộc (Sociologie dynamique, trang 52. Bouthoul, Payot, Paris).

Với những nhận xét trên đây chúng ta đã có một ấn tượng về khả năng tiến triển của dân tộc Việt trong hoàn cảnh lịch sử. Những bài học lịch sử ấy đã cho phép xã hội học rút ra những nét chung, và chúng tôi đã căn cứ vào những nét chung ấy để nhận định. Nhưng cần phải xét xem đúng đến mức nào vì luật xã hội học không chuẩn xác như luật lý hóa.

Cái nhìn đại quát cho thấy hoàn cảnh lịch sử chỉ thuận tiện cho các dân tộc chậm tiến kỹ thuật diễn dịch những nguyên tắc hình thành, và hy vọng cứu vãn cá tính dân tộc chỉ có trong phạm vi làm sai kiểu mẫu bắt chước vì sở thích và nhu cầu nào đó. Coi lịch sử nước Việt bắt chước kiểu mẫu Trung Hoa nhưng đã không chép nguyên vẹn và đã biến hóa thành văn minh Việt Nam, chúng ta hầu như muốn cho rằng đây là một minh chứng hùng hồn.

Lùi lại trước đây độ 30 năm thì những nhận xét trên đây rất đúng, nhưng từ hồi hậu chiến, hầu như thế giới bước vào một kỷ nguyên khác, nhiều dữ kiện trước kia vẫn được coi là bất biến đến nay hầu như không còn giá trị phổ quát; những giá trị kỹ thuật càng ngày càng tỏ ra bất lực không đương nổi vai trò chỉ đạo đời sống, cuộc khủng hoảng tinh thần đã bén rễ xuống lãnh vực vật chất và làm ung thối nền móng các cơ cấu xã hội tiên tiến, nền văn minh trí thức duy lý tận dụng khả năng diễn dịch nguyên lý chỉ đạo và đã bước vào giai đoạn cuồng loạn. « Chúng ta quên rằng khoa học chỉ biết mô tả, suy diễn, dự đoán các hiện tượng vật chất mà giác quan chúng ta thấu nhận được. Chúng ta không biết rằng sau những mãnh lực vật chất mà chúng ta đã chinh phục được, còn có những mãnh lực chỉ đạo mà chỉ riêng con người mới có. Chúng ta chỉ tìm trong con người cái gì liên hệ con

người với vật chất và loài vật, còn thì chúng ta không để tâm đến cái gì làm cho con người là vạn vật chi linh» (Lecomte du Nouy: *L'homme devant la science*). Đây là tư tưởng của một nhà bác học. Nhà bác học này không cho rằng tương lai nhân loại ở trong tay lý học gia và toán học gia. Nhà bác học này cho rằng nhà thơ và nhà thần bí hiểu vũ trụ của loài người hơn khoa học gia. Trong một bản tham luận của Heidegger gửi cho cuộc thảo luận Unesco 1964, Heidegger tuyên bố sự cáo chung của nền triết lý (Tây Phương). Một vài thí dụ trong số những nhà tư tưởng có quân binh trên đây cũng đủ cho chúng ta một ấn tượng về sự khủng hoảng lớn trong nguyên lý chỉ đạo, trong ý tưởng động lực, thoát thai từ những giá trị Ki Tô Giáo sau 2000 năm phát triển huy hoàng và biến đổi bộ mặt của hoàn vũ. Sự phát triển ấy, trong những thế kỷ gần đây đã miệt thị một kích thước khác của con người và xã hội, điều đáng tiếc là chúng ta bước vào nền văn minh ấy giữa lúc sự mất quân binh trở nên trầm trọng. Sự nhận định của Marcuse cho biết rằng tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa đều chỉ là hai mặt của sự mất quân binh, vẫn là hai sắc thái của cùng một giai đoạn phát triển cuồng loạn khuynh hướng chỉ đạo. Chúng ta thấy luật diễn dịch gia tốc có tầm hiệu lực phổ quát. Nhu cầu tiến bộ kỹ thuật và tổ chức đè nặng xuống dân tộc ta như một mặt cảm, bởi vậy các nhà lãnh đạo xã hội chủ nghĩa không chú trọng đến luật diễn dịch gia tốc khi nhất định thực hiện sự tiến bộ và tổ chức theo chiều hướng văn minh duy lý với bất cứ giá nào. Có những lý do cấp thiết của thời cuộc khiến cho họ nghĩ như vậy.

Trên kia chúng tôi đã viết: hoàn cảnh lịch sử chỉ thuận tiện cho các dân tộc chậm tiến kỹ thuật diễn dịch những nguyên tắc hình thành — những nguyên tắc hình thành đây chúng ta nên hiểu là những nguyên tắc hàm chứa trong luận lý hình thức Aristote và biện chứng Platon. Phương pháp triết lý Platon là một phương pháp chỉ trông cậy vào trí thức tĩnh để triển khai linh hồn (triết lý Platon hướng dẫn tư tưởng Âu Châu, sau này sẽ nói đến.) Ý kiến của Marcuse về Aristote và Platon xin để trình bày trong một bài khác. Sau đây xin trích dẫn một câu của Heidegger

trong bản tham luận nhân buổi họp Unesco kỷ niệm Kierkegaard 1964, đăng trong quyển *Kierkegaard vivant*, Gallimard 1966: « tư tưởng Platon quyết định toàn thể nền triết lý dưới mọi hình thức. ») Nhưng sự khủng hoảng tinh thần với những nét ngoại hiện là sự bế tắc của xã hội tiên tiến Tây Phương đã thúc giục nhiều triết gia phải đặt lại vấn đề nền tảng triết lý. Sau đây là tư tưởng của Heidegger:

« Chủ đề của chúng ta là thể tính của chân lý.

« Vấn đề quan thiết với bản chất của chân lý không phải là chủ tâm tìm hiểu xem chân lý có phải là chân lý của kinh nghiệm thực tế hoặc của sự trừ tính ước lượng kinh tế, không phải tìm hiểu xem chân lý có phải là chân lý của sự khảo nghiệm kỹ thuật hay của sự khôn ngoan xảo hoạt thuộc phạm vi chính trị, hoặc đặc biệt hơn nữa, cũng không phải là tìm chân lý của sự khảo nghiệm khoa học hay của sáng tác nghệ thuật, cũng tuyệt nhiên không phải là hiểu chân lý của tư tưởng suy lý trầm mặc hay của đức tin tín ngưỡng tôn giáo. Vấn đề quan thiết với thể tính thì không hề bận tâm chú ý đến tất cả những thứ chân lý ấy mà lại chủ hướng tất cả tâm ý vào sự thể duy nhất, sự thể ấy là thực tướng của « chân lý » trong tất cả phạm vi, thứ loại » (về thể tính của chân lý, bản dịch của Phạm công Thiện).

Đó là tình trạng của Tây Phương sau 300 năm tiến mạnh trên phương diện kiến thức duy lý. Tây Phương đã tận dụng khả năng diễn dịch nguyên tắc chỉ đạo, bây giờ là giai đoạn lạm dụng cho nên có sắc thái cuồng loạn. Đây là biến cố trọng đại nhen nhúm từ đầu thế kỷ và đang biến chuyển với nhịp gấp rút. Sự kiện ấy có phản ứng trong giới trí thức ở đây và làm xuất hiện vấn đề xét lại những nguyên lý chỉ đạo của Tây Phương. Như vậy thì sự nhận xét nói trên: lịch sử thế giới từ thế kỷ XIX đến nay có một nét chung là các nước đều rập theo nếp sống và kỹ thuật xuất hiện ở Âu Châu vào thế kỷ XVIII, sự nhận xét ấy chỉ có thể đúng đến ngày nay; tương lai sẽ dành cho xã hội học gia nhiều sự bất ngờ không ai biết trước được.

Ở đây tất nhiên phải có phản ứng ấy vì nếu chúng ta chấp nhận sự suy diễn nguyên lý chỉ đạo của Tây phương làm nòng

cốt cho vấn đề kỹ nghệ hóa và tổ chức cơ cấu xã hội thì chúng ta cũng bị lôi cuốn vào bước suy vi của Tây Phương — một sự suy vi có sắc thái đặc biệt chưa từng có trong lịch sử, suy vi trong tình trạng phồn thịnh và xung túc vật chất hơn bao giờ.

Sinh khí sáng tạo

Trên kia chúng tôi cũng nói theo Bouthoul: « việc làm sai lệch kiểu mẫu mình bắt chước biểu lộ cá tính và sắc thái của một dân tộc, của một thời đại ». Sự làm sai lệch ấy có thể xảy ra vì dân tộc bất lực hay vì dân tộc có thần khí riêng để biến hóa sự vật ra những nét sáng tạo mới, để ảnh hưởng trở lại kiểu mẫu chính, thí dụ nước Nga của Pierre Le Grand du nhập những phong tục tiến bộ của Tây Âu, nhưng một thế kỷ sau phụ nữ Nga lại là những mẫu phụ nữ tân tiến đề Tây Âu bắt chước (thí dụ của Bouthoul). Dưới mắt xã hội học gia hay triết gia thì thần khí sáng tạo là yếu tố quan trọng bậc nhất. Một dân tộc bị đặt trước một cuộc thử thách nghiêm trọng như dân tộc ta, nếu không, giải quyết được sự thử thách thì tức là dân tộc không có sáng kiến thích hợp và cập thời. Chúng tôi xin bàn qua về các nội dung sáng tạo liên quan đến sự nhận định tình trạng xã hội ngày nay trước khi trở lại xem xét những yếu tố xây dựng trong khung cảnh hỗn độn, dao động vì chiến tranh.

Bergson đặt nền móng xã hội trên một ý thức về sự ràng buộc tinh thần của con người sống trong xã hội ấy, ông gọi là obligation morale (Les deux sources de la morale et de la religion, chương I). Không có giáo lý hay chủ thuyết, chủ lý nào, được dân chúng chấp nhận nếu giáo lý hay chủ thuyết đó chỉ tác động đến phần trí thức, phần lý trí của tâm hồn, mà không tác động đến những lớp sâu xa của tâm hồn thống trị bởi tình cảm. Giáo lý phải xúc động tình cảm con người mới là giáo lý sống động và hiệu năng. « Trước khi có một quan niệm đạo đức mới, trước khi có một quan niệm siêu hình mới, phải có xúc động tâm tình, xúc động tâm tình sẽ triển khai thành sức mạnh ý chí và thành biểu thị lý trí có tính cách giải thích, biện minh » Ở đây ông nói đến những xúc động sâu xa, những xúc động nguyên thủy tạo ra những trạng thái tâm hồn, những luồng sinh khí sáng tạo.

Tóm lại nguyên nguyên của sự sáng tạo là một nguồn xúc động sâu xa của một vài nhân vật ưu tú nào đó và tấm gương chói lọi mà họ đã kéo theo cả một khối dân tộc tiến tới, tạo nên móng tạo đức và giá trị xã hội. Ngày xưa đó là vai trò của các nhà sáng lập tôn giáo.

Các nhà xã hội học cũng đồng ý là những cuộc thay đổi lớn trong xã hội đều xảy ra khi có một xúc động quan trọng quy hướng lại mọi khuynh hướng thâm sâu của con người. « Phân tách đến cùng thì những cuộc cách mạng sâu xa nhất đều là những cuộc thay đổi huyền tượng » (Bouthoul)

Hắn là nhiều lãnh tụ chánh trị hay tôn giáo đã nghĩ đến cạnh khía này của vấn đề dẫn dắt quần chúng. Thí dụ họ nghĩ rằng muốn chống lại huyền tượng « thiên đàng dưới trần gian làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu », thì phải tạo ra một huyền tượng khác như huyền tượng « người anh hùng cứu nguy dân tộc », hay làm sống lại huyền tượng tôn giáo nào đó. Sáng kiến có thể thành công hay có thể thất bại vì nhiều nguyên nhân, nguyên nhân chính có thể là người hùng không đương nổi vai trò và bị thực tại phủ nhận phũ phàng; huyền tượng tôn giáo không có cái không khí lịch sử thuận tiện của giai đoạn lịch sử trước và không có những công thức mới khơi động sinh khí cũ yên ngủ dưới làn tro nguội, không rút được sinh khí của công thức cũ. Huyền tượng người anh hùng dân tộc làm sống lại hình ảnh tiềm thức về người cầm đầu đám anh em đã giết người cha nguyên thủy (người cha trong bài ở hợp nguyên thủy của Freud). Huyền tượng tôn giáo có thể thức tỉnh xúc động nguyên thủy. Nhưng cả hai công thức đều thiếu sinh lực để có được khả năng sáng tạo liên tục. Người ta mượn sinh lực ấy của hoàn cảnh ngoại vi, như kỹ thuật huy động và thuyết phục quần chúng đã nói ở đoạn phân tích khuynh hướng tranh đấu. Tất cả đều xuất hiện như sự giả mạo xúc động sáng tạo. Kết quả nhất thời của ngọn lửa rơm có thể dùng vào một mục tiêu nào đó, chính trị hay tôn giáo, và chỉ có thể duy trì bằng áp lực ở ngoài. Công thức chỉ làm cho con người nghèo nàn tù túng, xã hội như thế có thể nổ tung nếu có luồng sinh khí phóng khoáng thâm thấu vào được. Trường hợp này đã xảy ra một (hay nhiều) lần trong lịch sử, đó là trường hợp Moïse, người sáng lập Do Thái Giáo. Trong cuốn Moïse et le

monotheisme, Freud căn cứ vào tài liệu của Sellin, giải thích rằng Moïse ép buộc dân chúng khắc khổ chờ đợi một thiên đàng không bao giờ thấy, dân chúng nổi loạn giết chết Giáo chủ. Theo Freud thì dân Do Thái hành động như vậy chỉ là nhắc lại hành vi bông bột của bầy ô hợp bàn cổ đã nổi giậy giết người cha khắc nghiệt nguyên thủy. Nếp sống bàn cổ để lại cho nhân loại một gia tài nặng nề: quần chúng nổi giậy giết lãnh tụ hay ông trời của họ khi lãnh tụ không đem lại thỏa mãn cho ước vọng của họ. Cái gia tài bàn cổ đó vẫn âm ỷ dưới sâu tiềm thức nhân loại, chỉ đợi khích động đúng mức là gây đổ máu.

Trong lịch sử không thiếu thí dụ quần chúng nổi lên giết vua chúa, lãnh tụ, giáo chủ, nhưng chúng tôi nhắc đến thí dụ của Freud vì muốn nhấn mạnh đến cạnh khía phân tâm học của vấn đề, Freud luận đến sức mạnh tiềm thức trong những thảm kịch có tính cách quyết định giòng lịch sử Âu Châu.

Người ta vẫn ở xa trạng thái xúc động sáng tạo. Sự xúc động làm khuấy động từng khối người và làm sôi sục xã hội được chế tạo bởi kỹ thuật huy động quần chúng, nó khác hẳn sự xúc động sáng tạo tác động như một loại hứng khởi lan truyền từ người này sang người khác một cách êm thấm. Để có một ý niệm về xúc động sáng tạo, chúng tôi xin nhắc lại ý kiến của Bergson sau đây: Triết gia Socrate được người sau coi như thánh hiền vì tấm gương chói lọi của ông, « ông đã đưa triết lý từ trên trời xuống trần gian ». Xúc động sáng tạo của Socrate cảm hóa được Platon, Platon tiếp tục công việc sáng tạo ấy, ông diễn tả thành huyền thoại, thành cái thường gọi là tư tưởng Platon, những xúc động hàm chứa trong các cuộc đối thoại của Socrate. Những huyền tượng ấy và cả tinh thần đạo đức Socrate được truyền lại bên cạnh cái gọi là biện chứng Platon, chúng đi ngầm qua nền siêu hình học Hy Lạp để rồi sau xuất hiện ra ánh sáng với Plotin. Plotin hoằng triển một triết thuyết tương xứng với đạo giáo của Phúc Âm. Đã có thời triết thuyết Plotin cạnh tranh với Phúc Âm, đến sau Phúc Âm thu hút được phần tinh hoa của Plotin, Phúc Âm trở nên luồng sinh khí sống động đưa Âu châu lên đường văn minh Thiên Chúa Giáo, sinh khí ấy cho phép khai thác được tinh thần khoa học nhen nhúm từ Hy Lạp.

(Sách trích dẫn nói trên trang 61 và 62).

Xem như thế thì sinh khí sáng tạo không phải là một bảng kê toán những khái niệm triết lý mà mỗi triết gia tùy hứng dàn xếp thành một hệ thống mạch lạc, lãnh hội bằng lý trí. Người ta có thể thần phục triết gia đã tài tình gấu các khái niệm lại với nhau thật chặt chẽ như một bộ máy phức tạp tinh vi chỉ một hạt bụi lọt vào lẫn rằng bánh xe cũng làm cho máy tê liệt. Cái hay của hệ thống chỉ là hội nhập lẫn hồi được những sắc thái tâm tình hay kiến thức phát sinh trong xã hội khi đời sống tỏa rộng. Có khi hệ thống hàm chứa một nguồn sinh khí và có khi không, phần nhiều là không. Xúc động sáng tạo của hiền triết truyền lại cho các môn đệ hầu như nhạt dần sinh khí trong khi phong phú thêm nét về đời sống như người ta đã nhận định qua luật diển dịch gia tốc và luật lưỡng triền. Sự sáng tạo ấy xuất hiện như một sự sáng tạo nguyên thủy. Cái gọi là *Obligation morale* (cương thường) của Bergson hầu như chỉ được đặt lại khi sinh khí sáng tạo của hiền triết hay của nhà thần bí nào ra đời búa rìe xuống các tầng lớp xã hội để gây niềm hứng khởi cho mọi người, sự hứng khởi đó làm cho mọi người chấp nhận kỷ cương mới, hình thức ngoại hiệ của đạo đức. Thái độ của dân chúng ngày nay rõ ra thái độ chờ đợi hiền triết ấy, người ta sống tạm bằng lớp bụi phủ trên sự ràng buộc tinh thần của một quá khứ cũ mèm không sinh lực và không thích ứng được với đời sống phức tạp ngày nay.

Ý niệm sinh khí sáng tạo đưa đến những vấn đề thức tỉnh quốc gia, hiện đại hóa xã hội, thích ứng với nếp sống dân chủ. Đó là những đề tài mà chúng tôi xin trình bày trong những bài sau.

vũ đình lưu

MANG VIÊN LONG

đi tìm kẻ mất tích

Qua khỏi chiếc cầu tre đã gãy mục những thân tre bắc bắc bênh không được chăm sóc nằm so le gập ghềnh trên những tấm vĩ tre thủng lỗ, Nhàn đoán biết con đường này chắc ít người qua lại. Cái am cổ phía trước mặt Nhàn nằm sâu hút trong đám cây cỏ bao phủ vắng hoe, con đường mòn đi hiu hắt giữa bụi bờ nắng cháy; gọi cho nàng nhiều nỗi ngần ngại, phân vân. Tự trong đầu nàng nhiều hình ảnh kì bí, lạ lùng, khiếp đảm, về ngôi am cổ, mà trước đây nàng đã được nghe Thúc cùng nhiều người khác mách kể lại với giọng thành kính, kinh ngạc. Người đàn bà già quần queo, cao lêu nghêu, tay cầm gậy trúc, sống ẩn khuất giữa cây cỏ hoang tịch trong trí tưởng tượng lại chấp chờ cười nói mơ hồ xa vắng với giọng của một hồn thiêng nhập xác. Hôm kia, lúc rời khỏi chùa Bà lòng chưa hết hoang mang, Nhàn đã gặp Thúc trên đường về. Thấy Nhàn tất tả, lúi xúi, xanh xao với nắm nhang đèn trên tay, Thúc biết ngay Nhàn ở chùa Bà ra. Lập tức như một giúp đỡ thật nặng lòng nhưng cũng thật chua chát, Thúc kể một mạch quanh cái am cổ B. K. với một người đàn bà cô độc sống ẩn đã trên hai mươi mấy năm (Nhàn lại nghe có người nói bà ta từ trên núi thiêng tìm xuống ngôi chùa đã phế bỏ), nắm hết mọi chuyện đã xảy ra, tiên tri

những việc sẽ tới. Cầu cho bà mở miệng cũng tới hằng giờ mới được. Bà ta mà nói thì một trăm phần trăm là đúng. Nghe được chuyện, nhất là ở những lời tán tụng suông sẽ rành rọt ngọn ngành của Thúc, Nhàn luống cuống hỏi đường đi tới cái am nọ như thế nàng vừa chớp mắt được mới dây có thể lần hồi tìm kiếm ra Thập. Từ đầu tháng tới nay, hề mỗi bận nghe ai mách bảo một chốn am chùa nào lạ, là Nhàn như thấy lòng tin được an ủi. Và, vì thế, nỗi đau xót cũng được xoa dịu đôi phần. Nhàn thường chụp lấy cái dịp đó, hỏi han, tìm kiếm, to tưởng, hi vọng. Nàng nghĩ, chỉ có những kẻ khuất mặt mới biết chỗ ở của Thập, và hiểu thấu lòng dạ đón đầu của nàng mà thôi.

Trước đó vài ngày, sau khi lui tới mấy bận ở những am chùa quanh thị xã, Nhàn quãng con lại cho mẹ trông, đón xe lên B.Đ. vào chùa Ông. Ngôi chùa nằm ngay cạnh đường, trong phố quận ồn ào, miền đất thuở xưa nàng rời quê tới trọ học. Đã lâu không nhìn kỹ ngôi chùa, nay thấy bức tường xây, chiếc cổng uy nghi, cây bàng cổ thụ bị phá nên ngôi chùa trông trống trải, lợt lẻo làm sao. Mất đi bóng râm của cây bàng lớn, và nhìn cái quang đăng lơ lửng chói nắng, Nhàn cảm thấy mình bối rối, lạc lõng quá sức. Những tấm cửa vẽ hình những vị thánh màu sắc rực rỡ, đáng đáp dềnh dàng oai nghiêm ngày nào giờ đã nhạt hắt, phủ mờ bụi mốc. Nhàn e dè đi vòng vào một khung cửa hở trống của gian nhà kết, lúng túng đầy cánh cửa giữa nơi chánh điện, nhìn thấy lơ mơ những bức tượng đen cùng với ánh nhang đèn lập lờ. Do dự ở ngưỡng cửa một lát, nàng nghe tiếng một người hỏi vọng ra. Tiếng nói ờ ề, lơ nhợ, vang lên từ một bóng tối lù mù nào đó. Nhàn chợt rùng mình cùng lúc với mùi nhang thơm hắt ra nồng nặc. Qua mùi nhang nồng nàn như còn nghĩ thấy được cả cái không khí ẩm ướt, lạnh lẽo âm u của ngôi chùa vắng dấu chân người, mất hẳn dòng sống. Một ngọn đèn được thắp sáng, một cánh cửa sổ được mở rộng ra: Ánh sáng hiện lên bất chợt khiến Nhàn thấy sự xuất hiện của lão già như một phép lạ. Ánh sáng của ngọn đèn dầu nhỏ, của một cánh cửa sổ khuất dưới một cành cây không làm nhúch nhích được vật gì trong ngôi điện. Tất cả mọi thứ đều hiện ra, mờ nhạt, bất động, ngay cả lão già nằm dài trên chiếc trường kỉ như một pho tượng còn thoi thóp thở. Nghe

tiếng Nhàn, lão quơ tay chỉ về phía trước điện. Khi bước qua chiếc trường kỷ, Nhàn trông thấy gương mặt lão già có nhiều nét quen quen. Dù tuổi già có làm tàn lụi dần thân xác lão, nhưng bóng dáng của những ngày lão còn thơ thẩn ra vào trước cổng chùa không làm nàng thấy khác mấy. Nếu có điều làm cho nàng ngạc nhiên, thì chính là đời sống lão già nọ đã dừng hẳn lại trên chiếc trường kỷ bên cạnh những bức tượng, với bóng tối, với nhang đèn, với những giấc ngủ thăm thẳm không hề biết có đêm ngày. Nàng làm lui, rụt rè, rón rén tiến tới trước đèn thờ, đốt nhang, khấn vái, lạy lục, sụt sùi, xốc xăm, rút xăm. Cảm được thể xăm trong tay, Nhàn lại có được cái cảm tưởng như mọi lần rút xăm khác: Số phận của Phận đã được an bài. Những uẩn khúc của đời Phận đã được ghi rõ như trên một tấm giấy in sẵn. Bất giác, Nhàn nghe cơn lạnh chạy dọc theo sống lưng ướt đầm mồ hôi của mình. Nàng lệ làng tới trao cái thể xăm cho lão già. Lão già (vẫn nằm trên chiếc trường kỷ nhẵn bóng), lựa trong xấp giấy kê dưới gối, đưa cho nàng một tờ: Đây, xăm của con. Nhận tấm giấy trên tay lão, Nhàn vừa định hỏi thêm, lão đã khép vội đôi mắt, quơ tay kéo cánh cửa sổ. Bóng tối lại chụp xuống. Tiếng động lao xao phía ngoài đường cũng không làm suy giảm được nỗi vắng lặng ghê rợn của bóng tối huyền hoặc có trùng điệp hơi hướm của cõi chết, tượng đồng, và nhang đèn chấp chờn ngày ngật. Bên kia khu chùa đã là một giòng đời khác. Có ai trong giòng đời ngập ngựa lao xao đó biết tới lão già nằm lại bên những bức tượng đồng hiu quạnh này không? Nhàn lặng lẽ, buồn bã, ngơ ngác bước ra, khép kín cánh cửa. Đây là lần đầu nàng đặt chân vào bên trong ngôi chùa để được thấy những hình tượng lạ hoắt, được hít thở bầu không khí lạnh lùng của cõi âm, được cảm nắm ống xăm run rẩy khấn vái để xin một quẻ. Hồi trước, có dịp đi qua khu chùa, đường vắng, cảnh im, Nhàn không dám để mắt nhìn những hình vẽ ở trước cổng. Dù sao trong những bóng râm dày kín của cây bàng cổ thụ cũng còn lờn vờn những hình bóng kì dị của những kẻ khuất mặt trong trí óc thơ ngây, giàu tư tưởng của nàng. Bây giờ, Nhàn hai mươi bốn tuổi, người đàn bà một con,

những phiền muộn âu lo tràn lấn hẳn khối óc non nớt mơ mộng cũ; Nhàn đã dần dà làm quen, gần gũi với am chùa và những nếp tượng đen. Có những lúc sự tĩnh, nàng tự cảm thấy đời mình thực buồn thắm khi chỉ lần quàng bên những bức tượng, và những lá xăm. Nhưng biết làm sao hơn thế được?

Rời chùa Ông, Nhàn lật đặt vào thành tìm tới am Cô theo lời mẹ dặn. Chiếc am này mới được dựng lên, sơ sài, chơ vơ giữa quãng đất trống, nhưng cũng đã nổi tiếng linh ứng. Những ngày đầu tháng, đầu năm, người về am dập đầu, đóng nghet. Hôm đầu năm, từ trên đường trông xuống, Nhàn đã thấy làn khói mỏng bốc lên, mùi hương thơm dịu dặt trong gió. Trên đường dẫn vào am, giữa sân, nơi chánh điện thôi thì người là người. Lăn lộn trong tiếng ồn ào chen chúc, tiếng cười của Cô đồng phốc phốc nổi lên, nghe càng thúc dục, nao nức. Nhàn đã lẩn lướt giữa đám đông không mấy may do dự, ngập ngừng.

Nhàn đã vào giữa điện, đứng im, bó nhang đưa cao tận đầu. Mớ tóc vấn cao vợi vàng, tà áo dài rộng bay lật phật, dáng người xiêu vẹo gầy gò. Nhàn đó, cô gái đã một thời chải chuốt làm ngã lòng mấy ông thầy trẻ xin dạy giờ đầu tiên ở trường trung học bán công A. N., người con gái ngày đầu tiên làm đàn bà trong chiếc vương miện trắng đài các với bó hoa huệ. Nhàn bây giờ không còn là Nhàn của áo dài xanh, của mấy ông thầy trẻ, của chiếc vương miện, của cành hoa huệ. Nhàn bây giờ là Nhàn của am chùa, của những lá xăm, và của nhang đèn.

Lúc Nhàn cúi xuống lạy, người đàn bà ngồi giữa điện bỗng cười sần sật. Há, há, há, há, há... Nàng quì sụp xuống, tiếp tục lạy. Tiếng cười của người đàn bà ngồi đồng nổi lên dồn dập, ma quái. Dứt tràng cười dài, tức thì người đàn bà nhảy chồm lên, xềnh xàng, lão đảo, lắc lư, quơ tay, múa chân. Há, há, há, há, há, há. Tới lúc này Nhàn mới ngược nhìn lên gương mặt hồng hào của Cô đồng: Nét mặt hao hao người đàn bà chủ đền ở thị xã hôm nàng cùng đi cầu với mẹ. Hình ảnh ngôi đền trên căn gác ván ọp ẹp sáng trưng nhang đèn, đầy ắp hoa quả lại vụt đến trong trí nhớ nàng.

— Con đó hỉ, con đó hỉ? Người đàn bà cất tiếng sang sảng. Nhàn hồi hoảng chấp tay lạy. Nàng cúi đầu.

— Há, há, há, há... Cô dạy cho hỉ, cô dạy cho...

Nhànch khấn lẩm thắm trong miệng.

— Được rồi, được rồi, tốt lắm, tốt lắm...

Nhànch chợt ngừng lên, hai mắt sáng tinh khôi:

— Thưa cô, anh Phận, chồng con thế nào?

— Thằng Phận đó hả, không sao, không sao mà.

— Thưa Cô, bây giờ anh hiện ở đâu?

— Nó bị kẹt, ở hướng Tây Nam...

Nhànch nói, giọng lấp lập:

— Bao giờ chồng con về được?

— Ừ, không lâu đâu, cuối tháng này, ừ, cuối tháng này...

Những ngày cuối tháng đi qua thật nặng nề và kinh hoàng trong đời Nhànch. Cuối tháng đã qua, Nhànch vẫn chưa được tin chồng. Đêm ngày, ngày đêm, trong nỗi tưởng nghĩ và mong chờ, Nhànch càng thấy bình bóng Phận thắm thắm, mù mịt hơn. Mới đó mà trông Phận thật cách biệt. Không lâu đâu, cuối tháng này. Bây giờ đã qua rồi bốn ngày đầu tháng. Bốn ngày, ba trăm lẻ chín ngàn sáu trăm giây bốn chớ, dứt rút. Nhànch đã phải sống trở lại với những lá xăm cũ: « Bốn mạng tốt, rất vững, có quờ nhưn giúp đỡ, phò hộ ».

Nhànch vừa bước vừa ngoái nhìn chiếc cầu: Không có ai theo mình qua cầu cả. Buổi trưa, làm cảnh hoang vắng thêm ghê rợn. Nhànch lật đặt bước, đưa tay quệt những giọt mồ hôi chảy ròng trên mặt. Nàng không hề thấy một nhưng nghe tim mình đập thục mạnh.

Đứng trước chiếc cổng am bao phủ bằng những cây lá dổi, tự dưng nàng muốn lui lại, quay trở về. Chiếc cổng được dựng bằng những cây dổi lá nhỏ, xum xuê không hề được cắt xén. Những cành lá mọc tua tủa, ngoằn ngoèo, chằng chịt dưới đất. Qua những lỗ trống, Nhànch thấy khoảng sân vắng ngắt, xơ xác lá cây, lấp lánh ánh nắng chói. Nhànch ngồi bệt xuống đất, vén vạt áo lau mặt. Cánh đồng trước mặt loang lổ những trũng chầy sém, lúa cỏ không phân biệt được. Nàng lại nghĩ tới chiếc cầu tre mục, và nửa ngày đường đã mất. Đột ngột, Nhànch đứng phắt dậy như có một bàn tay níu kéo. Nàng khom lưng chui qua một lỗ trống giữa những cây lá um tùm, dò dẫm từng bước vào am.

Am chính ở giữa, hai bên là hai đèn thờ trống. Ngó vào đèn, nàng không thấy có một cây nhang nào. Những chân nhang bạc màu rơi bừa bãi dưới nền cùng với những chiếc lá khô. Lư hương, bức tường đá gầy, câu đối chữ tàu đen, cảnh hoa đã héo mục, tiếng chim kêu chim chirp; Nhànch nhìn lướt qua, ghi nhận vội vã rồi rẽ ra phía sau am chính. Nhànch không dám đứng lại, nhìn lâu vào cảnh vật chung quanh. Chừng như nàng sợ những đồ vật đó cục cựa, quở trách, hù nhắc nàng. Và, nàng tự nhủ, cố tránh nhìn được cái gì hay cái đó.

Dừng lại nhìn cánh cửa khép hờ, Nhànch đoán biết cánh cửa này chắc cũng đã khép lại từ lâu lắm, chưa có bàn tay nào mở, dấu vết của lớp bụi dày, màng nhện giăng mắc chưa bị xóa bỏ. Nhànch đưa tay ra, rồi thụt lại. Cảm giác tê lạnh nổi lên từ đôi chân nàng. Nhànch nhìn thấy ở da tay mình đã gợn lên những gai ốc nhỏ. Nàng rời cánh cửa mở vào am, đi thò thẩn. Đi lơ ngơ. Hình ảnh người đàn bà già tóc bạc, cao lêu nghêu, tay cầm gậy trúc thấp thoáng trước mắt nàng. Một lát, tinh cờ nàng quay trở lại cánh cửa cũ, và đưa tay khép mạnh: Xác một bà già nằm cong queo trên nền đất. Đầu tóc rối bời, bung ra che gần khuất gương mặt tóp khô. Trên tay bà, chiếc gậy vẫn còn nắm chặt. Bên cạnh, một chiếc nôi bằng đất không còn lại một hạt cơm...

Tìm tới nhà thầy Tám thì trời đã nhá nhem tối. Cứ theo lời chỉ bảo mơ hồ lòng vòng của mẹ, Nhànch đã phải ghé bốn nơi trước khi bước chân được vào nhà thầy Tám. Thầy Tám đi vắng, người đàn bà tay bằng đưa nhỏ trạc hai tuổi trả lời Nhànch. Nói xong, bà tiếp tục nhai trầu ngồm nghồm. Nhànch ngồi xuống ghế đợi, nghĩ chân, sau khi nhớ người đàn bà sai đưa con lớn chạy đi gọi thầy Tám về.

Thầy Tám về, nghe lời Nhànch thưa, liếc ngó Nhànch với đôi mắt ngần ngại, lúng túng rồi trở vào mang chiếc chuông đồng đẹp ra để ở bàn, lục tìm quyển sách kinh đi phủ bụi. Vẫn mặc bộ áo quần tây cũ, lão thúc Nhànch ra đi. Nhànch tất tả đi trước, thầy Tám lảo đảo theo sau. Phố xá đã bật đèn sáng rực rỡ. Xe lớn, xe nhỏ, người ta, đèn điện, tiếng máy hát, tiếng động

cơ mờ nhạt quay cuồng trong đôi mắt lợt lạt yếu đuối và tâm trí rối loạn của Nhanh. Nàng thấy mình khác hẳn mọi người.

Chiếc bàn dài được chia làm hai mâm đồ cúng: Một mâm cúng sao, một mâm cúng hạn. Mâm cúng sao: Xôi, chè, chuối, đĩa đèn hai mươi ngọn sáng hực hỡ. Mâm cúng hạn: Cua, tôm, gà, thịt, cháo. Thầy Tám trải chiếc khăn đỏ xuống bàn, đặt cái chuông lên, giở quyển sách kinh viết tay bằng chữ nho trên giấy mỏng. Lão đeo thêm cặp kính, ngồi xếp bằng chững chạc, một tay cầm chiếc đĩa gỗ nhịp, một tay giữ quyển sách kinh. Nhanh giữ nguyên tấm áo dài xám cũ đã mặc, đứng e dè bên thầy Tám, sắc mặt trắng dã, đôi mắt trông thật lơ lảo.

Thầy Tám quay lại hỏi:

— Chồng cháu tên gì?

— Dạ, Phận.

— Nói luôn họ...

— Nguyễn Phận.

— Tuổi?

— Hai mươi tám.

— Hai mươi tám, tuổi thân, giáp thân.

— Cháu tên gì?

— Lê thị Nhanh...

— Tuổi gì?

— Tuổi Hợi.

Thầy Tám thở dài:

— Tuổi giáp thân, sao hạn dữ lắm. Năm nay gặp nhiều trắc trở. Sao cháu không cúng sao hạn từ tháng giêng? Còn tuổi Hợi, hăm bốn, nhâm nam tuổi...

— Thưa thầy, cháu không biết trước...

Thầy Tám đằng hắng, gõ thử vài tiếng chuông, so lại đôi chân đã xếp, cất giọng ngâm nga đọc kinh.

Mẹ Nhanh đã đỡ được cháu ngủ, trở ra đứng ké né bên con. Hai mươi ngọn đèn thấp khấn cho Phận cháy lung linh lập lờ trong mắt Nhanh. Hai mươi ngọn đèn cháy sáng nhưng cũng không đủ soi cho nàng thấy rõ được hình bóng chồng lúc này. Trong ánh đèn lay động, có đôi lúc nàng như chợt thấy bóng dáng Phận chấp chừa, múa may giữa vòng lửa đỏ. Hình ảnh Phận xoắn xít với hai mươi ngọn lửa, vòng lượn, quần quại, lẹ

lùng. Nhanh thôi nhìn ánh đèn' đốt nhang, khẩn lạy ở mâm cúng hạn. Mẹ Nhanh vẫn đứng im, sưng sờ nhìn con vái lạy, thờ dài, chắc lưỡi, rồi sụt sịt khóc.

Thầy Tám dừng đọc, rút mấy cây nhang trên lư hương quơ quạt lên không miệng đọc bùa chú thì thầm. Lão xấp quyển sách kinh lại, nói:

— Xong rồi...

Nhanh nhớ mẹ đốt những bó y áo giấy màu, lấy hai đồng điều bỏ vào đĩa, giơ cao trước bàn thờ. Nàng lần râm khăn vái, lấy hai đồng điều thả vào đĩa: Hai đồng sấp. Lần thứ hai: Hai đồng sấp. Lần thứ ba: Hai đồng ngửa.

Mẹ Nhanh chồm lại, giọng cao, nhanh, run rẩy:

— Van vái Phật Trời nếu thằng Phận không chết xin cho nhất âm nhất dương cho vợ con nó mừng...

Thầy Tám nói tiếp, như nói với chư Phật, chư Thánh đối diện:

— Dạ thưa quý ngài, nếu tên Nguyễn Phận còn mạnh khỏe hay bị thương kẹt ở đâu đó xin quý ngài cho gia chủ xin cho nhất âm nhất dương.

Nhanh cầm hai đồng điều, bắt đầu run. Nàng thấy nhẹ vào mặt đĩa, cả thầy Tám và mẹ nàng đều xúm lại: Hai đồng sấp. Nhanh ngơ ngác sợ hãi nhìn mẹ, rồi liếc nhìn thầy Tám. Mẹ nàng bắt đầu chảy nước mắt.

Thầy Tám gãi đầu, sửa lại đôi chân đã xếp, hấp háy đôi mắt:

— Xin quý ngài miễn thứ cho gia chủ trong lúc bối rối có bề gì sơ sót, xin quý ngài cho thân nhân của anh Nguyễn Phận xin một xấp nhất âm nhất dương.

Nhanh cầm hai đồng điều thả vào mặt đĩa: Hai đồng sấp.

Thầy Tám ngồi bật dậy; giọng khản thiết:

— Thưa quý ngài, số bộ đời quý ngài Thượng Thanh Thiên Tào giữ, sống chết đã biết, xin quý ngài cho thân nhân của anh Nguyễn Phận đi quân lính ở miền Tây biết số phần của anh, sống chết ra sao cho rõ...

Nhanh cầm hai đồng điều thả vào mặt đĩa: Một đồng sấp, một đồng ngửa. Tiếng thầy Tám reo lên: Được rồi. Nhanh luống cuống đặt đĩa xuống bàn, quì sụp xuống lạy. Mẹ Nhanh

lấn tới, cầm chiếc đĩa đựng hai đồng tiền mặt sấp, mặt ngửa lên sẫm soi. Gương mặt thầy Tám bây giờ mới trở lại tươi tắn. Đôi mắt bối rối, ngập ngừng, phân vân khi trông thấy hai đồng tiền sấp rơi dần trong tia nhìn thẳng tắp của lão.

Nhành rời bàn cứng lại gần mẹ: Hai đồng tiền một sấp một ngửa vẫn còn giữ nguyên trên mặt đĩa. Nhìn hai đồng tiền, nhất âm nhất dương, nàng cảm thấy như đã được nhìn vào số phận của chồng, đã thấy được hóc đá, bờ rừng nào ở miền Đakto xa xôi, quanh quẩn mà chồng đang ăn náu.

Nàng chợt ngừng lên nhìn mẹ, đôi mắt sáng bất chợt:

— Anh vẫn còn sống hả mẹ?

Hai mươi ngọn đèn dầu phụng đã tắt ngấm trên mâm cúng sao.

mang viên long

NGUYỄN NGỮ

thơ

MÙA THU ĐÔNG Ở ĐÓ

Nước bạc qua sông mùa thu phố ngủ
cây hai hàng khô lá đứng lênh đênh
có lẽ cũng không còn gì để nhớ
khi em về mây trắng xuống mùa đông.

THÔI NHAU

Còn giọt cà phê em còn rơi lại
và nổi bằng khuôn trong hồn của anh
hai cánh cửa mở hoài cho đến tối
khi anh về ngồi xuống giữa mộng mênh

Còn chỗ em nằm chần xỏ chiếu lệch
tiếng cười đùa vằng vắt với màu vôi
chiều bóng tối mù mù trên thang gác
anh mơ hồ nghe nhịp guốc xa xôi

Cánh cửa mở ra suốt chiều như thế
từ sáng em đi đến chiều mù lên

mở hoài ra rì rào trong tiếng gió
mở hoài ra, mở sâu dần vào đêm

Mở hoài ra như mắt nhìn không nói
mở hoài ra như một nỗi không đành
mở hoài ra những chân trời mắt tích
mở với huyết sầu mã mộ ngàn năm

TUỔI MÂY CHE

Rụng một bông vàng bên trời tháng chạp
cả giêng hai cây lá đứng rùng mình
cuối non xa mây bay về lớp lớp
không biết người về kịp tháng ba không

Tôi đợi chờ đã buồn què quán cũ
không biết người về kịp tháng ba không
mây miên man mây về mây trắng xóa
không biết người về có còn tôi không.

VƯỜN XƯA

Khi con ra đời o mười lăm tuổi
o đi lấy chồng con mới lên năm
con lên chín, o về thăm một dạo
áo khăn sô và nước mắt lưng tròng

Con hỏi o, o cười buồn không nói
o dắt con đi trong vườn lang thang
o kể vu vơ ngày xưa xa ngái
có một lần cây khế nở hoa xanh

Con tin o và chờ hoài không thấy
mùa tiếp mùa hoa khế vẫn không xanh
bao nhiêu mùa con qua thời nhỏ dại
cây khế thêm già, lối nhỏ buồn quanh

Mười lăm năm dài không trở lại
tất cả cơ hồ đã mịt mù quên
đã thăm thăm như lời o chưa nói
trong vườn cây lẫn áo trắng về thăm

Và con lớn khôn ra đi phiêu lạc
phổ chiêm hời chiều vắng giọng ai ru
con chợt nhớ tóc o nghìn sợi bạc
cây khế già hoa tím những xuân thu.

nguy ngữ

NGUYỆT NHẬT

thơ

TÙNG XANH

hình như là mưa bay trên tóc
sao em về giữa tháng năm quên
ta ngồi hát cuộc buồn thiên hạ
chút tình sầu trôi trong linh thiêng

TÙNG TRẮNG

đôi mắt trắng người qua sông
giữa dòng tịch mặc buồn trông đá trời
thuyền hoang vu đã ra khơi
ngàn năm hạt cát mọc mới tình quên

MÙA ĐÔNG QUẾ

chân không ngả mạn hồn về
mù mù sương vọng khói mê bụi sầu
một mai em lạc về đâu
tóc khua trong cõi tình sâu vô thương

một quan tài một nén hương
một ta hoang phế mấy phương ưu phiền
vời buồn đắp mặt ngủ yên
tay xa xôi vẫy trăm miền hư hao

TÙNG XA

trong tiếng hát người khuya khoắc tình xa
có một mùa đông lạ

TÙNG QUÊN

ngày không mưa nên ngày không tình nhân
con đường khuya khoắc bóng bờ sông
bé vẫn xa xôi ngày hạ huyết
tôi nghìn năm mang mang đá sương

nguyệt nhật

MUỜNG - MÁN

hạnh phúc buồn

Phải vượt qua cây cầu qua khu chợ mới đón được xe về trung tâm thành phố. Giữa thời tiết khô khốc bỗng rất này, việc thả bộ chẳng phải là điều thích thú đối với một người nhàn hạ. Mặt trời trên đầu là kẻ săn đuổi không biết mệt. Chỉ còn nước ngâm mình trong hồ bơi hoặc dút đầu vào tủ lạnh hóa may quên cái nóng; cả hai chuyện đó chàng không thể làm vào lúc này. Chiều nay chàng có hẹn.

Ngồi trên xe lam, chàng không ngớt nghĩ đến người chàng sẽ gặp. Nhớ lại vài nét đặc biệt về cá tính và ý thích của nàng. Nhớ rằng dễ chừng hơn tuần lễ rồi không gặp nhau. Tối hôm qua nàng gọi điện thoại cho biết vừa cắt ngắn mở tóc theo nhãn thức thẩm mỹ chàng. Mái tóc mới cắt chắc chắn sẽ mang lại cho khuôn mặt nàng vẻ là lạ. « Nhớ nhé, chiều mai 3 giờ em đợi, vẫn ở chỗ cũ đó, anh thích em mặc áo màu gì? xanh nhé, hay vàng nhạt đi? nhá! » Giọng nàng qua dây nói nghe mỏng manh như vọng từ trùng dương xa ngái nào; rõ là nàng đang sung sướng. Từ khi quen nhau, nàng đã chiều chàng mà thay đổi 3 kiểu tóc; 4, 5 kiểu giày guốc gì đó, màu áo cũng vậy. Nàng là tôi mọi cái quan niệm thưởng thức vẻ đẹp của chàng; ngược lại, cũng vì nàng mà chàng bỏ dần bớt đi một số thói quen, những thói quen trước đó chàng nghĩ nếu bỏ đi chắc đời không còn ý nghĩa nữa, cạn.

Xe vượt qua ngã tư rồi bỗng dừng lại. Một bà già bước lên. Bàng chàng ngồi chỉ 4 người tương đối thoải mái, giờ thêm bà cụ nên chẳng còn kẽ hở nào cả. Người thiếu phụ ngồi bên phải chàng nhích vào trong một tí, cô ta hơi nghiêng người về phía chàng tránh làn khói thuốc phi ra liên tiếp như ống khói tàu từ miệng gã đàn ông ngồi cạnh, do đó một bên ngực tí dính vào vai chàng. Cách tự nhiên; đùi cô ả vào đùi chàng xít xao trong cái thềm song song của 2 khúc dồi đặt trên một chiếc đĩa. Người thiếu phụ hoàn toàn xa lạ và câm nín, thế nhưng chàng cảm nhận rõ ràng trái ngực đầy đặn của cô ta ép sát vai chàng quá thân mật, cả cái đùi rắn chắc nữa. Niềm thân mật dửng dưng hững hờ như cô ta không hề lưu ý, chẳng hiểu sao chàng lại thấy bận tâm, xốn xang? Ồ, chẳng qua là vì xe đầy quá đó thôi. Chàng xấu hổ thầm trách mình là thứ bùi nhùi dễ bắt lửa quá.

Tới một trạm xăng, người thiếu phụ xuống — chỗ ngồi tương đối rộng hơn chàng mới yên tâm nghĩ tiếp về người mình sắp gặp.

Người con gái chàng sắp gặp, đúng ra là người tình của chàng. Vàng, một người tình dễ thương hết sức, nóng nảy hết sức, đa cảm hết sức: chàng yêu những tâm tính ấy ở nàng thiết tha như nhà khảo cổ say mê đường nét độc đáo trên bức tượng cổ mấy trăm năm. Nàng đang học năm thứ nhất ở Văn khoa và, ngàn đời chàng không thể hiểu nổi tại sao nàng lại theo bạn Sử địa; môn học này theo chàng nó vô duyên vô danh và nhạt nhẽo nhất trần đời. Chàng thường đùa: « Đừng bao giờ nhìn anh bằng con mắt của sử gia nhìn vào lịch sử, có ngày anh trở thành anh hùng hoặc bại tướng dưới mắt em thì thậm nguy ». Tâm hồn nàng kiến trúc hơi phức tạp một chút, hơi cau có một chút, hơi cứng rắn một chút, hơi kiêu một chút. Ấy, những cái « một chút » đó làm thành chất keo dán rất thần diệu. Chất keo dán đôi cặp lại với nhau trong môi trường thoải mái, chưa có dấu hiệu nào tỏ ra sẽ bị chống báng hay đôi co. Những gì chàng không yêu nơi nàng nhỉ? — Bộ đồ mặc ở nhà rộng thùng thình, dáng đi trẻ con, lăm lờ, ưa ăn quà vặt, ưa nhả nhổ. Những cái chàng yêu nơi nàng và những cái chàng không yêu nơi nàng tỉ lệ thuận nhau nên cuộc tình đang ở mức thăng bằng, đôi khi tuồng như hơi nhàm chán. Có lần nàng kêu: « Gặp nhau hoài chán quá sao anh không chết đi? » Dĩ nhiên

tiếng kêu của nàng rất âu yếm, âu yếm tới độ có lúc chàng ngỡ nàng nói thật. Bình thường chàng cũng buột miệng kêu một câu tương tự: «Trời ạ, chán em như cơm nếp vậy đó». Tiếng kêu hai kẻ trong cuộc chơi ngoạn mục và tuyệt diệu nên tiếng «chán» khác hẳn nghĩa thông thường, đôi khi ngược lại. Đã qua giai đoạn đặt máy rà mìn lên tâm hồn nhau.

Theo quan niệm của chàng, tình yêu không thể là một cuốn truyện dài đã xuất bản. Nó phải như một cái phôi-ơ-tông dài trên nhật báo, ngày nào cũng chỉ tạm ngưng và «mai tiếp». Cuốn tiểu thuyết đã xuất bản thành tập đầu dày mấy tấc nặng mấy kí đọc ngấu ngiến một hơi cũng hết. Phôi-ơ-tông hấp dẫn ở chỗ «mai tiếp» ấy. Chàng bảo nàng: «Đừng tìm hiểu anh như tìm hiểu tình tiết một cuốn truyện dài đã xuất bản: trong mười lăm phút lật hết mười lăm trang, em phải nhàn nhai như khi đọc phôi-ơ-tông trên nhật báo, nghĩa là phải từ từ, phải biết dừng lại ở chữ «mai tiếp»; đừng nôn náo, thế mà em cũng biết rõ từng tí tí cái đời sống hỗn tạp của anh mà, đàn ông không bị ăn bằng đàn bà đâu». Nàng gật đầu đồng ý. Tóm lại chuyện tình hai người đến nay vẫn còn tiếp tục in hệt cái phôi-ơ-tông dài chưa biết lúc nào kết thúc; hồi kết cuộc chưa biết được sẽ buồn hay vui.

Như khi hậu đổi nắng thay mưa theo nhịp mùa; như một áo quần luôn thay đổi cho hợp thời trang, ái tình đời hồi luôn luôn phải được làm mới. Cây đàn bầu có độc một dây thôi cũng trời lên muôn điệu huơng hồ... Lắm lúc chàng thấy mình đuối sức một cách thích thú.

Nếu ví đời sống là cái băng nhạc dài không có chủ đề gồm những hòa tấu khúc, đơn ca song ca hợp ca độc tấu, kích động, êm dịu — thì ở thời kỳ này đời sống chàng là một dòng nhạc êm dịu, khúc nhạc diễm tả sự hòa điệu tuyệt vời của âm dương trời đất, thời gian là chất men say đựng trong chiếc bình không lồ không hình dáng rót vào hồn chàng ngày lại ngày; rót vào mỗi tuần lễ 9 ngày: thứ hai thơm mùi bông bưởi, thứ ba mềm mọng nắng tơ, thứ tư đầy ắp âm nhạc, thứ năm nhưng mượt cổ non, thứ sáu dịu dàng nổi nhữ, thứ bảy lâng lâng niềm vui, chủ nhật ngọt ngào mật ong vân vân và vân vân. Đại để, ngày tháng chàng không bị quấy nhiễu bởi những bóng ma phiền muộn.

Xe dừng lại ở ngã năm. Hai người linh bước xuống, một thanh niên nước lên điền vào chỗ trống. Bằng đối diện chàng gồm một cô gái có lẽ làm sở Mỹ, một cụ già, một cậu bé và chàng thanh niên Cậu bé kêu ông cụ bằng ông nội, hai ông cháu nói chuyện gì đó về thích thú. Cô gái chàng đoán làm sở Mỹ không chắc lắm về nghề nghiệp của cô ả nhưng nét mặt và trang phục cô ta xui chàng nghĩ thế.

Xe rẽ qua đại lộ vào phố chính.

Nhìn cô gái làm sở Mỹ (tạm gọi như thế) không đứng chàng bỗng nhớ đến cảm giác va chạm tình cờ ngắn ngủi của người thiếu phụ vừa xuống ở trạm xăng mười phút trước. Chàng hình dung khuôn mặt xa lạ ấy và, cái lý trí ưa xét đoán của chàng bèn phát biểu rằng: cô ta đẹp dưới trung bình nhưng đã tạo ở chàng một thoáng rung động đột khởi trên mức trung bình. Điều này làm chàng thấy khó chịu, cùng lúc chàng sức nhớ tư hơn tháng nay chàng chưa cho cơ thể được thoải mái trong điều kiện giải trí thấp nhất nhưng cũng có vẻ tối cần thiết. «Hay là ta đến đó trước khi tới chỗ hẹn, còn sớm mà». Chàng mỉm cười cố xóa tan hình hài cơn xúc cảm ma quỷ đang nhen nhúm làm nóng ran da mặt. Thật quả mà nói, chàng cảm ơn người thiếu phụ với cử chỉ va chạm vô tình không đâu đã nhắc nhở chàng thấy cái chỗ khuyết trong đời sống sinh lý mà chỉ vì công việc bề bộn thường ngày — chàng quên khuấy một cách không cố ý.

«Lúc đối mặt với người anh thương yêu thật tình ở giai đoạn sơ khởi tâm hồn anh phải trong bóng như gương anh mới có thể nghe được nốt nhạc thần kỳ ảo diệu của thứ hạnh phúc chân chính. Nếu trí anh vẫn đục bởi toan tính ma quỷ nào anh sẽ không nghe được nốt nhạc ấy đâu anh bạn!» Câu nói của ông bạn lớn tuổi trong bữa tiệc thân hữu hôm nào lúc này bỗng hiện rõ như cỏ mọc trên những luống ý nghĩ chàng. Hôm nọ nhân bàn về cuốn sách tình dục vừa thấy bày bán nhan nhản ngoài phố, một người đã lấy đề tài này làm quà cho bữa nhậu sau khi ai cũng có vẻ ngăn mấy câu chuyện chính trị ồn ào trước đó. Câu nói của ông bạn lớn tuổi chàng vừa nhớ lại nếu ở hoàn cảnh khác, giờ giấc khác chắc chẳng còn gì đặc sắc ý vị nhưng lúc này câu ấy có giá trị tựa chất kích thích tố công hiệu hỗ trợ cho cái quyết định bất

ngờ của chàng : đến đó trước khi tới chỗ hẹn. Phải rồi, phải tẩy sạch hết những gì vẫn đục trong tri ta trước khi gặp nàng. Nhưng liệu làm xong cái gọi là tẩy não rồi tâm hồn có trong bóng in gương không ? Chàng bần khoản nhè nhẹ, không hăng hái lắm. Ông bạn già, số tuổi gần gấp đôi tuổi chàng một thời nổi tiếng trong đám bạn bè là tay chơi cừ khôi. Một số sản nghiệp lớn ông để dành cho việc đùa giỡn với đàn bà. Có điều lạ, ai cũng tưởng ông hạnh phúc — theo ông thì không đúng. Ông tuyên bố : « Nếu tôi chụp được hạnh phúc nhét vào túi hoặc bỏ vào tủ sắt khóa lại thì tôi đã ngừng, thôi đùa bỡn ». Lạ chưa ? Ông ta có vẻ mặt khép kín và nụ cười khá quỵến rũ. Có lần chàng kín đáo quan sát ông ta ; chàng nhận rằng mẫu người như ông chỉ có chết mới thấy thỏa mãn hoàn toàn. Định bụng hôm nào gặp dịp vui về chàng sẽ nói ý nghĩ ấy cho ông ta nghe, nhưng đáng tiếc quá, ông ta chết trước khi gặp lại chàng.

Một mối bần khoản hình sóng gợn chọt nổi trong lòng chàng : « Nếu biết trước khi tới gặp nàng để nói với nhau những lời nồng nàn thắm thiết trong sáng tợ trăng rằm, ta đã trải qua những phũ rung động xác thịt với một đứa con gái làm cái nghề thấp hèn nhất trong xã hội, nàng sẽ có thái độ nào nhỉ ? Khinh khi ? Ghét tởm ? Ghét bỏ ? Buồn rầu ? » Chàng bí, không thể tìm ra một phần tử nào khả dĩ chính xác cho cái giả thiết kia nếu nó có thật. Ngán đời những đứa con gái có phẩm hạnh như nàng chẳng bao giờ nghĩ tới những chuyện đó đâu. Nghĩ vậy và, bất giác chàng cảm tưởng mình mắc tội lừa dối, khổ nạn, tội nghiệp nàng quá. Chàng hơi buồn một chút. Một chút buồn thoáng qua không đủ đánh gục cái ý định đang lù lù cỡ quả núi trong óc chàng : ta phải đến đó trước khi tới chỗ hẹn. Mơ hồ chàng lặp lại lời ông bạn già quá cố trong tâm tưởng.

Xe vào bến, mọi người ủa xuống ; chàng chậm rãi bước xuống sau cùng. Chân vừa chấm đất, chàng lật tay coi đồng hồ : sớm quá, còn một giờ nữa mới tới giờ hẹn, ta có thể làm việc kia nội trong 30 phút.

Chàng leo lên chiếc xe lam khác. Lộ trình xe này chạy ngược hẳn hướng xe lúc nãy. Không hiểu do thói quen do tính cần thận

đảm sinh trời cho, chàng móc ví ra kiểm lại số tiền hiện có. Chàng yên tâm dứt ví vào túi và, tự nhủ mình có thể tìm tới chỗ thuộc hạng khá.

Nói chàng sẽ đến là chỗ thỉnh thoảng chàng vẫn lui tới trước đây ; một địa chỉ hơi khó kiểm đối với người lạ nhưng lại là chỗ được đối tốt. Theo lời anh bạn hôm đầu dẫn chàng tới : « Toàn nữ sinh và vợ công tư chức bung dù không à, tốt lắm, hơi đau tiền một tí. » Lời anh bạn đúng phần nào thôi. Thật tình những lúc tới đó chàng không khỏi ám ảnh bởi ý tưởng bi thiết về sự tan rã của xã hội. Những cái nghề tồi tệ đáng lẽ chỉ dành cho hạng người nào đó làm lại có quá nhiều thành phần khác tham dự trong đó. Bởi vậy thường khi tiếp xúc với họ chàng giữ im lặng tối đa, cố không phân loại. Nhưng dường như khởi đi từ sự tiếp xúc ấy chàng không ngăn nổi ý nghĩ này mỗi lần ngang qua một trường nữ trung học : « Trong đám trẻ gái ôm cặp sách kia còn được bao nhiêu con gái và bao nhiêu đã trở thành đàn bà ? » Lạ chưa, đó là một ý nghĩ tội lỗi nhưng rất thành thật của một thanh niên lớn bằng tuổi chiến tranh trên đất nước này.

Xe lăn bánh qua lòng phố đông, đông người và đông bụi ; chàng khẽ huýt sáo một khúc hát quen.

Gã thanh niên rút gói thuốc trong túi ra mời, chàng lắc đầu từ chối ; cổ họng nghe đắng chát khô quéo.

Gã thanh niên hít từng hơi thuốc một cánh khoái trá. Khuôn mặt hân choắt choắt, đôi mắt lạnh lợi về gian xảo. Chàng dựa lưng vào mặt tường cầu bần, vòng hai tay kê sau gáy nhắm mắt làm như không hề để ý đến khối hỗn tạp chung quanh. Chung quanh những đàn bà đàn ông già ngồi túm lại từng chỗ, từng bọng, lúc nhúc hết bầy thú kỳ dị. Tiếng chữ liê tho tục, la mắng cãi cọ hợp thành thứ hòa âm phong phú của thiên đường nào đó chắc chắn không có trên thượng giới. Trong đám lúc nhúc trên dưới 30 người ấy, chàng đoán họ đại diện cho gần hết mọi thành phần giai cấp ngoài xã hội : trộm cắp, hiếp dâm, dâm thuê chém mướn, buồn lậu,

giấy tờ giả mạo, trốn quân dịch, bắt phục tùng... Dĩ nhiên hạng làm nghề tôi tệ chiếm đa số.

Chỉ là phòng giam tạm nhưng mùi khai nước đái, mùi ẩm mốc lâu năm chầy thảng nhắc nhở người ta cảm thấy gần cái mùi gì đó giống giống mùi nhà tù.

Chàng mở mắt nhìn gã thanh niên. Hắn cỡ 25,26 tuổi là cùng, cỡ tuổi chàng, nếu hắn có cái bằng tú tài phần một, đi lính chắc cũng mang được lon chuồn úy; nếu hắn trốn quân dịch dám làm nghề ký giả lắm, không hiểu bởi lý do nào chàng lại nhìn hắn qua những thứ nghề đó, buồn cười hết sức. Hắn bị mời lên xe cùng lúc với chàng, cùng một nơi chốn. Hắn cũng đến đó làm cái việc như chàng và, dễ hiểu quá, bây giờ giữa đám lúc nhúc này hắn có vẻ là người thân thiết chàng nhất; sự thân thiết ấy có giữa những người đồng cảnh ngộ, hoặc đồng hội đồng thuyền trong một thời gian ngắn. Gã thanh niên ném mẩu tàn thuốc xuống đất

— Anh thường tới chỗ đó lắm hả?

Chàng:

— Thỉnh thoảng thôi.

Gã thanh niên:

— Ngon đó chứ?

Chàng:

— Tạm tạm.

Gã thanh niên:

— Bọn họ tổng mình vào đây đợi cái gì thế này?

Chàng:

— Chắc điều tra lý lịch.

Gã thanh niên:

— Có nộp phạt không?

Chàng:

— Biết đâu.

Gã thanh niên:

— Bộ anh chưa bị những cú thế này à?

Chàng:

— Chưa.

Gã thanh niên:

— Tôi cũng vậy.

Chàng:

— Chà, nóng quá nhỉ! y như cái lò nướng bánh mì.

Gã thanh niên:

— Ôn và hơi hám quá xá cỡ.

Chàng:

— Lúc bị mời lên xe anh nghĩ gì?

Gã thanh niên:

— Hơi xấu hổ một tí và muốn bỏ chạy.

Chàng:

— Tôi thì thấy sùng con mẹ chủ quá.

Gã thanh niên:

— Thế nào?

Chàng:

— Thì con ngựa vĩa ấy bỏ bỏ cái miệng bảo đảm an ninh một trăm phần trăm ấy mà.

Gã thanh niên:

— Ủ nhỉ!

Chàng:

— Anh mới tới lần đầu hả?

Gã thanh niên:

— Lần thứ nhất, một người quen chỉ.

Chàng:

— Tôi tới nhiều rồi, mấy lần trước tụi nó không có bố ráp kỹ vậy.

Gã thanh niên:

— Đ. m. lúc đi mình quên coi ngày, xui tận mạng.

Chàng:

— Bao giờ họ mới gọi lên thăm vấn đây?

Gã thanh niên:

— Chuyện không giản dị đâu. Dường như bọn cảnh sát còn tìm thấy ở đó cả chục kí cần sa nữa đấy. Khi không vạ đâu lại mang vào cỡ; nếu tụi nó bảo mình là kẻ vừa mới giao hàng chẳng hạn, anh tính sao?

Chàng :

— Anh nói nghe dễ quá vậy ?

Gã thanh niên :

— Con mẹ chủ nhà quýnh quá bộ nó không biết khai bày há ? Anh ngó kia, con mẹ ngồi nom nào nề quá.

Chàng nhìn theo hướng mắt gã thanh niên. Người đàn bà mãi dăm dăm trông ra cửa nên không thấy cái nhìn lạnh nhạt của chàng và tia nhìn không mấy lịch sự của gã thanh niên. Gã thanh niên lại đem thuốc hút, dăng trầm ngậm. Chàng cố đoán nghề nghiệp của hắn nhưng chịu ; không thể đoán nổi hắn làm nghề gì trước khi nó tới ở điểm và bị thộp cổ vào đây. Nghe hắn nói về vụ cần sa với sự tưởng tượng chàng và hắn rất có thể liên lụy, không chừng hắn là một tay viết cừ khôi truyện trinh thám trẻ con cũng nên. Ở biết đâu ?

Viên cảnh sát đi đi lại lại ngoài cửa, chốc chốc thò đầu mở hé cánh gỗ dòm vào. Không khí ngột thở hơi hám vậy ngộp cần phòng hẹp. Buổi chiều sắp tắt trên mái tôn đang bỏ xuống những tia nắng cuối, rạc rời.

Khi không lại rơi vào đây, thật vô duyên hết sức. Cuộc hẹn đành bỏ dở. Nàng tới đó, đợi, rồi ra về ôm cầm theo mối thắc mắc nghi ngại trong lòng, hần thển. Chàng tuần tự nhớ lại chuỗi sự kiện từ xế trưa đến bây giờ. Chàng đã bị lôi tuột đi bởi những cái không đâu. Chàng tần mần phân tách và, tự hỏi nổi bực dọc hiện tại có phải đã hững hờ từ người thiếu phụ không quen tên biết tuổi trên xe lam ấy không ? Phải rồi, nếu chẳng có cử chỉ gọi tình của cô ta chàng đã không nảy ra ý định giải quyết sinh lý. Không giải quyết tức không tới đó, nghĩa là còn lâu chàng mới vào cái ổ chuột này. Phải chỉ lúc ấy chàng đi thẳng tới chỗ hẹn có hay hơn không ? Ở nhỉ ! Lại thêm câu nói của ông bạn lớn tuổi quá cổ nữa chứ. Đời sống thường có những bất ngờ kỳ cục, đã chẳng đồng điệu với ý thích ta, với ước mơ lại càng lỗi điệu hơn nữa. Đời sống vẫn thường bị phá bĩnh bởi những mây may bất cần nhỏ rồi để ra một cục bất ổn đại chang. Ở giữa cái ổ hơi hám này đúng là chàng đang chìm trong một đại dương bất ổn vô bờ. Chàng đã đuối buồn như miếng thịt bỏ nhúng dấm. Chàng nghiêm trang nghĩ rằng : cái nặng bồng rột của mùa hè, cơn ham muốn

bất chợt trưa nay phải chăng là những con ma nhỏ a tòng phá phách chàng ? Ồ, gốc gác sự chán ngán mệt mỏi bây giờ là thế đấy. Những con ma nhỏ. Phải rồi ; chàng đi đến kết luận gay gắt : sự buông xuôi thả lỏng, lừa dối, ham muốn, keo bần, ti tiện đều là những con ma nhỏ thường trực ăn núp, luồn lách quanh hình, thoát biến thoát hiện chúng đẩy ta phóng vút như phi thuyền không gian những lúc ta sơ hở mềm yếu.

Chàng hình dung về mặt giận dữ của nàng ; nét dăm dăm cau có ; cái dáng mảnh mai lui tới nóng nộn tựa một nàng sư tử cái hiền từ và dễ thương. Mía mai hơn nữa là, không biết do định mệnh yêu tình nào xúi quẩy, chiếc xe tuần tiễu chở chàng lại ngang qua chỗ hẹn. Chàng nhìn thấy nàng, thấy và, chẳng gọi được. Nàng cô đơn quá, có lẽ nàng khóc cũng nên. Công viên chiều nay thưa người. Tắm áo vàng mơ màng nổi bật trên nền cây lá xanh. Lúc đó nếu có ai chỉ cho nàng thấy đôi mắt lơ lảo của chàng nhìn từ chiếc xe tuần tiễu chắc nàng sẽ đọc nho nhỏ khe khẽ mấy câu thơ hờn mát, từ rầy nhẹ nhàng của nữ sĩ họ Nguyễn :

chỉ lạ rứa chiều ni tui muốn khóc

ngó chi tui đồ cổ đại hoa hèn

ngó chi tui đồ đom đóm bay đêm

xin đứng ở bên ni bờ cô tịch,..

Mấy cha cảnh sát trờ trên thật. Sao chẳng đi đường khác lại chọn con đường bằng ngang công viên ấy nhỉ ? G á bây giờ thoát khỏi nơi này và được mời làm cảnh sát trưởng, chàng sẽ ra ngay một thông cáo khải cấp cấm các loại xe tuần tiễu chạy ngang qua các khu công viên. Lý do ? Lý do nào nhỉ ? À à, đúng rồi, bởi xe tuần tiễu xuất hiện ở khu vực cận kề công viên thìường làm giật mình những đôi tình nhân lơ quên mang theo giấy tờ chứng minh hợp lệ tình trạng quân dịch; hoặc giả các ông nổi hứng ré còi làm rụng mất hết lá của cây cối đẹp để xanh mướt ở đó. Thốt nhiên chàng bật cười, ho húng hắng và, chợt nhớ ra rằng : nên đời chàng không thể làm cảnh sát được, vì chàng rất ghét huyết còi và không thích

bất cứ loại còi nào, dù to hay nhỏ, kẻ cả thứ còi hụ báo giờ giới nghiêm mỗi đêm.

Giờ này chắc nàng đã trở về nhà tự hỏi sao ta không tới? Ôi những con ma nhỏ trong đời sống ta, đừng một ai mách lại chuyện tồi bại này cho nàng biết nhé.

mường mán

TRẦN HOÀI THU

ngày tháng xa

Người thanh niên ấy đã trở về thành phố cũ, nơi chàng sẽ không bao giờ trở lại nữa. Thành phố, mà thời thơ ấu, chàng đã trải qua những ngày hết sức bi thảm. Ở đó, cái căn nhà đầy hận thù. Ở đó, mẹ chàng làm hầu thiên hạ, như kéo cuộc đời bất hạnh của một người đàn bà giữa một người đàn ông uống rượu, hai người vợ lớn như hai bà hoàng, và một đàn con như một đàn quỷ sứ. Ở đó, chàng đã thấy thế nào là những giọt nước mắt của một đứa con không cha, những nỗi buồn côi cút, những trận đòn chết lên sống xuống, những đêm bỏ đi hoang, ngủ ở lề đường xó chợ. Ở đó, là những ngày, thằng bé đã thấy thế nào là một thảm cảnh đầy nghi kỵ mà mẹ nó là một nạn nhân khốn khổ, chẳng khác một loài súc vật. Như thế, chàng lại trở về sau khi trốn chạy nó, với chiếc va li thiếc, và một thân thể éo ẹp.

Chàng đã trở về thật bí mật. Con bão rớt đã thổi vào ngày hôm qua, còn sót lại trên bầu trời một màu xám ngắt bưng kín cả tâm hồn chàng và ở biên, những trận sóng cuồng nộ đã đổ xô lên tận bờ đường với những tiếng thét gào vọng qua một hàng dương liễu đang quần quai. Chàng bước đi dưới cơn mưa. Thân thể chàng lạnh run. Buổi chiều đã xuống nhanh trên thành phố.

Dãy phố đã lều đèn. Rạp chiếu bóng đã bắt đầu trời nhạc. Chàng đang qua một căn nhà cũ. Hình như nơi này, khi xưa là một nhà điếm. Chàng nhớ lại. Những đêm ta theo mấy đứa đánh giày đứng ngoài ô cửa lưới, thấy những thằng Tây đùa cợt với những con đàn bà son phấn. Một thằng Tây đã gọi ta đến, cho ta một ít tiền. Bây giờ chàng đang đứng trước một công trường vắng. Những cây me năm xưa chắc đã chết, những trái me chưa nhỏ nhẵn, mà những trưa hè, chàng vẫn cùng mấy thằng bé con khác, leo lên hái trộm, cũng không còn nữa. Đã xa quá. Tất cả đã biến đổi sau mười lăm năm ta trở lại. Như ta, từ một thằng bé con đầu trọc, hai ống chân như hai ống sậy, bây giờ trở về, để trở thành một tên thanh niên râu tóc lặn đẹn thế này. Có người nào biết cho chuyển trở về của ta không? Thành phố này có biết một đứa con đang trở lại không? Chàng đã đứng lặng một hồi, dưới một hành lang vắng. Những hạt mưa chạm vào mái tôn kêu lên buồn buồn. Thỉnh thoảng vài chiếc xe chạy qua, quét hai ánh đèn pha nhòa nhạt trên mặt đường tối. Và ở đâu đây, có tiếng đàn dương cầm của ai vẳng lên như một hình ảnh của nỗi ấm cúng. Chàng lắc đầu. Tại sao ta lại về đây hả? Thành phố mà ta thề sẽ không bao giờ trở lại? Tại sao lại bắt ta sống lại những điều đã chết hôm qua?

Chàng lại bước đi. Mưa vẫn đổ một cung đàn ử dật. Một mùa đông buồn, như một người cô phụ. Chàng lặng lẽ đến ngôi giáo đường. Chàng nép dưới giàn hoa giấy. Trong sân, những khóm lá nổi lên mờ nhạt, cạnh những hàng liễu nhỏ. Chàng đứng yên một lúc, rồi hồi hộp bấm nút chuông điện. Một luồng ánh sáng hắt ra tiếp theo một gương mặt già nua của một ông lão:

— Ông hỏi ai?

Chàng vừa vuốt nước mưa trên mặt, vừa hỏi:

— Thưa ông, có phải đây là nhà của cô H.A?

— Phải, ông hỏi có việc gì?

— Nhờ ông vào nói hộ với cô, có một người học trò của cô cách đây mười lăm năm..

— Ông tên gì?

— Ông cứ vào nói, đó là đứa học trò cô thương nhất lớp. Ông cụ nhìn chàng, có vẻ ngờ ngẩn, rồi quay lại. Chàng lại run rẩy

đốt chặt hai tay vào ngực trước một cơn gió vừa ứa đến. Một át, ông lão, lộ đầu ra khỏi cửa:

— Cô mời ông vào. Trời ơi, sao người ông dầm nước mưa thế này? Người thanh niên không trả lời. Chàng bước vào căn phòng khách. Cô hiệu trưởng năm xưa đã hiện ra với tấm áo choàng màu vàng nhạt. Chiếc foulard đen choàng quanh cổ, làm tăng thêm hình ảnh quý phái của một người thiếu nữ Hà nội năm xưa. Cô hiệu trưởng nhìn sững chàng. Trong khi chàng cố gắng cầm cơn lạnh đang hành hạ thân thể chàng:

— Thưa cô. Cô còn có nhận ra em không?

Cô H.A vẫn nhìn người học trò cũ, đáng bối rối:

— Để cô nhớ. Hình như lâu lắm, cô không gặp em.

— Mười lăm năm rồi, thưa cô. Em là Hoài đây.

Cô hiệu trưởng reo lên:

— Thế em là Hoài thật ư?

— Dạ

— Tội nghiệp, sao người em lại ướt dầm thế này

Chàng không trả lời, mà hỏi lại một câu khác:

— Em đến thăm cô vào giờ này, có làm phiền cô không?

— Em nói quá. Được em thăm, cô thật vui.

Chàng nhìn chăm vào gương mặt cô hiệu trưởng:

— Trông cô vẫn không thay đổi mấy.

— Em thì quá thay đổi. Nếu em không nói tên, chắc cô không nhận ra đây.

Cô nói tiếp:

— Để cô pha cà phê cho em uống nhé. Trời lạnh uống một cốc cho ấm.

— Dạ cảm ơn cô.

Cô hiệu trưởng đứng lên, đến bàn nước. Chàng có thể thấy được dáng mảnh mai dịu dàng của cô còn giữ lại tự ngày xưa. Nhất là ở đôi mắt buồn, nhưng thật bao dung của một nữ tu. Chàng cũng đứng dậy, đến bên cây đàn dương cầm. Vẫn chiếc ghế cũ, nhỏ nhoi, vẫn chiếc nệm màu huyết dụ, vẫn tủ sách thiếu nhi mà mỗi lần cô dạy, cô vẫn mang đến lớp phát cho các đứa học trò cô nhi, vẫn những bức tranh của Chúa, mà cô

hiệu trưởng đã thưởng kể bao nhiêu sự tích. Chàng cảm một cuốn thánh kinh.

— Trường bây giờ đông học sinh không cô ?

— Đông lắm em ạ. Cô nhi viện chúng ta bây giờ mở lớn. Cây cối mọc nhiều. Hàng phượng trước cửa lớp mình, lúc em học, mới mọc bây giờ đã nở hoa bát ngát.

— Mười lăm năm rồi, thưa cô.

Chợt cô hiệu trưởng quay đầu lại hỏi :

— Em bây giờ làm gì ?

Chàng cúi đầu một lát :

— Bây giờ, em không làm gì hết. Ngày xưa, thì đời em thuộc về cô nhi viện bây giờ nó thuộc về chiến tranh, chánh phủ, về những chủ nghĩa, những lý thuyết. Em đang ở trong guồng máy.

— Cô nhớ ngày xưa, em học giỏi lắm. Sinh ngữ em vẫn đứng đầu lớp. Ông mục sư Gia nã đại vẫn thường khen sự thông minh của em. Có lần ông muốn mang em về xứ. Cô cũng nhớ có lần cô hỏi...

— Cô hỏi tất cả những đứa học trò cô nhi về những ước muốn mai sau. Em trả lời em muốn lập một đồn điền cam, để được cỡi ngựa, để được nhìn ngắm mùa cam vàng nở.

— Câu ước của em làm cô phải ngạc nhiên không ít. Cô biết về sau em trở thành nhà thơ. Có phải không Hoài ?

— Dạ. Bây giờ thì ca đã đi vào đời sống của em. Em không còn gì nữa, trừ con tim em mang, trừ nỗi thồn thức, rung động mà nó đã mang nặng. Em đã khổ vì nó. Chính vì thế, đời em cứ mãi đau khổ.

— Nhất là trong thời buổi bây giờ.

— Dạ. Chiến tranh đã cho em biết và thấy bao giòng nước mắt. Thi ca đã cho em thấy nỗi cô đơn của em.

Cô hiệu trưởng đã mang tách cà phê đến trước mặt người học trò cũ, dịu dàng nói :

— Uống cho ấm. Em cần đường thêm không ? em hút thuốc lá nhé ?

— Cảm ơn cô. Lúc nào cô cũng tốt với em. Em nhớ mỗi lần cô hát, cô làm em phải khóc.

— Bây giờ cô hết hơi rồi. Cô phải gánh vác nhiều trách

nhiệm nặng nề khác. Chiến tranh đã làm cô nhi viện ta chật chỗ.

Chàng khuấy muỗng cà phê rất nhẹ. Mưa vẫn còn tiếp tục. Qua khung cửa kính, chàng thấy một cánh hoa huệ trắng vươn lên lẻ loi. Chàng nhớ đến một vài gương mặt bé bạn, nhớ đến lớp học nhỏ nhẩn bên bờ biển, cái sân cô nhi viện, cái đu giây, cái hành lang rộng. Mắt chàng khẽ khép lại. Mơ hồ chàng nghe tiếng sóng biển vọng về trong tiếng đàn dương cầm tha thiết và những chiếc miêng bé nhỏ trước hàng băng giáo đường, đang hát bài ca chào mừng Chúa giáng sinh. Chàng lại thấy phững lần du ngoạn, bạn chàng quần xanh áo trắng bọn con gái đồng phục trắng, đi dưới đường phố để đón nhận đôi mắt xót thương của những đứa trẻ được may mắn. Chàng lại nhớ đến những giờ cầu nguyện, trước bàn cơm tũ thân như số phận của chúng. Chàng nhìn ra ngoài khung cửa kính. Giọng chàng thấp xuống :

— Em đến xin có một điều. Mong cô giúp đỡ em.

— Em cứ nói. Nếu được cố sẽ gắng giúp em.

Chàng bắt đầu kể. Cô hiệu trưởng nghiêng bóng trên ghế bành, chốc chốc lại thở dài. Tiếng nói của chàng đôi khi hòa lẫn vào trong tiếng mưa đêm.

— Em xin cô được trở lại cô nhi viện để giúp đỡ những em cô nhi. Dù sao ở đây em đã có những kỷ niệm ghi nhớ mãi trong lòng em. Em mong sự có mặt của em góp một phần vào nỗi khổ đau của các em bé, và là vui đi nỗi khó nhọc của cô. Em có thể dạy chúng học, giúp đỡ chúng về mặt tinh thần...

— Nhưng cô biết, em không có đạo ?

— Vâng, em không có đạo. Đến bây giờ em cũng vô đạo. Lòng tin của em đã chết.

— Như vậy em làm sao thay mặt Chúa để săn sóc những em cô nhi. Trường chúng ta là trường đạo mà ?

— Em thay Chúa bằng lòng thương, bằng tình nhân loại, bác ái của ngài.

— Có sợ khi em nhìn rõ thực tế em sẽ thất bại...

— Em mong cô thương em. Đời em bây giờ không còn gì nữa.

Một người mẹ cũng coi như không có. Một con tim cũng dễ dàng mấy không xong. Một thân thể thì cứ lao đao lận đận mãi. Một ước mơ thì suốt đời cũng như một làn mây khói.

— Em uống cà phê đi kéo nó nguội. Hình như em từ mặt trận trở về ? Người học trò cũ cúi đầu, đôi vai chợt rung đi.

— Vâng. Em đã từ mặt trận trở về. Hơn nữa, em đang bị truy nã khắp nơi. Ngày hôm nay người ta đã biết, người ta lắm.

Chàng hút một hơi thuốc. Tiếng chuông đồng hồ điểm lên từng hồi. Ngoài khung cửa kính, một lần sét nổi lên, vàng rực chói mắt.

— ... trận đánh đó, bọn em bị vây suốt ngày. Người ta đã thi quân. Người ta cứ ra lệnh trong máy và chỉ tay trên bản đồ. Người ta không biết địch hàng trăm tên đã mai phục sẵn ở sườn núi. Khi đơn vị em lên, đợi đến lúc bọn em vượt qua, thì chúng nhào ra... Trục thẳng không dám bắn vì ta với địch gần nhau quá.

— Chao ơi.. Cô hiệu trưởng đã nhắm mắt, và thốt lên đầy sợ hãi. Sao em thoát được ?

— Cứ như vậy mà bọn em chết lần chết mòn. Hình như có một động lực vô hình nào bắt em phải chạy. Và đến chiều, em đã chạy, nhắm mắt mà chạy. Cô không biết. Đạn nó đã canh sẵn. Thế mà em lại thoát thật kỳ diệu. Em khóc vì mừng rỡ. Và rồi em bỏ đi, trong khi người ta báo cáo em bị mất tích. Em không còn can đảm trở lại mặt trận nữa. Em sợ nó quá rồi...

— Em kể cô muốn khóc.

Chợt cô hiệu trưởng đứng dậy, đến bên chiếc đàn dương cầm, bật sáng chiếc đèn bàn:

— Cô đàn cho em nghe nhé. Lâu lắm cô mới sống lại một kỷ niệm. Học trò của cô bây giờ đều như vậy. Hoài, em còn nhớ bài ca cô làm cho trường mình không ?

— Em chỉ nhớ khúc đầu thôi cô.

— Để cô hát cho em nhé ?

Và những ngón tay trắng nuột, mềm mại của cô H A bắt đầu lướt trên phím đàn. Người cô hơi nghiêng, và chàng đã nhận ra trên mái tóc của cô, những sợi tóc bạc lẻ loi nổi lên. Căn phòng

kinh bưng đã khiến tiếng hát của cô giáo trở nên rõ hơn bao giờ hết.

Học sinh hồi, Bết lè hem, trường yêu dấu chốn biên núi bên đồi xanh. Học sinh hồi, bết lè hem, tại nơi này bao ý thơ đang nở hoa... Tiếng hát của cô giáo trở nên buồn bã lạ thường. Người học trò cũ ngồi thờ trên ghế. Để chừng hồn chàng đang ngập tràn một hồ lệ. Chàng thấy lại rặng núi bên cổng trường. Con đường từ chiếc cổng cao, đất sỏi dài dặt chạy lên vào những dãy nhà dành cho các em bé cô nhi, đến bờ biển. Sóng nghe ì ầm vọng về trong buổi trưa mùa hạ. Những buổi tối, ngồi bên cô hiệu trưởng để nghe cô đàn, cô hát... Còn ai nữa; để chàng phải gói gắm vào tiếng hát đêm nay. Hay, là Kim-Anh, Lý ? với mái tóc bông bê và nỗi buồn trên đôi mắt. Hay là của Phong, Trí hay Thụy, mà cuộc sống cô nhi đã làm chúng ta sớm biết được bất hạnh. Hay là mẹ chàng ? Người đàn bà coi việc hành hạ đứa con riêng của bà như để vui bớt nỗi đau đơn mà bà đã chịu đựng, để cuối cùng nó phải trốn về cô nhi viện ? Tất cả như trở về, cùng với tiếng hát thì thiết và đôi mắt nhắm lại của cô H A. Chắc cô cũng phải thấy lại những gì mười lăm năm trước để đêm mưa gió này hồi tưởng trở lại. Vâng chắc cô phải hồi tưởng để mà khóc trăm ngàn lần cô đã khóc như mọi khi. Căn phòng bây giờ chỉ còn hai người. Những đồ vật bây giờ như sống dậy, có linh hồn, để nhìn thấy lại một điệu nhạc đã mất đi sau mười lăm năm.

Nhưng chàng đã bỏ cô nhi viện mà ra đi một lần nữa. Chàng đã trốn nó trong một đêm tối, khi các trẻ cô nhi đã ngủ yên. Là thơ chàng viết, được người phu trường tìm được trên bàn viết chàng ngày hôm sau :

Cô đáng kính

Khi cô đọc lá thơ này thì em đã rời khỏi đây rồi. Xin cô tha thứ vì sự ra đi đường đột của em. Em không biết gì hơn là nhận tội.

Kính cô,

Em kể rõ ở đây lý do em đi. Dù em biết khi rời khỏi đây em sẽ vô cùng điều đưng và khổn khổ.

Hắn cô biết bé Danh? Bé bị cưa một chân ở phòng A do chị Lan Anh săn sóc. Cách đây hơn một năm, vào một đêm trước đêm giao thừa mấy ngày, em dẫn một tiểu đội đi kích ở một ngôi làng tương đối an ninh. Nhưng vì không am hiểu tình hình, nên em đã cho lính nằm thật kỹ, chọn chỗ, tìm vị trí ẩn nấp tốt. Em làm sao biết đêm hôm ấy, cái đêm kinh hoàng nhất cho bé Danh. Thật vậy, vào khoảng mười giờ, hai mẹ con bé Danh từ đồng đem cá trở về. Người đàn bà cầm đèn, tự nhiên gió thổi làm tắt. Bà ta làm sao biết có một toán lính đang nằm phục sẵn trên con đường mòn. Bà ta chỉ biết đã gần Tết, người ta được phép đi chơi suốt đêm. Thế mà, khi bước vào con đường mòn, thì lính của em nổ súng. Bà ta chết tại chỗ. Còn bé Danh bị thương nặng. Đêm hôm ấy, em đã thấy thế nào là cái tàn bạo và phi nhân của cuộc chiến này. Đòi mất em Danh mở trừng nhìn em, như oán hờn, như trách móc. Rồi lâu lâu bé khóc trong tiếng rên đau đớn? Mẹ con đâu rồi... Mẹ tôi đâu rồi? Căn nhà trụ sở y tế ấp vang lên tiếng khóc lóc, chữa rữa của người trong xóm. Những ánh đuốc thấp lên từ bốn phía Họ muốn biểu tình đòi mạng. Họ đặt xác người mẹ trên võng, và con bé Danh lên cán, để thả đảo toán lính. Họ làm náo loạn cả đêm. Bất buộc bọn em phải nổ súng chỉ thiên, và ra lệnh cấm ra ngoài đường. Lúc đó, tình hình mới bớt căng thẳng. Nhưng đôi mắt của con bé, chiếc quần đẫm máu, bắp thịt bị đạn công phá toét lỗ, đã ám ảnh em không ít. Làm sao nó biết chiến tranh đã khiến em nhúng tay vào công việc vô nhân đó. Làm sao nó hiểu được mỗi đêm, bọn em phải nằm ở những bờ ruộng, bờ ruộng, hay những gò mả để sống với những lo âu, sợ hãi. Và bây giờ, không ngờ em lại gặp bé Danh ở trong cô nhi viện này. Cô nhi viện, nơi em đã đặt hết tin tưởng để sống trong những ngày còn lại. Để em thấy đời sống thật đáng quý để em bù đắp vào nỗi đau khổ của chiến tranh một chút mồ hôi. Nơi đây em nghĩ sẽ là nơi để em có một hồn thơ trù phú. Biển và núi. Gió và hoa lá. Tình thương đồng loại của những người suốt đời đem bản thân của mình cứu giúp cho đồng loại, như cô, như các vị mục sư khả kính. Em nghĩ đã tìm được một nơi an nghỉ sau một thời gian lặn lội,

ấy vậy, lương tâm của em lại không cho phép. Suốt một tuần nay, em phải trốn chạy bé Danh, không dám nhìn nó vào lớp, không thể không rung nước mắt khi thấy một con bé khổn khổ bên chiếc chân giả. Cô tha lỗi cho em. Biết rằng khi rời khỏi đây, em sẽ gặp biết bao nhiêu trở ngại. Những cánh cửa giam đang chờ đợi. Những ngày tối tăm sẽ bắt đầu. Những bữa đói no sẽ tiếp diễn... Em mong cô hiểu em như cô đã từng hiểu. Và xin cô đừng nói chuyện này với con bé. Nếu nó biết thầy giáo nó là kẻ giết má nó, và gây tàn tật cho nó, thì thật tội nghiệp...

Cô hiệu trưởng đọc xong, hai giọng lệ bỗng nhiên chảy trào trên hai gò má. Cô đứng yên lặng nhìn về bờ biển. Những hòn đảo xa đã mờ nhạt dưới ánh mặt trời chiều. Tuy vậy một màu vàng vẫn còn rực rỡ ở giữa biển khơi. Gió biển mang hơi lạnh đến sớm. Cô cúi đầu xuống bước lên tam cấp. Vẫn cái đàn dương cầm xưa vẫn cuốn sách thiếu nhi mà cô nâng niu từng cuốn vẫn những lọ hoa đã mờ sẫm, vẫn những bức tranh ngày nào. Cô đến bên đàn, một hình một bóng nghiêng trên mặt gỗ, và thở dài. Rồi cô bắt đầu đàn. Vừa đàn, vừa hát. Giọng nghẹn ngào: học sinh hỏi, bắt lê hem, trường yêu dấu chốn biển núi bên đồi xanh. Học sinh hỏi, bắt lê hem tại nơi này bạo ý thơ đang nở hoa. Chợt cô nghe tiếng động đằng sau. Cô quay lại, nhận ra bé Danh. Mắt cô ràn rụa:

— Danh ơi, con thương thầy giáo Hoài không?

— Dạ thưa cô, con thương. Thầy ấy hiền lắm. Tự nhiên cô H.A. òa lên khóc.

trần hoài thư

DU TỬ LÊ

chiếc bóng treo cạnh

Ánh sáng của vàng trắng như bị cản lại bởi những tàn lá lá trứng cá trồng hai bên con đường đất hẹp.

Những bóng lá đổ xuống mặt đất xám nâu như một bầy côn trùng với đôi cánh xò ra đập đập. Xóm nhà lùn xuống như những thân nấm dại mọc không ngay hàng. Chốc chốc, tiếng ú ớ vẳng ra từ bên trong những ngôi nhà vách gỗ, như tiếng kêu thoát khỏi từ những bộ ngực bị ép dẹp bởi sức nặng của những tấm tôn cũ là những mái lụp xụp.

Ở một bên dãy những căn nhà hộp này, người ta thấy có một ngôi nhà mở cửa sổ. Chiếc cửa sổ mở hướng vào ngọn điện vàng vọt từ mái hiên của căn nhà đối diện. Ánh điện bắt những tia yếu ớt vào trong căn nhà trống rỗng. Qua khung cửa sổ người ta có thể nhìn thấu suốt tới cửa sau của ngôi nhà. Trên nền xi măng láng, giữa nhà, người ta thấy một người đàn ông, còn trẻ, anh ta đang khuỳnh tay đi vòng quanh một cái xác rũ rượi, của một người đàn ông khác. Cái xác nhũn mềm trên nền xi măng, đầu ngó vào đôi chân co. Nếu lại gần hơn người ta có thể nhìn thấy những vết máu loang động chung quanh chỗ của cái xác. Máu từ ngực xác người này vẫn còn rỉ rỉ, điều đó chứng tỏ người nằm bất động kia chưa chết hẳn hay vừa mới bị giết.

Người đàn ông đi vòng quanh, vòng quanh. Không thể biết anh ta đã đi như vậy tất cả được bao nhiêu vòng rồi.

Chốc chốc anh ta ngửa mặt lên trần nhà cười sặc sụa. Tiếng cười của anh ta có lẽ bị hãm bớt bởi chính cuống họng của anh ta, nên nó là một chuỗi âm thanh ú ớ như tiếng rên của người bị bóp cổ ?

Anh đi vòng quanh xác chết thêm một hồi nữa, xong anh ta ngồi bệt xuống, chùng như anh ta đã quá mệt. Hơi thở anh ta hào hển. Tuy nhiên, đôi mắt ngầu đục của anh ta không giây phút rời khỏi cái xác bất động. Có thể là anh ta lo ngại, đề phòng sự trở dậy bất ngờ của xác chết kia.

Bây giờ thì máu từ những vết dao đâm nơi ngực đã không còn rỉ nữa. Người đàn ông đưa tay sờ rầm khắp nơi cái thân thể đó. Anh thấy cái xác như đã bắt đầu cứng và dần dần lạnh. Cái lạnh theo những đầu ngón tay anh chạy ngược lên đầu và nó tỏa đi khắp nơi, khiến anh ta bỗng rưng rưng mình run rẩy.

Lúc này anh mới đề ý và cảm thấy như ánh đèn của ngọn điện bên hàng hiên đối diện quá sáng. Nó sáng quá đi. Sáng tới độ cho anh nhìn rõ những con chuột sù sì đen lảnh đang di chuyển nơi cái bể nước ở cuối nhà, chỗ có một miếng sân nhỏ không đầy nửa thước. Ánh trăng chiếu xuống từ cái miếng trời bỏ ngõ này cũng sáng lên một cách kỳ dị. Tất nhiên là anh ta không thể làm cách nào để thôi tắt được cái ánh sáng có từ vàng trắng trên đỉnh trời cao, tuy anh có thể đứng lên, đi về phía cửa sổ khép lại cái cánh gỗ, bóng tối sẽ đầy lên trong căn nhà trong lốc. Nhưng anh ta đã không làm thế. Hình như anh ta cho rằng tất cả mọi hoạt động của anh lúc này đều không cần thiết. Chẳng cần thiết gì hết. Điều anh muốn, điều anh mơ ước là cái xác chết này, nó đã có đó trong tầm mắt của anh. Nó đã im lặng, đã bất động bởi chính tay anh. Phải chính anh đã rút đi sự sống ở nơi đó. Mặc dù để đạt tới điều đó, anh đã bị khó khăn không ít. Anh đã phải bằng mọi cách thật khéo léo, thật kiên nhẫn mới dụ được thằng này về đây. Anh đã đâm nó bằng ba nhát dao (chỉ ba nhát thôi, anh nhớ rõ như vậy, không có hơn) giữa ngực và nó đã không yên lặng như ý anh

mong thấy. Nó đã rú lên. Tiếng rú thất thanh của nó làm anh khó chịu. Có lẽ chính vì tiếng rú đó mà anh ta phải bồi thêm hai nhát nữa, hai nhát thật chính xác và thật sâu. Máu nó đã phun toé vào mặt anh. Anh đã phải nhắm mắt nhưng anh lại há mồm sung sướng đón nhận những giọt máu phụt trúng miệng anh.

Đã hẳn là anh có một thù oán nào đó dành cho kẻ đang nằm đây (mặc dù bây giờ thì lòng anh cũng đã nguội lạnh. Những oán thù những bức dọc trở thành những ám ảnh có từ bao năm qua trong anh, đã hết, đã tàn, đã nhạt như một cơn gió đã thoảng qua và đã bay đi. Rất xa, không dấu vết nào vương lại). Nhưng cũng cần phải nói rằng sự thực giữa anh và kẻ kia, cũng chẳng là một mối thâm thù đến độ ghê gớm hết. (Có gì đáng gọi là khiếp đảm không? trong cuộc đời này), chẳng qua anh chỉ thấy khó chịu (một chút thôi) về kẻ đang nằm bất động đó, mỗi khi anh thấy hắn đưa cô gái ở cùng một ngõ với anh trở về, trên một chiếc xe hơi, và lần nào cũng vậy, tên vô lại đó (theo ý của anh ta, dù chưa biết anh hay kẻ đó đáng được gọi bằng cái tiếng chỉ ấy) đã hôn cô gái trước khi hai người chia tay. Những nụ hôn trong đêm, những vòng tay ôm dưới ánh đèn đầu ngõ, vào những khuya mưa, đã như những giọt cường toan nỏ chạm trong thần trí anh. Nó cho anh chứng nhìn lại chính mình, đau đớn. Nó bắt anh phải tự hỏi, anh đã thua kém gì tên kia? Anh cũng như tên vô lại đó, nghĩa là anh cũng có đủ tay chân, có đủ mắt mũi. Anh cũng có một thân thể không tật bệnh. Một thân thể mà anh nghĩ rằng cũng cường tráng, cũng dồi dào sinh lực, không kém gì bất cứ một gã thanh niên nào. Anh nghĩ rằng anh cũng có thể nói những lời ngọt ngào, anh cũng có thể làm những cử chỉ vuốt ve, có những hành động thương yêu nồng nàn, đắm đuối. Anh cũng có những rung động tự nhiên trước nhan sắc, trước thiên nhiên, trước tất cả mọi hình ảnh, mọi sự kiện nhận bắt được từ một tâm hồn bén nhạy, từ một đôi mắt lanh lợi. Anh cũng có được cái trong trắng của tâm hồn, và anh còn giữ được cả cái trong trắng của thể xác để đón chờ một cuộc tình, để soạn cho một mối hôn, một tay vuốt. Nhưng tất cả niềm mơ ước rớt rỏ như nắng lớn, mãnh liệt như bão giông, đã không một lần

đến với đời sống anh. Khát khao càng như ngọn lửa bốc cao, thì anh càng thấy như mình lụi sâu hơn vào bóng tối, vào miền lãng quên bản bật của sự yên lặng và bóng tối. Mỗi năm tháng qua, chỉ cho anh thấy rõ hơn anh không có cách nào để hòa nhập được với cuộc sống từng bừng náo nhiệt ở quanh anh. Đám đông như đã cố tình, đã ra mặt lần tránh anh. Anh cảm thấy như mình bị gạt bỏ thẳng tay ra khỏi mọi sinh hoạt chung của đồng loại. Sự cô đơn bữa vây quanh đời sống anh từ ngày anh bước chân ra khỏi cô nhi viện, đã mỗi ngày một dày đặc thêm. Nó như những lớp lưới đan lằng nhằng những sợi cước rất chắc, và từng lớp, từng lớp như vậy chồng chất nhau, trùm phủ xuống khiến anh càng rầy rụa vùng vẫy bao nhiêu, anh càng bị trói quẩn chặt chẽ bấy nhiêu. Đã có một thời gian anh cam đành với một đời sống âm thầm lặng lẽ như chính chiếc bóng của anh. Anh không còn mơ ước gì nữa. Anh thức thủ trước số phận. Anh đã xuôi tay trong chiếc còng của định mệnh. Mọi sự sẽ bình thường. Bình thường như sự lạnh lùng mà anh đã tìm thấy được, mỗi khi nghe chung quanh xi xầm về anh. Họ nói anh là một thằng điên một thằng khùng. Người khác lại bảo anh là con hoang của một cô gái điên. Trước dự luận, anh đã thản nhiên và anh tin rằng anh sẽ thản nhiên mãi mãi, cho tới lúc anh chết, nếu không có chuyện tên vô lại diễn cảnh yêu đương trước mặt anh. Những đêm mưa từ trong cũi hẹp nhìn xéo xuống, anh cũng chẳng hiểu tại sao anh có cái ý nghĩ phải giết cho bằng được kẻ không quen kia. Cái ý nghĩ ghê gớm này đã nung nấu đã thúc đẩy anh tìm cách, bỏ công đến gần với kẻ lạ mặt. Mỗi lần tiếp xúc, mỗi lần nói chuyện với tên lạ mặt là một lần anh có cái cảm giác sung sướng kỳ dị. Cái cảm giác điên mê man dã. Anh luôn nhìn tên vô lại đó như một thứ sinh vật bé mọn trong tay anh. Anh thấy mình chẳng khác bao nhiêu với một con mèo và kẻ lạ mặt là con chuột mà anh còn cho sống trong móng vuốt vờn dăn. Gó những khuya vắng, người ta bắt chợt nghe được tiếng cười của anh vang động lòng con ngõ nhỏ. Tiếng cười, theo chân gió vọng đi xa, nghe ẽ lạnh cả da thịt. Thời gian ra ơn cho kẻ lạ mặt cũng là thời gian mà anh ta tự nhiên cảm thấy mình cao cả, thấy mình như một thứ thượng đế và niềm hoan lạc có thể ngang với hoan lạc của chung đụng thể

xác khi nghĩ tới lúc cái đám đồng loại hằng ghê lạnh, hằng ghê tởm anh, sẽ không còn dám nhìn anh như một thứ cỏ cây hèn mọn nữa. Họ sẽ phải kính hãi, họ sẽ phải lén lút trong những cái nhìn trộm, và nhất là khi ấy chắc chắn họ sẽ không còn dám coi anh như một thằng khùng, một thằng điên (hay chính là một thằng điên, hơn bao giờ hết? Tuy nhiên đó là vấn đề của họ).

Và anh đã sửa soạn thật kỹ càng bằng cách mua lại căn nhà này. Căn nhà trong một khu xóm tối tăm, xa thành phố, mới thích hợp làm sao cho dự tính của anh. Giờ tên vô lại đang nằm đây. Y nằm đó như một con chuột chết nhưng còn giữ nguyên trên mặt những nét kinh hoàng khiếp đảm tận cùng. Mắt y mở lớn tròn trừng, tay chân y co quắp, trông chẳng có lấy một chút mỹ thuật nào. Anh tự hỏi không hiểu sao y không còn giữ những nét đáng hào hoa vào lúc này.

Anh ta hình dung lại y trong cung cách hơn hở, tự tin (một cách xác xược) dưới ánh đèn đầu ngõ mỗi khi đưa người con gái trở về. Mái tóc y chải gọn, những nếp áo phẳng với những màu quần thật nhã, thật lịch sự. Anh không thể tưởng tượng được rằng cái kẻ mà anh từng mơ ước được đóng vai y một lần, một lần thôi cho suốt một cuộc đời của anh, giờ đây lại chỉ còn là một đồng thịt lạnh lẽo vô tri, bẽ bộn.

Anh đưa tay vuốt cho đôi mắt tên vô lại khép lại, nhưng khi ngón tay anh đi qua, mí mắt y lại bật lên trong cái thế mở hết cỡ, mở trũng trũng, mở tức tưởi như cũ. Anh muốn nhìn thấy y một lần thêm, trong cái đáng vẻ nho nhã, dễ thương của những đêm mưa đã qua, nhưng hình như đã kháng kháng chịu trở về hình vóc cũ.

Anh nhòm người kéo thẳng chân y ra, nhưng những sợi gân hình như đã chết hẳn. Đôi chân không nhúc nhích. Những cố gắng kéo ra của anh chỉ là những cố gắng vô ích.

Lúc này anh ta mới cảm thấy một mỏi và chán nản. Trò chơi mà anh tưởng tượng với bao nhiêu hứng thú, bao nhiêu lý kỳ hời hợt, gay cấn đã diễn ra không đúng như vậy. Sự dẫy rụa, tiếng thét rú của tên vô lại rồi cũng qua đi, chỉ trong giây lát. Tất cả lại trở lại bình thường. Anh ta vẫn không tìm thấy cái cảm giác khác

lạ ở nơi anh. Anh vẫn là anh, anh chẳng đổi khác chi hết. Anh lùa tay vào mái tóc mình. Vẫn là mái tóc bù rối với những sợi tóc quá cứng. Anh vuốt bàn tay trên mặt mình. Vẫn là cái mặt với lớp da nhám nháp. Vẫn là cái gò má nhỏ lên, hai mắt sâu xuống trong hai cái hốc lõm như hai hố đất bị khoét sâu. Vẫn là những sợi râu lởm chồm...

Anh hất mạnh cánh tay, như không muốn tiếp tục giòng tư tưởng của mình. Anh đứng dậy.

Người ta thấy trăng đã xuống thấp, khuất sau những mái nhà ở dãy bên kia.

Có lẽ trời sắp sáng. Khoảng bốn giờ hay nhiều hơn thế. Những tiếng động đã nghe được, chốc chốc vang lên ở những nơi không thể định hướng. Người đàn ông bước những bước mệt mỏi vào trong nhà.

Anh dừng lại nơi chiếc bể nước xây cao ngang tới đầu gối. Những con chuột nghe động, túa chạy vào những khu bóng tối còn sánh đặc. Người đàn ông cho rằng lẽ ra anh phải bắt sống, it ra là lấy một con để có thể diễn lại cái trò chơi mà anh ta đã làm với người thanh niên đang nằm giữa nhà kia.

Ý nghĩ này không đậu bền trong óc anh ta. Nó trôi tuột theo những vốc nước mà anh vọc lên từ hồ, khắp trên mặt.

Hình như những vốc nước trong bàn tay anh không đủ như ý anh mong muốn. Lát sau, người ta thấy anh vọc cả cái mặt anh vào trong hồ nước. Những lượng nước theo nhau lùa vào mũi anh. Người ta nghe tiếng anh sặc sụa. Không lẽ anh đang tự trấn nước anh. Mà cũng gần như vậy đó. Khi những nguyên cái mặt mình vào hồ nước mát lạnh, anh chợt nảy ý tưởng nên nhúng sâu, nhưng mãi mặt mình trong cái bồn nước này. Chỉ mười phút thôi. Mười phút hay ít hơn, những nạn nhân hèn hạ của anh (những con chuột mà anh đã thấy) sẽ thế ngay lập tức cái ngôi vị mà anh đang giữ. Nghĩa là chúng sẽ bỏ khắp người anh. Chúng sẽ mặc sức mà cắn, mà nhay da thịt anh, bất cứ chỗ nào, chỗ nào chúng thích. Mặc lòng. Hẳn nhiên là thế rồi.

Nhưng có lẽ hình ảnh những con chuột sù sì, đen chũi được tự do tung hoành trên người anh, đã khiến anh buộc lòng phải đem cái mặt anh ra khỏi hồ nước.

Có lý nào tới phút này anh lại là nạn nhân của một lũ chuột dơ dáy và hôi hám đó. Không. Anh nói nhỏ trong miệng và ngửa mặt lên nhìn khoảng trời hé nhỏ.

Trăng đã không còn nhìn thấy, nhưng những đám mây nhạt như xua bớt màu tối đen của bóng đêm. Chúng cho anh nhìn ra lơ mơ mọi vật. Anh cúi xuống hồ nước. Không hiểu động lực nào đã xui khiến anh có cử chỉ này. Nhìn dáng điệu chăm chú của anh, người ta phải nghĩ rằng anh đang ra công tìm kiếm một cái gì đó đã để rơi trong hồ. Mặt anh bắt đầu kéo những nếp nhăn xô lệch...

Lát sau, người ta thấy anh thò tay vào hồ nước và vục lên một vốc nước. Lần này anh không vẩy nước lên mặt nữa. Anh đem nó lại gần sát hơn trong mắt nhìn.

Có thể là anh chẳng tìm thấy những gì sẵn có trong vốc nước kia. Người ta có thể tin được như vậy, bằng chứng là ngay sau đấy, anh đã đưa nó lên ngang mũi, ngửi.

Anh thun mũi và thở hắt ra. Anh ném trả vốc nước vào trong hồ. Nhưng bàn tay anh vẫn còn những giọt nước bám ướt. Anh chùi tay vào quần mình. Xong anh lại đưa tay lên mũi ngửi. Lần này anh không còn thấy mùi tanh của máu. Anh có vẻ hài lòng, nhưng bất giác anh lại quay mặt hướng về phía cái xác chết vẫn chưa hề di chuyển khỏi chỗ ban đầu của nó.

Tuy nhiên anh nhận ra một điều mà anh tin rằng anh đã thấy đúng. Đó là cái mặt của xác chết. Anh nhớ lúc anh này mò nó, cái mặt nằm ngay, hai mắt ngó thẳng lên trần nhà. Nhưng giờ đây, nó đã quay ngang. (Nó quay ngang từ bao giờ?) và hình như nó cố tình như vậy để khỏi bỏ sót bất cứ một cử chỉ nhỏ nhặt nào của anh.

Đôi mắt của tên vô lại, đôi mắt mở trừng, đôi mắt không chịu khép, lần này nó khiến anh bỗng đứng nổi gai ốc khắp người. Anh cảm tưởng như từ đôi mắt đó, nó đang phóng tới

phía anh rất nhiều sợi giây nhằm cột trói chân anh lại. Và cái cảm giác này đã làm anh hốt hoảng, ù té chạy...

Người đàn ông xô tung cánh cửa sau, bỏ chạy ra ngoài con đường đất nhỏ, lúc những ánh sáng cuối cùng của vạt trăng khuyết cũng đã rút đi hẳn.

Những tàn cây trướng cá không còn trải ra trên mặt đất như bày cơn trùng với những đôi cánh đang xoe ra, đập đập. Đôi hàng xóm, đã có nhà trở dậy và ánh đèn từ những căn nhà này hắt chiếu từng mảng ra ngoài hiên.

Người đàn ông chỉ còn nghe thấy những tiếng chân mình rơi lộp lộp trên mặt đất những tiếng chân dội lên tai anh nghe như những tiếng chân kẻ vô lại đang đuổi theo ráo riết.

Cùng lúc đó, trong một ngôi nhà ở cuối một con hẻm sạch sẽ, nằm giữa trung tâm thành phố, người ta bắt đầu nghe được những tiếng động phát ra từ căn phòng của hai chị em sinh đôi.

Người chị vén mùng chui ra khỏi giường, cô nhẹ nhàng, rón rén bước như sợ làm mất giấc ngủ của em. Cô bước lại cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Những vì sao sót lại, thưa thớt cấy lên một vòm trời đang dần sáng. Cô tự hỏi không hiểu vì đâu suốt một đêm qua cô không chợp mắt được một chút. Cô không thể nghĩ rằng có chuyện gì đó đã xảy đến cho cô hay liên quan tới cô. Cô chỉ nghe lòng mình nóng như lửa đốt. Cô lăn trở hoài với cảm giác cằn cào ruột gan. Cô đếm từng phút. Cô dự định sáng nay, cô sẽ đi làm sớm hơn mọi bữa và buổi trưa cô sẽ ra về sớm. Cô sẽ đến nhà người yêu của cô. In là cô thấy không thể chịu đựng được lâu hơn sự nhớ nhung, lòng thương yêu nồng nàn đang vò xé toi tả thần trí cô. Cô cũng chẳng hiểu vì sao cô lại có cái tâm trạng giao động như vậy, bởi cô mới gặp anh ta vào chiều hôm trước. Anh ta mới đưa cô ra bờ sông. Hai người mới có trọn một buổi tối ngồi bên nhau. Cô tự nhủ chắc là vì hồi chập tối, cô đã uống hết ly trà mà cô tự xưng gọi cô, cho uống. Ly trà thật đặc và đắng chát. Chắc vì thế. Cô nghĩ.

Những lớp mây trên vòm trời ngả màu nhạt hơn nữa. Ánh

sáng đã lơ mờ lan ra trên mọi vật. Cô nhìn thấy chiếc bóng cô vắt ngang một cành cây của căn nhà bên kia ngõ. Chiếc bóng bị cắt đôi. Một nửa như treo lơ lửng trên cành, nửa còn lại, không thấy. Cô đoán nó đã rơi xuống miếng sân bên kia của ngôi nhà ấy. Cái ý nghĩ này làm cô mỉm cười.

Cô quay lại và ngồi vào bàn. Cô với tay bật chiếc đèn ngủ. Ánh sáng làm cô chói mắt và hơi giật mình. Cô nhìn vào giường. Người em song sinh vẫn còn trong thế nằm nghiêng, với cái mặt quay ra, đôi mắt khép.

Chợt cô nghe tiếng nói thoát đi tự trong màn :

— Chị chải đầu đấy à ?

Có lẽ tiếng nói khô, không gọn một chút ngái ngủ đã làm cô hoảng hốt. Tuy vậy, cô vẫn giữ được bình tĩnh trong giọng nói của mình :

— Mày thức rồi sao ?

— Chị tưởng tôi còn ngủ ?

— Ừ.

Người em cười lúng búng trên giường. Sau tiếng cười là sự im lặng. Cái im lặng sệt đặc riều cọt và soi mói. Cô loay hoay muốn tìm một câu chuyện gì để nói với em. Cô nghĩ lung tung nhiều thứ. Nhiều thứ quá cùng tới một lúc trong óc cô. Cô tiếp tục công việc chải tóc còn dở dang. Người em vẫn không nhúc nhích. Nhưng có lẽ cô ta đang gặm nhấm một nỗi thích thú nào đó trong giường. Người ta nghe thấy tiếng cười khúc khích của cô. Người chị quay lại nhìn màn. Chắc cô khó chịu lắm với thái độ của người em. Cô nói :

— Cười gì tao vậy ?

Người em không cười nữa. Cô này nói giọng cô về chưa nhiều triu mến, dịu dàng :

— Đầu có. Em có nhìn thấy gì đâu mà cười chị.

— Không lẽ mày cười mày ?

Người em lại bật cười. Người chị không thể nhìn thấy mặt người em lúc đó ra sao hết. Chỉ nghe giọng nói thật bình thản, lặng lẽ :

— Đúng quá, chị nói đúng quá.

Người chị bực tức đứng lên. Cô có dáng điệu như sắp sửa mở cửa xuống nhà dưới.

Giữa lúc đó, tiếng người em trong màn lại vắng lên, đều đặn :
— Chị này.

Người chị khựng lại. Quay nhìn vào chiếc màn. Cô vẫn chỉ thấy lơ mờ cái hình dạng em cô trên giường mà thôi.

— Gì.

— Chị có nhắn gì anh ấy không ?

— Sao mày hỏi kỳ vậy ?

Người em im lặng. Hình như cô ta bị phân vân khá nhiều với điều sắp nói. Sự im lặng kéo dài có tới một phút. Nhưng sau đấy, người ta lại nghe thấy tiếng nói có vẻ dịu dàng đều đặn vang đưa ra :

— Tôi cảm tưởng như chị nên nói với tôi những gì chị muốn nói lại với anh ấy phòng xa lỡ trưa nay chị không về.

Người chị trừng mắt nhìn vào cái bóng hắt ở tấm màn :

— Mày điên rồi đó hả.

— Chị không nên trù tôi như vậy. Đó là một hành vi không nên có giữa chúng ta.

— Thế sao mày nói...

Người em cướp lời :

— Tại tôi linh cảm thấy thế, tôi nói thế. Tôi rất thành thực chị không thấy sao ?

Người chị nắm chặt hai bàn tay. Cô ta thấy như mình đang run lên vì giận. Cô không hiểu lý do nào khiến chị em cô không thân, gần nhau, mặc dù cả nhà chỉ có hai chị em. Người ta thường nói hai chị em sinh đôi chỉ là một. Có nghĩa hai đứa trẻ đó thương yêu nhau, gần gũi nhau như hình với bóng. Nhưng ở trường hợp của chị em cô thì khác. Cô cho rằng nếu không xảy ra chuyện em cô bị đụng xe phải đưa vào bệnh viện điều trị, bác sĩ cho biết hệ thống thần kinh bị rung động nặng, chắc tình trạng giữa hai chị em khả quan hơn. Ý nghĩ này làm cô dịu lại phần nào cơn giận.

Cô nói :

— Tao chẳng có gì nhắn lại với mày. Vì tao nghĩ chẳng thể có một chuyện gì xảy đến cho tao được. Thôi mày ngủ tiếp đi.

Người chị nói xong dậm bước về phía cửa. Người em vẫn

nằm trên giường, giọng như hoảng hốt bởi một lo sợ bất chợt nào đó. Cô ta gọi giăt giọng:

— Này.

Người chị lại khựng lại. Lần này thì cô không còn dấu được sự bực tức.

Cô nói, giọng gắt gỏng lộ rõ:

— Gì nữa đây, con khỉ?

Người em nói giọng ngập ngừng:

— Chị không nên đi ra khỏi phòng ngay lúc này. Còn sớm lắm mà. Mới hơn sáu giờ.

Người chị tiến lại gần chiếc màn. Cô ta tung một cánh cửa màn lên. Chắc định nhào tận mắt người em, nhưng người em đã nhanh tay, lấy tấm chăn mỏng phủ ngang mặt mình. Tiếng nói của cô bị vướng lại bởi tấm vải dày, nghe khác lạ nhưng vẫn có thể nhận ra không khó khăn.

Cô nói:

— Chị buông màn xuống. Muối vào giờ. Chị nên nghe tôi. Đừng đi làm vào giờ này. Không nên.

Người chị không làm ngay theo lời người em. Cô nhìn thêm một hồi lâu nữa, vẫn không thấy em cô gỡ tấm màn che mặt. Cô thở dài và bỏ cánh cửa màn xuống. Cô quay ra lăm bầm:

— Con này bữa nay lạ quá. Nó điên rồi chắc.

Nói xong cô lẳng lặng mở cửa bước vào chiếc cầu thang gỗ dẫn xuống nhà dưới. Hình như cô không quan tâm tới tiếng gọi với theo (tiếng gọi không bình thường tiếng gọi đem theo nhiều hoảng hốt và tuyệt vọng).

Người chị phải bước chậm thật chậm vì nhà dưới còn tối om, chưa ai trở dậy. Người ta nghe thấy tiếng cô gọi kẻ. Hình như cô gọi mẹ cô trở dậy bật đèn cho cô. Nhưng tiếng gọi chưa kịp tới tai người mẹ nằm ngủ ở cái đi văng kê sát phía ngoài cửa, đã nghe thấy tiếng cô thét. Tiếng thét thất thanh cộng chung với tiếng gãy của gỗ, tiếng một vật gì đó khá nặng lảo nhào từ một chiều cao dốc đổ xuống thấp.

Lúc đèn được bật sáng, thì người chị đã chỉ còn là một cái xác với khá nhiều máu. Máu phun như vòi nước chảy từ sau gáy. Người em gái tung màn chạy ra. Cô còn đứng trên bậc

thang gỗ đầu tiên đã nghe, người cha ở dưới ngược lên quát lớn:

— Đứng đó. Một bậc thang bị sút đinh. Thấy chị mầy không?

Người em làm theo lời người cha vội về kinh hoàng hiện rõ trên gương mặt cô.

Cô đưa mắt nhìn người chị đang nằm giữa vũng máu. Cô chợt nhận ra chiếc bóng cô tuột theo dốc cầu thang, ăn lan tới chỗ cánh tay người chị. (những ngón tay co lại nửa chừng như vừa bằm hụt một cái gì đó).

Người em gái thật lèi trở lên. Cô muốn rút chiếc bóng cô ra xa khỏi cái bàn tay co quắp ấy.

du tử lè

6 - 71

VIÊN LINH

viên mộng

1

Ông cho tôi một tấm vé tàu
Đi suốt con đường nào còn chạy được
Đầu tới phương Tây về hướng Đông hay cực Bắc
Miễn làm sao
Cho tôi một tấm vé tàu
Rời khỏi nơi đây.

2

Tôi không mang theo hành lý
Dù chỉ nặng hai mươi cân
Nhưng nếu bỏ tôi trong một chiếc hòm
Và xếp được vào xó toa vật dụng
Cho tim tôi không đập mau
Quá tám mươi lần mỗi phút
Thì cứ ghi
Tàu có mang theo

Năm mươi cân hành lý
Của một người sẽ nhận ở ga sau

Tên tuổi sẽ tùy
Phía nào ra kiểm soát.

Ông cho tôi một tấm vé tàu
Khởi hành đêm nay ngày mai hay sáng mới
Bất kể về đâu.

3

Nhưng mọi chuyến đi đều bãi bỏ
Tôi đành nhận lãnh tôi
Quay trở về chốn cũ
Tôi đành nhận lãnh tôi
Như một chiếc hòm
Vật dụng của nhà hoang.

4

Ông đã biết tôi nhiều lần toan lần trốn
Nhưng sống là làm sao phải thoát vây

Giữa các phe một mình mày chính nghĩa

5

Em biết không anh đã bán linh hồn
Yêu cuộc sống bằng bản thân bệnh hoạn
Mở ngoác máu như giòng kinh đen
Nhưng trái tim chỉ nhịp nhàng rất chậm

Hé môi xám hoàng hôn
Ngọam bình minh trắng nõn

Mở mười ngón tay lem
Ôm riết mỗi tình em sáng láng

Có hay không tuyệt vọng của niềm vui

6

Hôm qua tôi thao thức
Xanh viễn mộng hồn người
Mây kéo là hải phận
Mưa mắt em
Tầm tã

Trong âm ảnh hư không
Tìm nhau nơi trú ẩn

7

Tôi trở dậy trước bình minh
Quơ tay làm dấu thánh
Đêm đêm nhện vẫn dăng
Khuôn mặt nào đã vắng

Người nào yêu tôi
Hãy hiểu vì sao giòng nước mắt
Người nào yêu tôi
Hãy hiểu vì sao những nụ cười.

Mở trái tim tin nhau
Khép nỗi buồn trong đó

Mở trái tim những đêm về một mình
Khóc lặng lẽ nguồn lệ sâu hạnh phúc,

Hôm qua không gặp em
Đời muôn màng thức giấc

Có phải yêu bằng hồn sẽ chết
Hành hình thi thê giữa dương gian

8

Muốn tìm ra tung tích
Đành tra vấn liên miên
Đời này muôn sự thật
Hãy ngậm miệng ngồi im.

9

Đã xối xả nguồn vui mưa tháng năm
Gột rửa anh nồng nàn trời cuối hạ
Rưng rưng nắng Saigon
Trong phút giây này mà đã mất

10

Ông cho tôi một tấm vé tàu
Dầu những chuyển đi đều bãi bỏ
Ông cứ cho tôi một tấm vé tàu
Đề đêm nay ngày mai hay sáng mới
Có lính dậy nơi đầu
Tôi giả bộ mình vừa tới đó

Đâu cũng vẫn không gian
Những chiều ngang dọc nọ.

11

Đời mất dần năm ba dấu than
Đề thêm nhiều dấu hỏi
Sống đâu phải loanh quanh
Dù chết chỉ là cái chấm,

Có hiểu vì sao yêu là viễn mộng
Mới quen em mà tưởng đã lâu rồi,

Lý tưởng là
Một đôi điều có sẵn
Như hừng đông
Sau khép mắt đêm đen

12

Những sớm mai nền trời hơn hờ
Những đêm sao vắng vạc hư vô

Gleo suốt thỉnh không linh hồn nào trắng muốt

13

Yêu là cùng mong đợi
Chết một ngày trên một đỉnh bàn hoạn

Giữa bình minh hình thức nọ

14

Môi em một chấm hồng
Điểm mặt anh xanh niêm xao xuyến
Dung nhan em một tấm gương
Soi thấu anh vật sù sì không phản chiếu.

15

Hãy cho tôi một tấm vé lâu
Đầu phải về sa mạc
Hãy cho tôi cơn nóng dù điên
Biết đập vỡ giá băng vừa đóng kín.

16

Chơi vơi như kẻ hồng hoang
Tôi thiết gì Đất Hứa

Kiểm tìm em lúc này
Tôi muốn về tận địa,

Amen.

viên linh

VĨNH LỘC

tàn cơn gió loạn

(tiếp theo)

6.

— Đêm qua em ngủ ngon không ?

Căn phòng vắng, khoảng trời sám đục ngoài khung cửa, giọng nói nào cất lên. Tâm thức giấc trong một cảm giác mệt mỏi, mùi thơm lavande mát dịu trong khung cảnh trống vắng của gian phòng xa lạ. Người đàn ông tối qua đang ngồi hút thuốc bên cạnh nàng, Tâm gượng ngồi lên, nhưng chợt nghe vai mình lạnh giá, nàng đã ngủ với thân thể trần trụi trong tấm chăn len mỏng. Khoảng khắc nàng hình dung lại cuộc gặp gỡ lạ lùng chiều qua, người đàn ông với giọng nói êm đềm gọi cảm, bữa ăn thân mật trong quán vắng, con đường thị trấn hun hút lạnh về khuya, căn nhà vùng ngoại ô, khung cảnh gian phòng ấm cúng, nhạc thánh phông êm dịu và cuối cùng là tiếng muỗi kêu trong một đoạn phim về J.Strauss. Con mèo nhẹ nhàng trườn ngộp lên thân thể nàng như từng đợt thủy triều ấm áp. Con mèo đó đưa nàng qua những vùng cảm xúc mãnh liệt, như người vừa nhấp ly rượu đầu đời, trong hơi thở dồn dập nóng bỏng nơi thân thể người đàn ông.

Cánh tay cuồng nhiệt ôm riết lên bờ vai, rồi những vuốt ve nồng ấm, mê man. Như một cơn say rất dịu dàng, những cảm giác thần tiên tê tái, như cánh hồng nhung nấp mát dợt trên da thịt, những đê mê lặng người, những oằn oại bênh bồng buồng trôi, những rên xiết cùng cực thỏa mãn...

Đôi mắt ấy bây giờ đang ở trước mặt nàng, một vẻ buồn phiền đã thú. Tâm kéo mền lên vai như sợ khoảng trống còn lại trên thân thể sẽ lôi kéo người đàn ông vào cơn bão dục tình khó cản.

— Anh đã bỏ thuốc mê vào ly nước cam cho tôi uống hồi hôm, phải không ? Anh thủ đoạn quá...

Người đàn ông nhìn đắm đắm vào khuôn mặt mệt mỏi nhưng còn đầy tình tứ, đóng nốt vở kịch vụng về :

— Anh xin lỗi em. Anh đã quá vội vàng. Đáng lẽ anh kiên nhẫn một chút thì bữa nay em sẽ không nhìn anh bằng cặp mắt hờn trách kia.

Dưới lớp mền đôi vai người đàn bà rung lên, rồi những hạt nước mắt bắt đầu rơi xuống má :

— Anh đi ra cho tôi mặc quần áo.

— Trong phòng tắm có nước nóng, em có thể vô tắm, Anh pha cà phê cho em và đợi em ăn sáng ở ngoài này.

Người đàn ông nói với giọng hết sức ngọt ngào, như đối thoại của hai vợ chồng mới cưới sau đêm tân hôn. Y đưa cho Tâm áo khoác và ý tứ quay trở ra phòng bên. Tâm lúng túng trong tấm mền một lúc sau, khi người đàn ông đã khuất nàng thu vội mình vào trong tấm áo rộng rồi bước rón rén sang phòng tắm. Bốn bức tường trắng làm tăng thêm không khí lạnh lẽo trong phòng. Tâm đổ nước vào bồn rửa mặt, những cảm giác ấm áp đầu tiên làm nàng thôi thẫn thức. Nàng xối nước nóng khắp mình và nghe như những nhor nhóp của đêm qua trên thân thể nàng đang tan dần theo bọt xà bông.

Nàng ra khỏi phòng tắm với thân thể thoải mái. Người đàn ông đang ngồi hút thuốc như lúc nãy, đôi dép nhện trên bàn chân gác chéo, quần kaki Mỹ bóng còn nguyên nếp, áo sơ mi nhà binh tay dài trên cổ không một vết nhăn. Chàng nhìn Tâm

với cặp mắt tinh tú, một thêm muốn trẻ thơ bộc lộ, như người sắp nhận được một kỷ vật quý báu mong đợi trong bao lâu. Chàng kéo ghế cho Tâm, về lịch sự rất tây phương, trái nghịch hẳn với khổ mặt nông dân cục mịch của người bạn đồng hành trên chuyến xe ngày nọ. Mấy chiếc bánh khô đặt gọn gàng trên chiếc đĩa nhỏ. Bên cạnh là bình nứt và một khoanh bơ nhạt. Mùi cà phê khiến Tâm nghe đói bụng.

— Anh hút thuốc lá nhiều có làm phiền em không?

Tâm lắc đầu lơ đãng. Khoảng trời xám ngoài cửa gọi lên hình ảnh buổi sáng mù sương khi nàng trở giấy len len hôn lên trán con rồi với chiếc va ly nhỏ theo người tá điền ra đón chuyến xe thứ nhất trong năm. Thăng Sinh ôm gối ngủ nét mặt hiền hòa như nhiều đêm khi nàng thức giấc, nó không thể ngờ được rằng mẹ nó đã đối gặt nó một cách bỉ ổi như thế này. Giờ này con đang làm gì trong cái gia đình mà bây giờ con hoàn toàn cô đơn? Con sẽ phải đương đầu với một người đàn bà đánh ác luôn luôn tìm dịp hành hạ mẹ con mình. Một ngày gần đây những ngọn roi tàn nhẫn đã làm cho ba con phải rời bỏ gia đình, tức tưởi, sẽ là phần gia tài khổng lồ của con. Con phải can đảm như người lớn, con phải can đảm mà chịu đựng, nhịn nhục. Phần số của mẹ con mình như vậy, biết làm sao?

— Nay em ăn đi rồi dùng cà phê kéo nguội...

Tâm cắn chặt môi, nàng cố gắng để khỏi khóc trước người đàn ông, nhưng những hạt nước mắt như nước vỡ bờ đã tuôn tràn xuống má.

— Sự việc đã như thế rồi, xin em đừng buồn. Anh sẽ lại thưa chuyện với Suzanne, đưa em về hẳn đây. Anh tổ chức lễ cưới đăng hoàng, nếu em đồng ý...

Tâm để yên cho người đàn ông lau những hạt nước mắt trên má, bàn tay chàng nâng cằm, đáng điệu dịu dàng ấy trong nỗi thờ ơ, chua xót của nàng.

— Nếu anh biết rằng tôi đã có chồng, có con rồi, anh còn giữ ý định diên rở đó nữa không?

— Nếu được diên, anh vẫn xin tình nguyện. Anh không bao giờ lại có dã tâm cướp vợ con người khác, nhưng trường hợp

em, anh linh cảm rằng cuộc đời của em không có hạnh phúc, hoặc người đàn ông đó đã... bỏ đi.

Tâm đón miếng bánh trên tay Giắc, bàn tay có những ngón xương xẩu, đen đui, nhưng khéo léo, như đã được luyện tập công phu, trong nhiều cuộc tiếp tân tại nhà bạn bè người Âu. Giọng nói chân thành đó, cử chỉ lịch thiệp thật trái ngược hẳn với vóc dáng vụng về quá khách chác hẳn đã làm siêu lòng nhiều phụ nữ.

— Bao nhiêu người đàn bà qua trông đời anh rồi? Anh hào hoa đến dễ sợ... Nhưng tôi thì không có gì để lo ngại hết, tôi đã cho anh thật dễ dàng cũng như tôi đã để lại đứa con trong cái gia đình địa ngục của nhà chồng tôi... Tôi đã mất hết, mất hết, chẳng còn gì, khi tôi bỏ đứa nhỏ lại để một mình nó tự đương đầu với những khốn khổ mà những người lớn tuổi đã hết chịu đựng nổi.

Bàn tay người đàn ông đặt lên vai Tâm, giọng y ấm áp:

— Anh sẽ đón nó về ở với em, nó bây giờ bao nhiêu tuổi, học lớp mấy rồi?

Cái viễn ảnh chồng mới, con riêng như một chân trời hết sức u ám khiến Tâm rùng mình. Nàng không thể bỏ thằng Sinh, hạt máu nàng đã mang trong mình với nhiều tủ nhục với hạnh phúc đắng cay ngang trái, trong khoảng thời giông bão nàng đã sống, đứa con như một tia sáng hy vọng mong manh nhưng cần thiết như mặt trời cho mùa đông giá lạnh.

— Anh hãy để cho tôi suy nghĩ. Bây giờ tôi phải về kéo chị Liễu đợi...

— Anh sẽ đi cùng với em, nếu không có gì trở ngại.

Tâm không trả lời, nàng đi ra khỏi căn nhà như một chiếc bóng. Con đường xuống phố còn hằn lên những vết bùn lầy, mặt trời lợt lạt như người đàn bà dậy muộn không son phấn, những tiếng trọng pháo đầu tiên trong ngày rung chuyển cả thị trấn bé nhỏ, và xa xa tiếng gầm rú ồn ào của những chiếc xe nhà binh mười bánh làm phố xá trầm nhập trong bụi sấm.

Tâm đẩy cửa vào, từng giấy bàn trống vắng ngồn ngộn, người lao công già đương lau dọn phía ngoài và cô chiêu đãi người nhà xếp lại những ly và chai trên quầy rượu. Bên cạnh cô

một bản nhạc khiêu vũ chói tai, chiếc kim mòn và rãnh đĩa chạy quá nhiều đề những khoảng rề rề khó chịu, nhưng thanh âm dường như làm bớt vẻ trống trải của tiệm rượu buổi sáng thường không mở cửa vì vắng khách.

Liều đang ngồi trước bàn phấn, như một cô đào nhất đã qua tuổi xuân thì, uể oải làm cái việc nhàm chán mỗi ngày là sửa lại dung nhan đang bắt đầu tàn tạ của mình. Liều chỉ hơn Tâm chừng dăm tuổi, nhưng cuộc đời sớm dầy dạn đã khiến cho những mùa xuân qua rất mau trên khuôn mặt đáng lẽ còn tươi trẻ của nàng. Liều sống cuộc sống hết sức buông thả, và cuộc đời trôi nổi của nàng đã qua biết bao nhiêu khuôn mặt đàn ông từ trẻ đến già, mà bây giờ đây đã tới giai đoạn của những tên lính viễn chinh tiêu tiền như ngày mai là tận thế.

— Tôi tưởng anh bắt cóc nó đi rồi ?

Liều không quay lại mà nói với hai người trong gương. Nàng đề ý đến vẻ mặt sấu sảo của Tâm rồi bỗng bật lên cười khanh khách.

— Cô bé quàng khăn đỏ đã bị con chó sói làm thịt rồi phải không ?

Nàng hỏi câu di dỏm đó để được thấy vẻ bối rối trẻ con khi bị bắt gặp đương lén lút nghịch ngợm. Tâm không trả lời, nụ cười buồn bã trên môi, Giắc đứng sau nàng như con chiến sắp bước vào nơi xung tội. Liều chậm chạp tô son lên môi, ngắm nghĩa mình một lúc nữa trong gương rồi quay lại :

— Này anh Giắc, tôi nói cho anh biết cuộc chinh phục lần này của anh không mấy vẻ vang. Con nhỏ khờ khạo như vậy đang ở vào một hoàn cảnh buồn phiền. Nó sẽ rơi dễ dàng vào tay người đàn ông thứ nhất đến an ủi nó...

— Lần này tôi không đùa, Suzanne hãy cố tin tôi một chút

— Tin anh đề mà bán đứng cuộc đời cho quỷ Sa tăng à? Này Tâm, hãy kể cho chị nghe chàng sở khanh đã đưa em đi những đâu đêm qua?

— Chị đã giới thiệu anh Giắc với tôi mà.

— Tâm đề anh nói, Giắc chặn lời sợ Tâm sẽ kể lại sự việc

không mấy lịch sự đêm qua khi chàng bỏ thuốc ngủ vào ly nước cho nàng. Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ xin cưới Tâm...

Liều hất ngược mở tóc dài óng ả, nét mặt hết sức khiêu khích: — Tôi không tin một người giàu tính cảm và thủ đoạn với đàn bà như anh mà lại có thể bị cú sét ái tình trước một con nhỏ quê mùa này...

Giọng Liều gay gắt gần như tàn nhẫn, nàng biết vậy nhưng cố gắng thuyết phục Tâm. Sự việc xảy ra do nàng bây giờ chính nàng phải gỡ rối lấy.

— Khờ quá, tôi phải làm cách nào để chị tin được là tôi thật lòng yêu Tâm, chị cứ cho là cú sét ái tình hay là gì gì nữa đi cũng được. Điều tôi muốn thành thực nói với chị là tôi đang định... cưới Tâm.

Giắc kéo ghế cho Tâm ngồi, nàng thần thờ, lạnh lùng thản nhiên như người đang ở ngoài cuộc, câu chuyện hoàn toàn không dính dáng gì đến nàng hết.

— Nếu Tâm nó không lên đây do lời mời của tôi, nếu nó ở một nơi khác, tôi sẽ không nhọc xác can dự vào chuyện của hai người. Bây giờ sự việc đã xảy ra như vậy, tôi nghĩ rằng anh nên hỏi thẳng với Tâm việc đó. Vả lại, tôi cũng cần nói thêm đề anh rõ: Tâm là một người đàn bà đã có chồng, có con. Nó lên đây sống với tôi mong tìm một kẻ sinh nhai... lương thiện. Tôi không thể đẩy nó vào tay bất cứ một người đàn ông nào. Anh nên nhớ tôi mở ba, chứ không mở nhà chứa...

Khuôn mặt người đàn ông bắt đầu biến sắc, ở một hoàn cảnh khác hẳn không ngần ngại áp dụng vũ lực, dù với một người đàn bà, nhất là người đàn bà đó đương nhục mạ mình. Gã nuốt nước bọt, cố gắng biện bạch :

— Tâm đã nói với tôi hết. Một lần nữa tôi mong Suzanne nghĩ tình bạn cũ, thông cảm dùm tôi. Nếu cần tôi... xin thề: Tôi hoàn toàn thành thực khi đi với Tâm lại đây tìm chị. Tôi hy vọng chị sẽ giúp được chúng tôi. Vậy mà chị đang sỉ vả tôi. Tội tôi quá...

Nãy giờ Tâm ngồi đó, như một cái bóng bơ vơ, nàng không nghĩ được gì, một cảm giác mệt mỏi, rời rã như người muốn

nằm xuống ngủ một giấc... một giấc ngàn thu. Cuộc đối thoại đã đến lúc gay cấn, Suzanne giận dữ như một con sư tử cái, cuộc sống của nàng khác nào như trong rừng thú dữ, bản năng tồn tại khiến nàng quên hết những nguy hiểm có thể xảy ra sau này vì những hành động nóng nảy không suy tính. Quán rượu của nàng là một trong những nơi du bỹ ít bị phiền nhiễu nhất ở thị trấn, một phần lớn cũng nhờ sự can thiệp và thế lực của Giắc. Bây giờ nàng gây chuyện với hán khác nào mua giấy buộc mình.

— Thôi, chị đừng nóng. Vả lại giữa tôi với anh Giắc... chưa có sự gì đến nỗi... quá muộn đâu.

Giọng Tâm chậm chạp buồn phiền, nàng cố gắng ra khỏi cơn bão, người đàn ông đương đứng bất lực trước những lời gay gắt của Liễu, trông y thật tội nghiệp.

— Thôi, anh về đi. Chị Liễu nóng vì quá thương tôi. Anh nên về để tôi có thời gian suy nghĩ....

Giắc cầm lấy bàn tay mềm nhũn của người đàn bà :

— Em không buồn là anh rất sung sướng. Anh sẽ nghe em, anh sẽ bền tâm chờ đợi. Tôi về đây Suzanne, tôi mong Suzanne sẽ thông cảm hoàn cảnh của hai đứa tôi.

Gã bước nhanh như người đi trốn, qua gian nhà rộng với giấy bàn ghế trống trơn. Bên ngoài người chiêu đãi đang ngồi dài thẽ, ăn quà sáng. Âm nhạc vũ đã tắt, chỉ còn tiếng trọng pháo rung thị trấn với xe mười bánh tung bụi mù lên đường phố. Một ngày lại bắt đầu cho cuộc xâu xé tàn khốc mà người ta gọi là chiến tranh, trên những vùng đất cằn cỗi nghèo nàn Việt Nam.

vĩnh lộc

(còn nữa)

THƯ

đến từ bạn đọc

TỰ ĐÔNG KINH, NHẬT BẢN

... Kết quả cuộc bầu cử trong Đại hội thường nhiệm lần thứ 18 của Hội Sinh viên Việt nam tại Nhật bản tổ chức vào ngày 25-4-1971 vừa qua tại Đông kinh được ghi nhận như sau :

● BAN CHẤP HÀNH :

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| — Hội trưởng | : Anh NGÔ VIỆT CẦM |
| — Phó Hội trưởng | : Anh LÊ TIẾN CƯỜNG |
| — Tổng Thư Ký | : Anh DƯƠNG VĂN QUẢ |
| — Phó Tổng Thư ký | : Anh NGUYỄN MINH THÀNH |
| — Trưởng ban Văn hóa | : Anh TRẦN VĂN THO |
| — Trưởng ban Báo chí | : Anh TÔN THẮT QUỐC DŨNG |
| — Trưởng ban Xã hội | : Anh MAI VĂN HẢO |
| — Trưởng ban Thể thao | : Anh NGUYỄN CÔNG DANH |
| — Trưởng ban Tài chánh | : Anh TRƯƠNG VĂN TÂN |

● ỦY BAN BẢO VỆ NỘI QUY :

Các anh :

- LÊ VĂN PHỤNG
- TÔ BỬU LƯƠNG
- NGUYỄN XUÂN THIÊN

hội sinh viên việt nam tại nhật bản.

Tháng 4-71.

TỰ QUẢNG NGÃI.

Tôi đã đọc kỹ bài Đức Phật, Nhà Đại Cách Mạng của ông Bùi Tường Huân. Và có vài ý kiến xin gửi tới quý báo.

1). Ông Bùi Tường Huân viết: «Sự thật Đức Phật không vạch rõ ra một đường tối cách mạng, một chủ trương cách mạng. Ngài không dạy chúng ta phương pháp làm cách mạng và cũng không đưa ra những giải pháp gọi là cách mạng.» Ông Huân giải thích điều đó bằng óc thực tiễn của Đức Phật muốn rằng «con người sau này sẽ phải tùy hoàn cảnh đổi thay trong không gian và thời gian mà tìm ra những giải pháp thích hợp». Theo thiện ý, Đức Phật không chỉ nêu lên tư tưởng cách mạng, «dạy cho chúng ta những điều nên làm trong phạm vi chính trị, kinh tế, xã hội», như ông Huân đã nói đến, mà chính Đức Phật đã *làm cách mạng*, nếu chúng ta theo dõi cuộc đời của Ngài, từ lúc lên đường lìa bỏ gia đình, tìm đạo, giác ngộ ở gốc Bồ đề đến lúc quyết định dẫn thân vào hành trình truyền đạo. Và *phương pháp làm cách mạng* của Phật tổ tiềm tàng ngay trong cuộc sống của Ngài. Muốn tìm, phải tìm ở đó.

2). Tôi rất ngạc nhiên khi nhận thấy, mặc dầu Phật giáo của chúng ta có đầy đủ tư tưởng cách mạng, và những điều thực tiễn đề «*làm cách mạng*» — tư tưởng cách mạng rất cao đẹp, những điều thực tiễn khuyến cáo rất cụ thể —, mà tại sao Giáo hội lại không trích dẫn, phổ biến đề áp dụng?

phạm hoài nam

Quảng Ngãi